

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

non nước PHÚ YÊN

Tựa của NGUYỄN HIẾN LÊ



(In lần thứ hai)



NGUYỄN ĐÌNH TƯ

non nước
PHÚ YÊN

Tựa của
NGUYỄN HIẾN LÊ

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tựa

Đã lâu lắm tôi chưa được đọc một cuốn địa danh phương chí nào đầy đủ như cuốn này: ngoài những mục thường thấy trong những cuốn khác, như địa lý, lịch sử, cổ tích, nhân vật, nguồn lợi kinh tế... tác giả còn chép lại nhiều thống kê mới nhất về thời tiết, giáo dục, lại có sáng kiến ghi cả giọng nói và cách phát âm của dân quê tỉnh Phú Yên. Chỉ đọc những bản kê những sách báo tham khảo, gồm trên hai chục loại, ta cũng thấy công phu của tác giả ra sao; mà công phu đó còn là nhỏ so với công phu ông chịu đi khắp từng miền, tiếp xúc với mọi từng lớp dân chúng, gom góp những tài liệu sống như phong tục, ca dao, bài vè, câu thơ, điệu hát... đó rồi khi dẫn dắt ta thăm cảnh, ông vừa giảng giải vừa xen những tài liệu đó vào cho câu chuyện thêm vui; nhờ vậy ta có cảm tưởng được đọc một tập du ký hơn là một cuốn địa phương chí. Đúng như lời ông nói, ông đã "văn nghệ hóa môn sử" để chúng ta hiểu non sông hơn và yêu non sông hơn.

Khi gấp tập bản thảo lại, tôi băng khuâng nhớ lần tôi thăm Phú Yên cách đây đã trên hai chục năm, nhớ từ những rặng dương ở Đại Lãnh tới những vườn dừa ở Sông Cầu; nhớ cảnh Hảo Sơn hùng vĩ, lạnh lẽo rừng rợn trong sương chiều, nhớ những động cát trùng trùng điệp điệp đỏ rực lên khi mặt trời mọc; nhớ ngọn Bi Sơn mà đi đến đâu tôi cũng thấy cơ hồ nó có sức hấp dẫn kỳ dị, phải chăng vì nó còn giữ di tích của vua Lê Thánh Tôn; nhớ nhất là những bãi cát vàng xinh xinh, hình bán

nguyệt, viền sóng bạc, quay mặt ra những cái vũng mà nước xanh như ngọc thạch và dựa lưng vào những rặng núi cao ngất, âm u. Một đêm tôi qua Đèo Cả, đương mê man ngắm cảnh biển mênh mông nhấp nhô dưới ánh trăng thì xe lửa qua một khúc quẹo và những lớp sóng bạc bỗng biến đâu mất và trước mặt tôi hiện lên một dãy núi đen tím với một cái vũng lốm đốm mười ngọn đèn chài đỏ trên một làn nước phẳng lặng, cảnh biển đổi thật là huyền ảo và trong một phút, tôi đã có cảm giác mọc cánh mà lên tiên.

Đọc theo miềm duyên hải Phú Yên, có biết bao nhiêu những cái vũng **đẹp như vậy**, thực đúng như là ca dao trong miềm:

Vũng Đông, vũng Lắm, vũng Chèo,

Vũng La, vũng Sủ, chỗ nào cũng thương.

Và tôi "thương" cảnh Phú Yên ngay từ buổi đó. Đã có lần tôi dự định sẽ kiếm một khu vườn ở vũng Lắm hoặc Xuân Đài để ngắm cảnh núi non trời biển cho thỏa mắt.

Mộng đó chưa được thực hiện thì hôm nay ông Nguyễn Đình Tư vô tình nhắc nhở tôi làm cho tôi nhớ thời xưa mà lòng sinh bùi ngùi. Có cái duyên gì đây mà ông Nguyễn gởi tác phẩm đầu tiên của ông cho tôi đọc trước, mà tác phẩm đó chính là tác phẩm viết về một miềm mà tôi thích, tôi mê?

Tôi ao ước cuộc đời ông đầy ông Nguyễn ạ.

Nghề Địa Chánh của ông ngày nay cũng giống với nghề Công Chánh của tôi trước kia; chí hướng của ông cũng là chí hướng của tôi trước kia. Vì trước kia tôi đã định mỗi năm đi từng chặng, thăm cho khắp miềm duyên hải Trung Việt để viết một tập du ký nhan đề là "Theo đường thiên lý", và tôi đã đi được từ Phan Thiết tới Qui Nhơn rồi phải ngừng vì chiến tranh; tôi lại đã

Non nước Phú Yên

viết được vài tập; nhưng rồi không hiểu có cái gì xui khiến, tôi lại bỏ cái nghề cũ nay đây mai đó giữa cảnh non sông, mà tự giam mình trong phòng sách như ngày nay, thành thử tập du ký nọ đành bỏ dở mà bản thảo thì càng xuống màu ở trong hộp tủ. Bây giờ đây, tôi già rồi, có muốn nối lại chí xưa, e cũng không được nữa, nhất là trong thời buổi loạn lạc này. Thì ra, cả trong cái nghề cầm bút, dễ gì đã theo đúng chí hướng của mình. Cơ hồ như có tiền định cả. Ôi ! hôm nay sao tôi nhớ miền duyên hải Trung Việt, nhất là nhớ Phú Yên đến thế !

Thôi thì đành đợi ông xuất bản lần lần những tác phẩm của ông để mà đọc vậy. Chẳng đi được, chẳng viết được thì đọc. Ông xuất bản sớm sớm lên nhé.

Ông đã viết xong về năm tỉnh từ Khánh Hòa tới Quảng Tín, tôi mong ông viết nốt từ Khánh Hòa tới Phan Thiết, rồi từ Quảng Tín tới Quảng Trị. À, mà tới cả Quảng Bình, Hà Tĩnh... nữa chứ, sao lại không ? Ông cứ kiên nhẫn viết đi. Đừng ngại không có người đọc. Non sông của ta đẹp đẽ như vậy, công phu của tổ tiên khó nhọc như vậy mà lòng thành của ông nồng nhiệt như vậy thì thế nào chẳng có nhiều người hoan nghênh tác phẩm của ông, mà những đồng bào muốn hiểu thêm, yêu thêm nước Việt của chúng ta, chẳng nhờ ông chỉ dẫn thì nhờ ai ? Rồi ông sẽ tìm được tri kỷ ở bốn phương, sẽ có những người viết tiếp và mỗi tỉnh trong toàn cõi, từ Hà Tiên đến Nam Quan. Và đó là niềm vui nhất của bọn cầm bút chúng ta, phải không ông ?

Ông đưa tác phẩm cho tôi coi trước là có nhã ý nhận tôi là bạn đồng chí của ông đấy. Tôi xin cảm ơn ông và chép lại mấy hàng này để ghi tấc lòng đó.

Sài Gòn ngày 25 - 1 - 1965

NGUYỄN HIẾN LÊ

Lời nói đầu

Nước Việt Nam ta từ ngày lập quốc đến nay, trải qua 4.000 năm lịch sử. Tổ tiên ta đã từng chống xâm lăng Bắc phương để bảo tồn nền độc lập, chinh phạt phương Nam để mở mang bờ cõi. Tổ tiên ta lớp lớp đã ngã gục nơi chiến trường, lấy máu đào tô thắm giang sơn. Nhờ có truyền thống anh dũng ấy, mà trải qua những giai đoạn đen tối nhất lịch sử, cơ hồ như tên tuổi Việt Nam đã bị xóa mờ trên bản đồ thế giới, dân tộc ta vẫn quật khởi lên được để hiên ngang đứng vững trên bờ Thái Bình Dương.

Là con dân đất Việt, tôi vô cùng hãnh diện với quá khứ oai hùng ấy.

Nhưng !...

Giữa thời đại văn minh nguyên tử này, trong lúc nhân loại đang hưởng hạnh phúc yên vui, thì dân tộc ta ngót 20 năm nay đắm chìm trong máu lửa. Thảm cảnh “nồi da xáo thịt” xảy ra hàng ngày do tham vọng của những kẻ điên cuồng, tay sai ngoại quốc gây nên. Người ta đang âm mưu biến giang san gấm vóc này thành quận huyện hay một tiểu bang của nước ngoài, nhấn chìm chà đạp lên sự hy sinh của các bậc tiền bối.

“Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”. Đứng trước thảm trạng ấy, ai mà lại không đau lòng. Tôi chỉ là một kẻ thất phu - không phải là nhà chính trị để có thể thay chuyển thế cờ của đất nước, không phải là nhà quân sự để có thể ra mặt trận

chỉ huy ba quân đánh đuổi xâm lăng, không phải là nhà kinh tế để có thể đưa ra những chương trình kế hoạch làm cho dân giàu nước mạnh - tôi chỉ là một kẻ thất phu vô tài, nhưng gần bó sát son với dãy đất hình chữ S này, tự thấy có bốn phận phải làm một cái gì để khỏi đắc tội với tiền nhân, khỏi mang tiếng là phường vong bản.

Cái gì mà tôi có thể làm được, hợp với khả năng, ấy là giới thiệu mảnh giang sơn gấm vóc này, bằng cách đi sâu nghiên cứu từng tỉnh một, từ những cảnh đẹp thiên nhiên, đến những công trình tô điểm của tổ tiên cùng là khả năng kinh tế, giúp chúng ta tự cường được.

Có hiểu nước mới yêu nước, muốn hiểu nước, không gì hơn đi thăm viếng khắp nơi, tìm hiểu từng quả núi, từng mạch sông, đọc lại những trang sử oai hùng để thấy được rằng giang sơn chúng ta tươi đẹp, lãnh thổ chúng ta phong phú tài nguyên, dân tộc chúng ta anh dũng đầy chí quật cường. Nhưng vì hoàn cảnh khác nhau, không dễ gì ai cũng có thể đi du lịch khắp nơi. Vì vậy, tôi tự nguyện làm người chỉ đường đưa du khách đi thăm từng tỉnh một, bằng cách biên khảo tường tận, cung cấp những tài liệu xác thực, để người đọc dù không đến tận nơi, cũng có thể tìm hiểu được dễ dàng. Đó là sở nguyện của tôi, còn khả năng tôi có làm cho tôi đạt mục đích hay không, tập tài liệu này có được ai đọc tới, và có gây được một tác động tâm lý nào đối với độc giả, thì đó lại là việc khác.

Ngoài mục đích chính yếu trên, tôi còn nhắm mục đích thứ hai như sau :

Tự ngàn xưa, trong dân chúng Việt Nam, phần đông tuy thất học, nhưng rất giàu tâm hồn thi sĩ, đã sáng tác ra những câu hò, bài vè, điệu hát, lời ca vô cùng ý nhị và phong

phú, không nơi nào là không có. Một ngọn đồi, một lạch sông, một ngôi đền, một quảng đào, một cái chợ, một cánh đồng, một rừng cây, một vùng biển, một bến đò, nhất nhất cái gì của quê hương cũng là đề tài cho người dân gửi gắm tâm sự.

Ngoài ra, nơi thôn dã có những phong tục tập quán rất thuần nhĩ, phản ánh sắc thái tinh thần của dân tộc, lại cũng là nơi còn lưu truyền những câu chuyện cổ tích thần thoại rất phong phú.

Nhưng vài mươi năm nay, phong trào đời sống mới đã làm thay đổi nhịp sống êm đềm, bình thản của người dân. Những bản nhạc du dương, những cuốn phim cao bồi quá gối, những quán trà tiẽm nhẩy mọc ra như nấm, lôi kéo thanh niên rẽ vào một hướng khác, hầu như ly dị với quá khứ. Những câu ca dao, những điệu hò, điệu hát miền quê, những câu chuyện cổ tích, thần thoại chỉ còn ghi lại trong ký ức của một số ông già bà lão, một lần hỏi tới cũng phải mất hàng giờ mới lần nhớ lại được một ít. Cái cảnh đêm đêm dưới ánh đèn dầu leo lét, bà ngồi kể chuyện xưa cho đàn cháu nghe, những cảnh vừa gặt lúa vừa cất cao giọng hò, vừa tát nước vừa ví von, vừa đập lúa vừa cất cao giọng hò đối đáp nhau qua lời ca hầu như không còn nữa ! Sợ rằng chỉ mươi lăm năm nữa, khi các cụ già qua đời, những tài liệu văn hóa ấy cũng sẽ theo các cụ mà đi vào quên lãng của thời gian.

Vì vậy, tôi cố gắng ghi lại trong tập biên khảo này một phần nào những tài liệu ấy, để tiện cho những nhà khảo cứu văn hóa dân tộc về sau.

Sau cùng, tôi còn nhắc mục đích thứ ba là “văn nghệ hóa” môn sử địa, lâu nay vốn là một môn học khô khan của nhà trường. Nếu trình bày theo phương pháp của các sách giáo

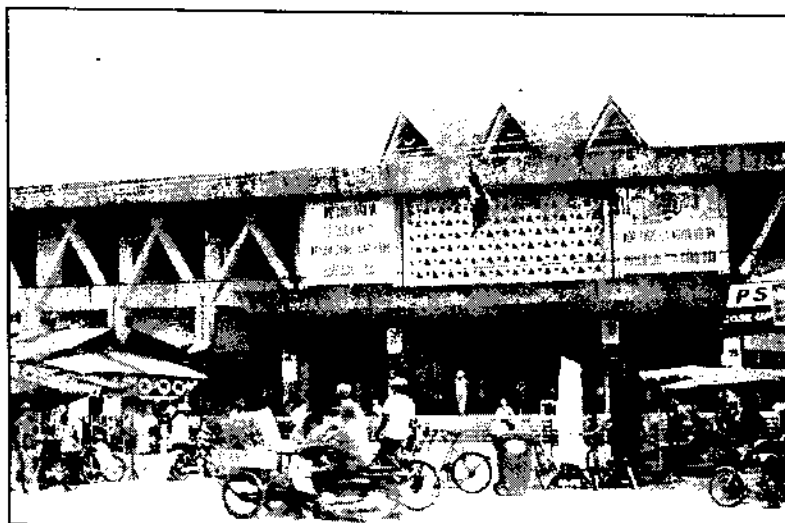
khoa, người đọc sẽ chán, cho nên tôi dùng một lối văn giản dị, vui tươi, có khi hài hước, kèm thêm những mẫu chuyện trữ tình, cổ tích hay thần thoại để trình bày những tài liệu sử địa chính xác, đã được quan sát tại chỗ, hoặc tham khảo trong các sách báo đứng đắn, khiến cho người đọc có thể dùng làm môn giải trí trong lúc thừa nhàn, vừa tìm hiểu được cái hay cái đẹp và quá trình diễn tiến của giang sơn đất tổ, những nhà khảo cứu, các nhà giáo dục, các sinh viên, học sinh cũng có thể lấy làm tài liệu để biên soạn các sách khảo cứu đầy đủ hơn, hoặc các bài giáo khoa trong giờ sử địa ở nhà trường.

Tóm lại, dù nhắm mục đích gì để biên khảo tập tài liệu này cũng không đáng kể. Điều đáng kể là động cơ nào đã thúc đẩy tôi - một kẻ tài hèn sức mọn - bắt tay vào một công việc to tát khó khăn này, ấy là mối tình yêu quê hương đất nước của tôi vậy. Do đó nếu tập sách nhỏ này không làm vừa lòng quý vị như sự mong ước của tôi, cũng xin quý vị niệm tình tha thứ và chỉ bảo những chỗ sai lầm, thiếu sót.

Như trên đã nói, để “văn nghệ hóa” môn sử địa, trong lúc trình bày tài liệu, tôi có mượn những câu ca dao kim cổ, trích những bài thơ của các thi sĩ để làm cho câu chuyện đỡ khô khan. Vì không biết địa chỉ, nên không thể viết thư tới xin phép từng vị được. Nhân tiện mượn lời đầu sách này, tôi kính mong quý vị hoan hỷ miễn thứ cho sự thiếu sót đó, và xin quý vị nhận nơi đây lòng chân thành cảm tạ của tôi.

Nha thành ngày Mạnh Đông Giáp Thìn (1964)

NGUYỄN ĐÌNH TƯ



Chợ Tuy Hòa



Ga Tuy Hòa

Phần thứ nhất
Cảnh đẹp thiên nhiên

Chương I

Vị trí - Diện tích

Phú Yên là một tỉnh nhỏ nhưng phong phú ở về phía Nam Trung nguyên Trung phần Việt Nam, giống như một cái hình năm cạnh, phía Bắc giáp tỉnh Bình Định ở cây số 1234,292 trên Quốc lộ số 1, phía Tây giáp tỉnh Phú Bổn và tỉnh Darlac, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa ở cây số 1360,815, phía Đông giáp biển Đông Hải (1). Tuy Hòa (2) là tỉnh lỵ, cách Sài Gòn 570 cây số, cách cố đô Huế 506 cây số, cách Nha Trang 221 cây số, cách Qui Nhơn 112 cây số. Hai đầu Bắc Nam tỉnh có đèo cao chắn ngang, tạo thành ranh giới thiên nhiên, cách nhau 117 cây số, nối liền ba tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa như răng với lợi, tỉnh thẳm thiết như trong một nhà. Cho nên :

Anh về Bình Định thăm cha,

Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

Nhưng vì Đèo Cả phía trong quá cao và đường đi hiểm trở, nên sự liên lạc giữa Bình Định và Phú Yên có phần chặt

(1) Trong sách này tôi dùng "biển Đông Hải" thay vì "biển Nam Hải" như các sách thường dùng, vì lẽ dân chúng Việt Nam đều gọi biển Đông, chứ không gọi là biển Nam.. Bằng chứng là trong vô số câu ca dao, tục ngữ, danh từ biển Đông được dùng đến luôn, như "Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn", hoặc "Tìm em như thể tìm chim, chim ăn biển Bắc anh tìm biển Đông".

Non nước Phú Yên

chế hơn. Những chàng trai Bình Định đã vào đây lập gia đình, và mỗi lần anh về thăm quê là mỗi lần để vợ buồn nhớ không nguôi. Thành ra :

*Anh về Bình Định chi lâu,
Chiều chiều em đứng hàng dâu ngó chừng.
Hai hàng nước mắt rưng rưng,
Chàng xa thiếp cách dặm chùn kêu trời !*

Hay là :

*Anh về Bình Định chi lâu ?
Bỏ em kéo vãi hái dâu một mình !*

Còn chàng khi ra đi nàng dặn dò nhiều chuyện, bởi lâu ngày về thăm quê, chàng mừng vui với cảnh trí nơi chôn nhau cắt rún, hóa ra :

*Anh đi bầu rượu gói nem,
Mang vui quên hết lời em dặn dò.*

Đến khi chàng trở lại, nàng hỏi quà kỉ niệm đâu, chàng mới sực nhớ là đã quên mua cho vợ chiếc nón Gò Găng. Chàng chỉ còn cách xin lỗi và tiếp nhận những lời trách móc của vợ :

*Anh về Bình Định ba ngày,
Cậy mua chiếc nón lá dày không mua !*

Vị trí của tỉnh Phú Yên đã được thi sĩ Lam Giang tóm gọn trong bốn câu thơ sau đây :

*Ba mặt núi vây quanh,
Phương Đông trùng dương xanh,
Tuy Hòa đồng ruộng lớn,*

Đôi Nạn tháp Chiêm Thành.

Diện tích toàn tỉnh trong năm 1963 là 5.233 cây số vuông.



Núi Đá Bia

Diện tích năm 2001 là 5.045,3 km²

Chương II

Địa chất ⁽¹⁾

Cũng như hầu hết các tỉnh miền duyên hải Trung phần, tỉnh Phú Yên bị kẹp vào giữa một bên là dãy núi Trường Sơn chạy thẳng từ Bắc vào Nam, và một bên là biển Đông Hải, cho nên phần lớn diện tích đều là núi rừng trùng trùng điệp điệp, hoặc cao nguyên đất đỏ cây xanh.

Xét về địa chất tỉnh Phú Yên, chúng ta có thể phân biệt bốn loại đất như sau :

1. Đất phù sa ở vùng châu thổ Tuy Hòa, Hiếu Xương và Tuy An. Nguyên vùng này xưa kia là biển, lâu ngày nước sông Bàn Thạch (ở Hiếu Xương), sông Đà Rằng (ở Tuy Hòa), sông Cái (ở Tuy An) mang đất phù sa về bồi đắp mà tạo thành. Loại đất này rất tốt, thích hợp cho việc trồng lúa, các thứ hoa màu và lập vườn tược. Từ ngày có đập Đồng Cam đem nước Sông Ba về tưới khắp đồng ruộng bao la, thì chất đất tại vùng Hiếu Xương và Tuy Hòa lại thêm màu mỡ, sức sản xuất nông sản tăng lên gấp bội, nên người ta thường hát :

(1) Danh từ "Địa chất" tôi đã dùng ở đây với một sự gượng ép, vì chưa tìm được danh từ khác thay thế. Nội dung của chương này chỉ trình bày về các vùng đất và các loại đất khác nhau nhận được trên mặt đất, chứ không có tham vọng khảo cứu về địa chất đúng với nghĩa của danh từ, vì đó là vấn đề ngoài khả năng của tôi, mong quý vị độc giả, nhất là các nhà địa chất học lượng thứ cho.

Tuy Hòa lắm lúa nhiều bông.

Em về đây kết nghĩa cho thong dong con người.

2. Đất da tây là một thứ đất đen như màu con tây ngu ở vùng La Hai thuộc quận Đồng Xuân, vùng dinh điền Tuy Bình thuộc quận Phú Đức. Những vùng này xưa kia có lẽ là những đồng lầy, thung lũng nhiều cỏ lác, cây lá, sau bị vùi xuống bùn mà thành ra thứ đất màu xám này, rất tốt, vừa dẻo vừa xốp, trồng hoa màu và cây kỹ nghệ như bông, gai, kénaff rất thích hợp. Về mùa nắng, đất này bị nứt nẻ thành những đường rất lớn và dài

Du khách vừa nghe một địa danh hơi lạ tai, đó là La Hai. Vì sao có cái tên này, theo dân chúng địa phương thì có hai thuyết khác nhau. Một thuyết nói rằng : trước kia ở đây có một cái thành lũy của Chiêm Thành, do một viên tướng trấn giữ tên là La Hai. Khi ở đây, ông cho quân lính khai khẩn vùng ruộng trong thung lũng, về sau người ta thường gọi là đồng La Hai. Hiện nay ở La Hai còn lại dấu tích một cái thành bên chân núi gọi là Hòn Thành. Còn thuyết thứ hai cho rằng, chỗ này trước kia gọi là Ngã Hai, vì là nơi sông Con chảy vào sông Cái. Khi người Pháp đi lập địa đồ, nghe không rõ nên phiên âm Ngã Hai ra La Hai.

3. Đất cát pha ở vùng bờ biển Sông Cầu và một ít ở ven bờ biển Tuy Hòa, do những cơn nước và sóng gió từ ngoài biển mang cát tấp vào bờ mà tạo thành, đất này trồng dừa rất hợp. Du khách đi từ đèo Cù Mông đến đèo Giốc Găng sẽ thấy một rừng dừa mé biển. Thổ nghi hợp với giống cây này đến nỗi quăng nghiêng quăng ngửa thế nào dừa cũng mọc được, cũng tươi tốt và trở bông sai trái. Quanh năm

Non nước Phú Yên

suốt tháng không khi nào vắng bóng dừa. Thi sĩ Quách Tấn đã có hai câu thơ sau đây:

Vườn dừa mé biển tung đuôi phụng,

Rẫy bắp sườn non thẳng cánh có.

Khi vào đến Mỹ Á, cách tỉnh lỵ Tuy Hòa non cây số, du khách lại thấy những vườn dừa mát dịu nữa. Sồi dừa này thường được đem vào Tuy Hòa bán. Do đó có câu ca dao :

Muốn về Mỹ Á ăn dừa,

Sợ e Mỹ Á dãi đưa nhiều lời.

4. Đất đỏ ở vùng cao nguyên Sơn Hòa, Phú Đức và trên các sườn đồi núi, rải rác quận nào cũng có, nhưng nhiều nhất là ở vùng Đất Đỏ, nơi mà người dân Phú Yên ngày xưa cho là thâm sơn cùng cốc, nên khi đã lên đó làm ăn thì còn ít khi trở về nữa. Vì vậy, người ta thốt ra những lời than thở :

Ngó lên Đất Đỏ cỏ dày,

Nghĩa nhơn thăm thăm mỗi ngày mỗi xa.

Đây là một thứ đất có pha nhiều tro của hỏa diệm sơn, rất dẻo và mát trồng cây kỹ nghệ rất thích hợp như thuốc lá, cà phê, chè (trà), kénaff, gai, cây sơn, cao su, và các cây ăn trái như cam, thơm, mít, cau v.v... Đặc biệt thuốc lá ở vùng này có tiếng là ngon, nên có câu :

Thuốc nào ngon bằng thuốc lá Lỗ Quy,

Nhơn cùng tắc biển phải đi lượm tàn (2).

(2) Lỗ Quy là một vùng thuộc xã Sơn Định, quận Sơn Hòa là nơi trồng

Chương III

Núi non

Như trên đã nói, tỉnh Phú Yên dựa lưng vào dãy núi Trường Sơn, nằm theo thế cánh cung. Từ Bắc vào, vượt khỏi địa phận tỉnh Bình Định, dãy núi cao vọt lên, nằm ngang theo thế hoành sơn, sát bờ biển. Du khách phải vượt qua cái đèo tên tuổi là đèo Cù Mông, cao 245 thước. Lên tới đỉnh đèo, du khách hãy dừng chân đứng lại nhìn ra Bắc, rồi lại nhìn vào Nam, để cảm thông nỗi khổ tâm của người dân Phú Yên ngày xưa mỗi khi phải vượt qua đèo này để ra Bình Định, bên tai như còn văng vẳng tiếng thở than của vợ chàng lính thú :

Tiếng ai than khóc nữ non,

Ấy vợ chú lính trèo hòn Cù Mông.

Công tôi gánh gánh gồng gồng,

Trở ra theo chồng bấy bị còn ba.

Dãy núi Cù Mông có những đỉnh khá cao, cây cối rậm rạp, quanh năm phủ một màu xanh biếc, như núi Chóp Vung (676m), núi Hòn Khô (690m), Hòn Kê (863m), núi Ông (529m), núi Hòn Cả (657m) v.v... Từ đó một mặt, thế núi ăn lan dần dọc theo mé biển, chiếm hầu hết quận Sông Cầu và quận Tuy An, vào tới núi Chóp Chài ở gần tỉnh lỵ Tuy Hòa. Càng đi vào các ngọn núi càng thấp dần, thành những đồi nhỏ nằm dọc

theo Quốc lộ số 1. Vì vậy, sau khi vượt khỏi đèo Cù Mông, du khách còn phải tiếp tục vượt qua đèo Tuy Luật thuộc thôn Tuy Luật xã Xuân Cảnh, nằm bên sườn núi Yên Bao, tiếp đến là đèo Vận Lương ở giữa xã Xuân Cảnh và xã Xuân Thịnh, là một cái đèo lịch sử, vì xưa kia, chúa Nguyễn Ánh cho quân chuyển vận lương thực từ vịnh Xuân Đài băng qua vùng núi này để chắt xuống ghe thuyền đậu ở vùng Phú Hội, chờ ra tiếp tế cho quân lính đánh Tây Sơn ở Qui Nhơn.

Qua khỏi Sông Cầu, du khách sẽ qua đèo Giốc Găng, đường đi quanh co, bên đường có nhiều hố sâu, là đoạn đường nguy hiểm, hay xảy ra tai nạn lưu thông, rồi đến đèo Giốc Quít ở giữa thôn Khoan Hậu và thôn Phương Lưu, đường thẳng, trên đỉnh đèo đối diện nhau có một ngôi chùa và một nhà thờ Thiên chúa giáo, cảnh trí nơi đây khá ngoạn mục. Qua khỏi Giốc Quít, tới Triều Sơn, du khách muốn rẽ qua tay phải, theo tỉnh lộ số 2 đi lên La Hai, phải qua đèo Cây Cưa, đường đi khúc khuỷu quanh co, chiếm hết hai phần ba quãng đường Triều Sơn La Hai. Trên quãng đường này, vào thời bình, mời du khách ghé vào thăm chùa Phước Sơn, một cảnh chùa rất đẹp, gần chợ Đèo. Nếu cứ thẳng đường Quốc lộ đi vào, du khách sẽ qua đèo Xuân Đài, tục gọi là Gành Đỏ, đường đèo nằm sát bờ biển. Ngày xưa đèo Xuân Đài không phải ở đây mà nằm lùi vào trong núi xa. Nó đã giữ một vai trò quan trọng trong việc chuyển vận lương thực cho quân lính đóng trong vịnh, nên được xây đắp rất công phu. Ngày nay, du khách còn thấy một quãng đường dài bốn cây số, rộng chừng bốn thước, toàn lát đá tảng từ đỉnh xuống chân đèo. Cũng vì quan trọng như vậy, mà trước kia có hai khẩu súng thần công để tại đây, nằm hướng đầu ra biển để bảo vệ vịnh Xuân Đài, nên dân chúng địa phương mới hát :

Ngó ra ngoài danh Xuân Đài,

Thấy hai ông súng nằm dài giữa truông.

Đỉnh Xuân Đài còn là ranh giới thiên nhiên cho hai xã An Dân thuộc quận Tuy An và xã Xuân Thọ thuộc quận Sông Cầu. Cho nên người ta mới có câu ca dao sau đây :

An Dân, Xuân Thọ chia hai,

Chỉ vì cái danh Xuân Đài làm ranh.

Tiếp đến du khách sẽ qua một cái đèo mà hai bên núi có những tảng đá rất to, trên đầu trắng xóa như vôi. Ấy là đèo Vườn Xoài ở thôn Cần Lương xã An Dân. Nơi đây có một ngôi chùa thiết lập đã từ lâu, thời kỳ chúa Nguyễn mới vào đây, gọi là chùa Từ Quang, dân địa phương quen gọi là chùa Đá Trắng. Chùa này đã từng là nơi nghỉ chân của các nhà ái quốc cách mạng Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân, Huỳnh Thúc Kháng v.v... Chùa có một cái vườn trồng toàn xoài. Tới đây vào dịp tháng năm âm lịch, mời du khách ghé lại chùa thưởng thức một vài quả xoài đặc biệt, một thứ xoài ngon nhất Việt Nam, ngày xưa thuộc vào loại xoài tiến, và hàng năm, cứ đến mùa xoài, một viên chức ở tỉnh được cử về đây làm thống kê số xoài và canh chừng cho đến ngày hái mới thôi. Có điểm lạ là chỉ xoài trong vườn chùa mới ngon. Cũng giống xoài ấy, đem trồng vào các vườn xung quanh, thì giá trị thơm ngon đã giảm đi ba bốn mươi phần trăm, cũng tựa như cam Xã Đoài ở Nghệ An vậy.

Chắc du khách cũng đã từng nghe người ta hát :

Rủ lên Đá Trắng ăn xoài,

Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì.

Qua khỏi đèo Vườn Xoài, du khách đã tới Ngân Sơn,

rồi ngã ba Chí Thạnh là nơi mà đường xe lửa từ trong ra, tạm chia tay người bạn đồng hành là Quốc lộ số 1 để ôm ấp liên tỉnh lộ số 6 chạy theo hướng Tây Bắc, qua La Hai, Phước Lanh để ra Vân Canh, rồi gặp lại người bạn cũ tại Cầu Gành trên đường đi ra Bình Định. Từ Chí Thạnh đi La Hai bằng xe hơi, du khách phải qua đèo Thị và đèo Ông Cá. Còn từ Chí Thạnh đi vào theo Quốc lộ số 1, du khách phải đi qua đèo Tam Giang, không cao lắm, rồi tới đèo Quán Cau là nơi mà trước kia, người ta đem cau tươi ở các làng lân cận tới bán ở phía dưới chân đèo, kẻ mua người bán đông như chợ. Có người lập quán bán nước trà và quà bánh, rồi khách bộ hành đi qua lại cũng ghé lại nghỉ chân, do đó làm người ta quen gọi là quán Cau, rồi cái đèo kể đó cũng được mang cái tên nôm na này.

Đèo Quán Cau ngày xưa là một trở ngại lớn lao cho những người buôn thúng bán bưng, thường phải qua lại giữa hai phủ Tuy An và Tuy Hòa. Trên vai gánh hàng nặng trĩu, dưới đường đá nhỏ lổm chổm, thế mà người ta phải ráng sức leo đèo cho kịp chị em, các bạn thử tưởng tượng nỗi khổ tâm của họ biết chừng nào ! Nỗi khổ tâm ấy đã được họ thốt nên lời thở than :

Không đi thì mắc cái eo (1),

Ra đi thì sợ cái đèo Quán Cau !

Vượt khỏi đèo Quán Cau đi vào chừng một cây số, du khách sẽ thấy một con đường nhỏ rẽ về phía tay phải. Cách Quốc lộ số 1 non ba cây số, con đường này dẫn tới một cái góc mà người địa phương thường gọi là góc Một. Trên đỉnh núi có một cái chùa mới được trùng tu bằng gạch ngói. Cái chùa này xưa kia làm bằng tranh và theo lối nhà sàn, trông như nhà lầu,

(1) *Cái eo là sự nghèo túng eo sèo*

người ta quen gọi là chùa Lầu, nơi đã chứng kiến một thiên tình sử không khác gì câu chuyện Lan và Điệp trong "Hồn bướm mơ tiên" của Khái Hưng.

Người ta kể lại rằng, một thời xa xưa, nơi vùng này có một cặp trai tài gái sắc yêu nhau tha thiết, nhưng chẳng được cha mẹ chiều lòng. Thế rồi mối tơ hồng chưa kịp xe thì đã đứt rồi. Nàng thề giữ trọn mối tình đầu, tề phát qui y, nương nhờ cửa Phật, sớm hôm vui tiếng mõ cầu kinh, tìm phương an ủi cõi lòng trong cuộc sống tương chao đưa muối.

Một ngày kia, chàng tìm ra manh mối đến chùa gặp nàng, tha thiết mời nàng trở lại cõi tục, cùng nhau xây dựng cuộc sống ái ân. Nhưng nàng quyết một lòng giữ trọn lời thề năm xưa, an phận với nếp sống nâu sồng. Thất vọng chàng trở xuống núi và đi biệt tích, không ai còn thấy bóng chàng đâu nữa.

Người sau cảm thương đôi bạn trẻ, mới đặt ra bài ca dao để ghi lại mối tình đầu dang dở :

*Ngó lên giốc Một chùa Lầu,
Cảm thương người bạn buổi đầu thâm ân.
Kể từ qua lại mấy lần,
Nào ai khỏa lấp sông Ngân suối Vàng.
Gẫm trong kim cổ kỳ quan,
Bước vô vườn liễu bông hoa tàn về ai ?
Nhìn xem nguyệt xế non đoài,
Bóng trăng lơ lửng không biết ai nương cùng !
Tận xưa rày nhân nghĩa bập bùng,*

Xuống lên không đặt tỏ cùng anh hay.

Mưu kia kế nọ ai bày,

Làm cho chàng thiệp mỗi ngày mỗi xa !

Từ đây vào đến Tuy Hòa, đường đi còn phải lên dốc xuống ghềnh, nhưng không có đèo nào cao nữa. Nếu để ý, du khách sẽ lấy làm lạ khi nhận thấy những ngọn núi ở vùng này hầu hết đỉnh đều bằng như có đồn lũy hay vườn tược trên đó. Từ đỉnh xuống đến chân, có từng bậc như tam cấp. Tiêu biểu cho những ngọn núi này là núi Phú Diêm ở gần ga Hòa Đa, là nơi xưa kia nhà ái quốc cần vương Lê Thành Phương làm lễ tế cờ xuất quân ở đây. Sự thực thì không có gì là lạ cả, vì những dãy núi này thuộc về loại núi già, nên có hình thù như vậy.

Những đồi núi này vẫn liên tiếp vào tới núi Chóp Chài, tên chữ là Nữu Sơn, gần Tuy Hòa, cao 390 thước. Núi này thường được các nhà phong thủy coi là quan trọng đối với sự hưng thịnh của quận Tuy Hòa. Trong một bài ca tả phong cảnh vùng này, ông Huỳnh Đình Lữ cũng có câu :

Chế Trà thành quách bán tiêu trầm,

Bách lý phong sương thượng đảo câm (kim).

Nữu Sơn chi Nam, Bi Lânh Bắc,

Sa ngạn thương thương nhất tiểu lâm.

Nghĩa là :

*Thành quách của họ Chế họ Trà đã đổ nát đến
phân nữa,*

Trải bao sương gió tự cổ cho đến ngày nay.

*Phía Nam có núi Đá Bia, phía Bắc có núi Chóp
Chài.*

Bên bãi cát xanh xanh ẩn hiện một khu rừng nhỏ.

Còn đối với dân chúng bình dân, núi Chóp Chài là đối tượng cho họ ví von trong câu hát, hoặc là để than thân, hoặc là để gán bó :

Chóp Chài cao lắm bấy,

Trông hũy trông hoài.

Chẳng thấy người thương,

Hay là lưu lạc bốn phương,

Hay là liệt chiếu liệt giường nơi đâu ?

Giả dờ dạo xóm mua dâu,

Ghé thăm người bạn nhứt dẫu nhẹ chưa ?

Quảng đường đèo từ ngoài vào, ngày nay nhờ có xe hơi, du khách qua lại chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, ngồi trên đệm da không chút mệt nhọc, có lo là lo bác tài trong giây phút thả hồn bay bổng mấy từng xanh, rồi thả luôn cả tay lái mà thôi. Chứ ngày xưa, tổ tiên ta mỗi lần phải qua đây thì thật là vất vả. Hết leo đèo lại xuống dốc, trên vai mang nặng, đường đi gập ghềnh, mồ hôi ướt đầm hai chân mỗi rữ mà vẫn chưa hết leo đèo. Những người giàu có, các tiểu thư công tử con quan qua lại phải dùng cáng hoặc ngựa. Để tả cái cảnh ngựa cáng dừng đỉnh đi qua các đèo, dân chúng địa phương còn truyền tụng câu ca dao sau đây :

Chiều chiều mượn ngựa ông Đồ,

Mượn kiệu chú lính đưa cô tôi về.

Cô về chẳng lẽ về không,

Ngựa ô đi trước ngựa hồng đi sau.

Ngựa ô đi đến Quán Cau,

Ngựa hồng dừng đỉnh đi sau Gò Điều.

Mặt khác về phía tây, mạch núi chảy từ đèo Cù Mông vòng qua vùng Phước Lĩnh, ăn lan khắp quận Đồng Xuân với hòn Thạch Long Cương, tục danh là hòn Ông (770m), nơi xưa kia ông Nguyễn Hào Sứ đóng quân khởi nghĩa cần vương, hòn La Hiên (1020m) quanh năm mây mù bao phủ, mưa suốt ngày đêm với những gốc cây cổ thụ hàng mấy ngàn năm, đứng dưới đất không bao giờ thấy ánh sáng mặt trời, rồi đến hòn Giang (579m), hòn Chông (378m), vào đến quận Sơn Hòa có hòn Dung cao chót vót, hòn Lúp nước độc kinh khủng, rồi tới quận Phú Đức núi non trùng trùng điệp điệp. Người ta thấy những đồi lau hoa nở trắng xóa một màu khi bắt đầu hiu hắt gió thu, những đồng cỏ tranh bát ngát xào xạc gió lửa, với những đàn nai vàng ngơ ngác nhìn trắng, những rừng le ẻo lả có măng le mềm ngọt mà các bà nội trợ thường tẩm bổ cho chồng trong những bữa ăn gia đình êm ấm. Miền này có rất nhiều vùng cao nguyên phì nhiêu dân cư khá đông như vùng Vân Hòa, Suối Mít, Tuy Bình, Trà Kê. Vùng này là nơi sinh sống của đồng bào Thượng, nhưng cũng là nơi mà đồng bào Kinh thường lên buôn bán hoặc gặt lúa đào khoai. Cho nên những mối tình Kinh Thượng đã nảy nở từ lâu, và đã ghi lại nhiều kỷ niệm êm đềm hay ngang trái. Chúng ta hãy nghe :

Khoai lang Suối Mít,

Đậu phụng hòn Dung.

Chàng đào thiếp một bỏ chung một gùi.

Bởi đâu duyên nợ sứt sùi,

Chàng giận chàng đá cái gùi chàng đi !

Chim kêu dưới núi Từ Bi,

Nghĩa nhân cũng bỏ hướng chi cái gùi.

Trong các địa danh trên đây, thiết tưởng cũng cần nói thêm về Trà Kê, hay Trà Khê. Dưới thời Pháp thuộc, nơi đây thuần đồng bào Thượng ở, rất xa các vùng người Kinh. Từ Trà Kê đến Củng Sơn là quận lỵ Sơn Hòa, cũng phải đi mất 25 cây số đường rừng. Vì địa thế hiểm trở như vậy, bọn thực dân đã biến nơi đây thành một nhà tù giam cầm bao nhiêu nhà cách mạng Việt Nam. Nhiều nhà trí thức nặng tình non sông đã nếm đủ mùi cay đắng nơi này. Và sau đây mời du khách nghe nhà thơ Nguyễn Vỹ, một trong những chứng nhân của trại tù Trà Kê tả sơ nhà lao trong một đêm trăng :

Ngục Trà Khê (1), đoàn tù nằm trong tối,

Chỗ giường tôi đối diện với trăng Thu.

Những kềm gai giăng lưới bọc âm u,

Ngoài sáng tỏ, trong mịt mù bưng kín.

Ai nấy ngủ, hai dãy sàn kê khít,

Cửa nhà lao dây xích khóa ba vòng (2).

Chạy vào tới xã Sơn Thành thuộc miền Tây Nam quận Hiếu Xương, dãy núi một mặt vẫn đi thẳng vào Nam để bao chiếm miền Tây tỉnh Khánh Hòa, một mặt ăn ngang ra tận bờ biển theo thế hoành sơn, với nhiều ngọn núi cao ngút ngàn, cây cối rậm rạp, sườn núi nhiều đá và dốc, làm ranh giới thiên nhiên cho hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Tại vùng này có

(1) Địa phương gọi là Trà Kê chứ không phải Trà Khê.

những ngọn núi tên tuổi như núi Lá (417m) là sào huyệt của loài cọp, cho nên mới có câu :

*Cọp núi Lá,
Cá sông Hinh.
Mặt (1) Tổ Gà,
Ma đồng Lớn.*

Núi Chúa (1010 m) là nơi xưa kia tục truyền rằng, mỗi khi ở kinh thành có một vị vua chúa băng hà, thì tại núi này tự nhiên phát ra ba tiếng nổ lớn như tiếng sấm động, cho nên người ta mới gọi tên như thế. Núi Chúa cao, thường có mây vương vấn trên đỉnh, tựa hồ như con rồng uốn lượn, nên người dân địa phương có câu hát rằng :

*Con rồng nằm núi Chúa,
Con hạc múa xa chùng,
Tối trời quân tử dời chân,
Khuyên em ở lại giữ xuân má đào.
Nơi nào lớn chúc quyền cao,
Tốt như tiên mặc kệ em đừng trao ân tình.*

Núi Hương tuy không cao (132m) nhưng cảnh trí nơi đây đầy thơ mộng, dưới chân núi có bầu Hương, sâu đến 18 sải, nước ngập quanh năm, cá tôm đủ thứ. Theo tục truyền thì xưa kia, nơi đây có một con rùa khổng lồ, thường nổi lên mặt nước, làm thành một tấm phù thạch chư tiên hiện xuống ngồi uống rượu đánh cờ, trong những đêm trăng êm dịu hay những ngày xuân mát mẻ.

(1) Mặt là một loài bọ rất nhỏ, thường thấy nơi tổ gà mái mới nở. Chúng thường bò vào áo-quần của ta và cắn, ngứa rất khó chịu.

Dưới chân núi có chùa Hương Tích, khách thập phương tới lui không ngớt. Và điều đặc biệt là phụ nữ vùng này rất đẹp, ăn nói có duyên và đa tình, cho nên người ta có câu :

Trai Ngũ Thạch, (1)

Gái bầu Hương.

Và cũng vì cô gái bầu Hương duyên dáng, nên bao chàng trai thường hướng về miền Mỹ Thạnh nơi núi Hương tọa lạc để tìm kiếm những nàng tiên nhưng đã chắc gì được người đẹp để ý. Cho nên chàng trai than thở :

Ngó lên Mỹ Thạnh cảnh tiên,

Cảnh tiên chẳng thấy, thấy duyên của nàng.

Muốn gây tơ tóc cùng nàng,

Sợ e duyên kiếp bẽ bàng rồi sao ?

Núi Hương có cảnh đẹp quyến rũ khách tài ba, nên trước chiến tranh một nhà nho đồng thời cũng là một chí sĩ, đã tới đây xây dựng một thư viện, đặt tên là Tam Thai (2) làm nơi quy tụ khách văn chương và bạn đồng chí bốn phương, ngâm thơ vịnh nguyệt, luận đàm quốc sự. Ông có làm một bài thơ vịnh thư viện, được nhiều bạn thơ khắp nơi họa. Sau đây chúng tôi xin ghi lại để du khách thưởng thức :

Xướng

Bầu Hương mà núi cũng tên Hương.

(1) Ngũ Thạch là năm thôn có chữ Thạch là Thạch Tuấn, Thạch Chấm, Thạch Lương, Thạch Yên (tức Hảo Sơn), và Bàn Thạch thuộc xã Hòa Xuân.

(2) Lấy tích xưa Tam Thai là biệt thự của quan Tể Tướng đời Tấn bên Tàu.

*Nước bích non xanh cảnh khác thường.
Sâu cạn quanh co bầu một giải,
Vuong tròn cao thấp núi năm sườn.
Thiên nhiên tám cảnh gồm năm xã,
Địa thắng ngàn xưa chiếm một phương.
Mai, Sặc, Thơm, Lây (1) bao phủ lại,
Tam Thai thư viện mở văn chương.*

Họa

*Non gọi con Hương nước cũng Hương,
Nước non này chẳng nước non thường.
Xé sâu đất xuống bầu to mặt,
Đỡ bóng trời lên núi cứng sườn.
Sách diên lấy lưng trên một đỉnh,
Hương chùa ngào ngạt khắp mười phương.
Công người của tạo chung bồi đắp,
Cảnh đẹp vui lòng vịnh ít chương.*

HẬU SANH

Phía cực Nam có núi Mặt Cật (227m), Hòn Chảo (753m), Hòn Ông (1104m), Hòn Giù (1264m), núi Đá Chồng (604m). Nếu du khách đi xe lửa ngoài vào khỏi ga Thạch Tuấn, hoặc đi xe hơi qua khỏi trạm kiểm soát Bàn Nham, sẽ thấy bên tay phải có núi Sa Leo (334m), núi Hóc Răm (507m), núi Cầu Sông Ván (253m), núi Đèo Cả (407m), về bên tay trái có núi Đá Bia (706m), tên chữ

(1) Tên núi Bà Mai, hòn Sặc, hòn Thơm, hòn Cù Lây.

là Thạch Bi Sơn là hòn núi Lịch sử, cho nên trong những đêm hò khoan, các cặp nam nữ thanh niên đã đặt ra những bài hò hỏi về lịch sử khá hóc hiểm. Chúng ta hãy nghe :

Tiếng anh thường ăn thường học,

Thường đọc chữ quốc ngữ,

Lại đây em hỏi thử địa đồ :

Hỏi từ ngoài Huế hỏi vô,

Con sông nào lớn cái cầu nào cao ?

Sông Ba nước chảy ngả nào ?

Hòn Đá Bia Đại Lãnh đứng địa đầu làm chi ?

Nằm sát biển có núi Hòn Bà (586m) mà người Pháp gọi là Cap Varella là tên một viên sĩ quan hải quân đã tìm ra mồm núi này đầu tiên. Khi qua Hảo Sơn, du khách sẽ thấy một hồ nước trong xanh, rộng non mười mẫu tây, rải rác đó đây một vài chiếc sòng nan của ngư dân qua lại đánh cá, xa xa đàn cò trắng tìm mỗi điểm tuyết cho bức tranh sơn thủy thêm phần linh động. Đó là biển hồ Hảo Sơn, nơi xưa kia chỉ là một cái vũng nằm trong lòng biển cả, trải qua bao vật đổi sao dời, tang thương dâu bể, đất phù sa của sông Bàn Thạch bồi dần lên, bít mất phía thông ra biển, biến cái vũng này thành một cái hồ thiên nhiên muôn đời, hàng năm nuôi sống trên trăm gia đình dân chúng quanh vùng, hoặc tới đây đánh cá, hoặc làm ruộng cấy lúa.

Đi hết Hảo Sơn, du khách đã đến đèo Cả, cao trên 500 thước, đường đi quanh co, gấp khúc rất nguy hiểm, dài trên 10 cây số. Trên đỉnh đèo, xưa kia là trạm Phú Hòa, nơi phân giới giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Ngày nay địa phận tỉnh Phú Yên chấm dứt ở cây số 1360,815.

Đèo Cả cao ngất là một chướng ngại lớn lao cho những mối tình giữa chàng trai Phú Yên và cô gái Khánh Hòa. Vì sự đi lại khó khăn mà nhiều khi cha mẹ nhà gái từ chối không chịu nhận lời của ông mai, khiến cho đôi trẻ phải thất vọng và uống công đợi chờ. Chúng ta hãy nghe họ than thở :

Đứng trên đèo Cả,

Trông xuống Vạn già Tu Bông,

Biết rằng thầy mẹ có đành không,

Để anh chờ em đợi uống công hai đàng !

Nhưng đối với những cô gái chính chuyên thì đèo Cả là một hình ảnh cao quý, không khác gì vầng nguyệt đêm rằm, để chứng minh cho lòng ngay dạ thẳng của mình, mỗi khi bị người ta ngờ oan cho những điều bất chính. Cô đã lớn tiếng mà phân trần :

Con ngựa tía ăn quanh đèo Cả,

Vầng nguyệt đêm rằm bóng ngã về đông,

Chẳng thà tôi giục ngựa về không,

Chớ không thêm cướp của giành chồng người ta.

Chương IV

Vùng châu thổ

Sau khi đã quan sát xong phần núi non, mời du khách trở lại đồng bằng Hiếu Xương và Tuy Hòa ngắm xem phong cảnh. Miền châu thổ này rộng chừng 80.000 mẫu tây là kho lúa của tỉnh Phú Yên. Nguyên vùng này là một cái vịnh, bờ biển ăn sát vùng Gò Chơ ở thôn Trường Phú thuộc xã Hòa Quang. Xưa kia, nơi đây là khu vực hoạt động thương mại nhộn nhịp nhất, thuyền buôn của người Trung Hoa hay người Mã Lai cập bến trao đổi hàng hóa với dân Chiêm Thành, khi phần đất này chưa gia nhập Tổ Quốc Việt Nam.

Ngày nay, Gò Chơ chỉ là một địa danh không tên tuổi. Bấy giờ Gành Đá ở thôn Tây Phú (nay chia làm hai thôn Mỹ Thành và Mỹ Hòa) cũng như núi Sầm ở thôn Phụng Tường chỉ là những hòn cù lao, núi đá mọc chơ vơ giữa biển. Bây giờ biển đã bị lấp, những hòn cù lao này trở thành những quả núi đứng chơ vơ giữa cánh đồng lúa bao la. Cho nên người ta mới hát rằng :

Chơ vơ như ngọn núi Sầm,

Thần nhiên như mặt nước đầm Ô Loan.

Hoặc là :

Phụng tường có đỉnh núi Sầm,

Có nương Cầu Đá, có Hầm Vũng Xoi.

Bấy giờ núi Nhạn cũng chỉ là một hòn cù lao nằm gọn trong biển cả, làm nơi trú ẩn cho loài chim én biển, cho nên mới có tên này. Dần dần phù sa của sông Ba lấp đầy. Nhờ có dãy núi đèo Cả ăn thọc ra biển, làm thành một bờ tường khổng lồ và kiên cố án ngự phía Nam, nên bao nhiêu đất phù sa trên nguồn tuôn xuống biển đều được giữ lại, chồng chất lên nhau mà tạo thành vùng đồng bằng rộng bao la này, nối cù lao Nhạn với đất liền.

Sở dĩ chúng ta quả quyết rằng Gành Đá, núi Sầm, núi Nhạn xưa kia là những hòn cù lao, và cánh đồng Hiếu Xương và Tuy Hòa là biển, vì hiện thời người ta còn tìm thấy trên các đỉnh núi kia nhiều vết tích của loài hải vật như vỏ ốc, vỏ sò, và trong lúc đồng bào đào giếng, người ta đã bắt gặp những chiếc mỏ neo, hoặc dây cáp, cột buồm bị chôn vùi dưới đất từ lâu đời.

Tuy gọi là vùng châu thổ, nhưng cách đây trên 30 năm, vùng này vẫn nghèo nàn xơ xác, mỗi năm ruộng chỉ cấy được một mùa, gặp năm đại hạn thì không thu hoạch được gì, nhiều nơi thiếu nước phải bỏ hoang, cây gai bần chải mọc lên thành rừng, cọp beo về tận Tuy Hòa. Dân chúng hàng năm đã phải bỏ ra hơn nửa số ngày lên rừng kiếm củ mài, hái chuối, tìm tổ ong và các thứ lâm sản khác. Từ ngày có đập Đồng Cam, nước sông chảy về tưới khắp đồng ruộng, sức sản xuất lúa gạo mới tăng vọt lên gấp bội, mang lại cho Hiếu Xương và Tuy Hòa nói riêng, Phú Yên nói chung một sinh khí mới.

Bên cạnh vùng châu thổ Hiếu Xương và Tuy Hòa, chúng ta cũng cần biết đến cánh đồng Tuy An do phù sa sông Cái bồi đắp mà thành. Vùng châu thổ này không rộng bằng vùng trên,

nhưng chất đất rất tốt. Lâu nay vẫn ăn nước trời mà lúa vẫn khá. Ngày nay cơ quan Khuyến nông địa phương đã cho xây đập Tam Giang, ở xã An Thạch, lấy nước sông Cái về tưới cho hàng ngàn mẫu ruộng thuộc hai xã An Cư và An Thạch. Chắc chắn rồi đây sinh hoạt dân chúng ở hạt Tuy An cũng sẽ được cải thiện lên nhiều.



Đèo Cả

Chương V

Sông ngòi

Như trên đã nói, miền châu thổ Hiếu Xương và Tuy Hòa có được là nhờ con sông Ba. Sông này phát nguyên từ tỉnh Kon Tum, gần nguồn Trà Khúc (Quảng Ngãi), dài trên 300 cây số. Trong bản đồ của PTOLÉMÉE, một sử địa gia trứ danh Hy Lạp về thế kỷ thứ hai, sông Ba đã được ghi vào và mang tên Dairios.

Từ nơi phát nguyên, sông Ba chảy theo hướng Bắc Nam, qua địa phận tỉnh Kon Tum, tỉnh Pleiku, bao quanh sau lưng tỉnh Bình Định, qua tỉnh Phú Bổn, quận Đồng Xuân, quận Sơn Hòa, rồi đổi theo hướng Tây Bắc Đông Nam, xuyên qua địa phận tỉnh Phú Yên, chảy theo ranh giới các quận Phú Đức và Sơn Hòa, rồi thông thả lướt qua vùng đồng bằng, giữa ranh giới hai quận Hiếu Xương và Tuy Hòa, chảy ra biển Đông Hải ở cửa Đà Diển, gần tòa Hành Chánh Phú Yên.

Từ nguồn cho đến vùng Củng Sơn, chỉ vì chảy quanh co theo chân núi, lòng sông hơi hẹp, nhưng nhờ khúc sông khá dài, nước chảy không mạnh lắm, các sông nhỏ hay bè cây qua lại được. Từ Củng Sơn, sông Ba bắt đầu chảy vào đồng bằng, lòng sông rộng dần sức nước chảy nhẹ hơn, các ghe chở hàng hóa có thể qua lại được dễ dàng. Tuy nhiên có một vài nơi, giòng sông sâu hơn và hẹp hơn vì bị kẹt giữa hai dãy núi như

vùng núi Lát, vùng Đồng Cam, vùng Qui Hậu. Từ đập Đồng Cam tới biển, sông Ba mang tên là sông Đà Rằng, dài 32 cây số. Cửa sông tuy rộng, nhưng có nhiều cồn cát nổi lên, tàu và ghe lớn không vào được. Giữa lòng sông cũng có nhiều soi cát nổi lên, chia sông thành nhiều lạch nhỏ. Trên các soi này người ta thường trồng dưa hấu rất tốt, nên có câu :

Muốn về soi Bún ăn dưa,

Sợ e soi Bún dãi dưa nhiều lời. (1)

Nhưng cũng có nơi, vì trái dưa hồng mát lịm, chàng trai mải vui duyên mối mà lơ là tình xưa, khiến ai chiếc bóng năm canh phải thốt lên những lời chua chát, bi thương :

Non xanh xanh,

Nước cũng xanh xanh

Nước non chung một khối tình,

Trách ai chia rẽ cho mình xa nhau !

Về mùa nắng, nước sông Ba trong suốt, lòng sông cạn, lưu lượng trung bình 30 thước khối trong một giây, người ta có thể lội qua các lạch dễ dàng không cần đến ghe thuyền. Ấy thế mà chàng ở bên này sông làm biếng không chịu qua bên kia sông thăm nàng, khiến nàng phải nhả lời trách móc :

Đèo nào cao bằng đèo Phú Cốc,

Dốc nào ngược bằng dốc Xuân Đài,

Đèo cao dốc ngược đường dài,

Anh còn qua được hướng chi vài lạch sông !

Về mùa mưa, nước trên nguồn đổ xuống rất nhiều và rất mạnh, mang hàng triệu thước khối phù sa bồi đắp cho vùng

(1) Soi Bún ở xã Hòa Thắng quận Tuy Hòa.

châu thổ Tuy Hòa ngày càng phì nhiêu và rộng thêm. Lưu lượng trong mùa này vọt lên hàng ngàn thước khối trong một giây, gây nên lụt, phá hoại các thứ hoa màu trên hai bờ sông, cũng có khi lụt lớn, nước tràn vào làng mạc và đồng ruộng, gây tổn hại rất lớn.

Khi chảy tới địa phận tỉnh Phú Yên, sông Ba tiếp nhận các phụ lưu sau :

Về tả ngạn chỉ có sông Con, phát nguyên từ xã Sơn Phước, chảy qua xã Sơn Hà, nhập vào sông Ba ở vùng Thạnh Hội, cách phía trên đập Đồng Cam chừng năm cây số.

Về hữu ngạn có các sông : sông Hinh là một phụ lưu quan trọng, dài khoảng 50 cây số, phát nguyên từ dãy núi Vọng Phu thuộc quận Khánh Dương, tỉnh Khánh Hòa, chảy vào địa phận quận Phú Đức theo hướng Bắc Nam, qua các xã Đức Dương, Đức Thành, Đức Trung, Phú Bản (quận lỵ quận Phú Đức), Đức Bình rồi nhập vào sông Ba ở vùng Bình Thạnh, đối diện với Củng Sơn (quận lỵ quận Sơn Hòa). Sông này rất nhiều cá, cho nên mới có câu : “Cọp núi Lá cá sông Hinh”. Nước sông Hinh lại rất trong, nên người thiếu phụ đã ví dòng nước này với tấm lòng chân thật của mình. Nàng nói :

Nước nào trong bằng nước sông Hinh,

Đố ai ăn ở chung tình bằng em.

Phụ lưu thứ hai là sông Đồng Bò, phát nguyên từ dãy núi vùng Lạc Sanh, xã Đức Thành, chảy qua xã Hòa Phong, vùng ruộng mía của sở trồng mía Tuy Hòa, rồi nhập vào sông Đà Rằng ở vùng Thạch Bàn.

Trên sông Ba có hai công trình kiến trúc đồ sộ và tối tân là cầu Đà Rằng, một chiếc cầu sắt dài trên một cây số, gồm 21

nhịp, dùng chung cho cả xe lửa và xe hơi, mà du khách tới Tuy Hòa đều có dịp mục kích, công trình thứ hai là đập Đồng Cam, cách Tuy Hòa trên 30 cây số về phía Tây.

Đập Đồng Cam được khởi công xây dựng từ năm 1924, đến năm 1929 mới hoàn thành, chi tiêu đến hàng mấy tỷ bạc. Đập xây ngang sông Ba, nối liền Đồng Cam với Qui Hậu, dài 657 thước. Đập đã nâng cao mức nước lên để chảy vào hai con mương lớn ở hai bên bờ sông. Đó là mương phía Bắc dài 31 cây số với những công trình xây dựng lớn như cầu Rù Rỳ, Xi Phong suối Muồng và cầu Máng suối Cái. Mương phía Nam dài độ 36 cây số, nằm về phía Qui Hậu, với những công trình quan trọng hơn hết là lù Thừa Bi (1), cầu máng Qui Hậu, cầu Đồng Bò. Hai con mương lớn này đã dẫn nước vào vô số những mương nhỏ, để tưới cho gần 80.000 mẫu tây ruộng lúa của đồng Hiếu Xương và Tuy Hòa, và biến vùng châu thổ này thành kho lúa vô tận.

Đập Đồng Cam chẳng những là một công trình thủy lợi, mà còn là một thắng cảnh du lịch. Khách thi nhân tới đây không sao ngăn nổi dòng thơ lai láng. Năm 1942, thi sĩ Huỳnh Khinh tới viếng đập, có làm bài thơ sau đây :

Viếng đập "Đồng Cam" ngấm nước non,

Xanh xanh một sắc nước cùng non.

Non thể chung thủy ôm lòng nước,

Nước nặng ân tình sát cánh non.

Non giữ nguồn sông che chở nước,

Nước nuôi đời đất điểm trang non.

(1) Lù là một loại cống ngầm, gọi theo tiếng địa phương. Thừa Bi là tên người chủ thầu xây cái lù này.

Đúc chung một khối tình non nước,

Khó nổi chia lìa khối nước non.

Sau sông Ba có sông Cái quan trọng vào hàng nhì. Sông Cái hay sông Cây Dừa, dài khoảng 150 cây số, phát nguyên từ dãy núi phía Tây, giáp giới giữa hai quận Đồng Xuân (Phú Yên) và Văn Canh (Bình Định), chảy qua Phú Giang, Kỳ Lộ, La Hai (quận lỵ quận Đồng Xuân), đến Ngân Sơn thuộc quận Tuy An rồi chảy ra biển.

Từ nguồn đến địa đầu xã Xuân Quang, khúc sông mang tên là suối La Hiên, vì chảy dưới chân núi này. Từ đó đến vùng Phú Giang đến ngã ba La Hai, khúc sông mang tên Kỳ Lộ, vì chảy qua thôn Kỳ Lộ xã Xuân Quang. Hai bên bờ sông là núi Liên Sơn, nên lòng sông hẹp và hơi sâu, không có ghềnh thác, ghe sông có thể qua lại được.

Sông Kỳ Lộ vừa sâu vừa hẹp,

Nước Kỳ Lộ vừa mát vừa trong,

Thuyền anh bơi ngược dòng sông,

Tìm em cho thỏa tấm lòng nhớ thương.

Khi chảy qua thôn Triêm Đức xã Xuân Quang, lòng sông trở nên rộng và có những bến đò qua sông, hàng ngày những cô lái đò chở đồng bào qua lại. Trong những bến này có bến Bà Bang là đông người qua lại hơn cả. Chính nơi đây, những cặp trai gái thường hẹn hò cùng đi chung một chuyến đò để có dịp thở than mối tình ngang trái. Cho nên :

Mau mau đến bến Bà Bang,

Đến đồng Bà Sứ thở than đôi lời.

Tới vùng La Hai, sông Cái tiếp nhận một nguồn khác phát nguyên từ dãy núi Văn Canh, chảy theo hướng Bắc Nam,

đọc theo liên tỉnh lộ số 6 và đường xe lửa, gọi là sông Con. Từ La Hai trở xuống, mới chính thức gọi là sông Cái, chảy qua xã Xuân Sơn thuộc quận Đồng Xuân, xã An Định, An Dân đến vùng Ngân Sơn thuộc quận Tuy An, chia làm hai nhánh một chảy theo hướng Tây Nam Đông Bắc rồi ra biển ở cửa Tiên Châu, một chảy theo hướng Tây Bắc Đông Nam rồi ra đầm Ô Loan ở vùng Tân Long.

Ngoài hai con sông lớn nói trên, tỉnh Phú Yên còn có các sông khác, không quan trọng mấy. Từ Bắc vào Nam chúng ta thấy :

Sông Tam Giang tức sông Cầu, dài khoảng 20 cây số, phát nguyên từ dãy núi Cù Mông (Hòn Kè) chảy ra vịnh Xuân Đài, lòng sông cạn, ghe thuyền muốn ra vào cửa sông phải chờ nước lên. Vì vậy có câu ca dao :

Nước ròng chảy đến Tam Giang,

Sầu đâu (1) chín rụng, sao chàng bật tin ?

Sông Bàn Thạch dài khoảng 30 cây số, phát nguyên từ núi Hòn Giù mang tên là sông Đá Đen, chảy giữa Hòn Trống và Hòn Chảo, đến vùng Ngọc Lâm, đổi tên thành sông Bánh Lái, chảy tới vùng Hội Cư, tiếp nhận thêm một chi nữa phát nguyên từ đèo Cục Kịch giáp giới với Khánh Hòa, mang tên là sông Bàu Sắc. Từ Hội Cư, mới chính thức mang tên sông Bàn Thạch, chảy ra biển ở cửa Đà Nông :

Sông Bàn Thạch quanh co uốn khúc,

Núi Đá Bia cao vút từng mây,

Non kia nước nọ còn đây,

Mà người non nước ngày nay phương nào ?

(1) Tức là cây xoan dâu.

Chương VI

Bờ biển

Sau khi đã băng rừng vượt suối quá mệt mỏi rồi mời du khách trở lại thăm bờ biển Phú Yên để lấy lại sức khỏe.

Bờ biển Phú Yên dài trên 100 cây số, quanh co khúc khuỷu không đều. Từ đèo Cù Mông vào tới địa đầu quận Tuy Hòa, vì núi nằm sát biển, nên bờ biển lởm chởm những đá, có nhiều ghềnh, nhiều mũi. Đặc điểm của bờ biển vùng này là có nhiều bán đảo ăn nhô ra biển làm thành nhiều vũng và vịnh, lập hải cảng rất tốt.

Tại Cổ Ngựa thuộc thôn Túy Phong, một dãy núi chạy dài ra biển độ 15 cây số, theo hướng Tây Bắc Đông Nam, bọc phía ngoài đầm Cù Mông, khiến cho đầm này rất kín, ghe thuyền trú ẩn và đánh cá rất tốt, không sợ gió bão. Từ Quốc lộ số 1 tại vùng Trung Trinh, liền với chân núi Đồng Bằng, một dãy núi khác lại chạy dài ra biển như hình một con kỳ lân, đó là phần đất xã Xuân Thịnh, che chở cho vịnh Xuân Đài, khiến cho vịnh này thành một căn cứ hải quân rất tốt. Chính nơi này trong cuộc chiến giữa chúa Nguyễn và Tây Sơn, đôi bên đã nhiều phen dùng làm nơi đóng thủy quân và nhiều trận thủy chiến đã diễn ra, máu ba quân đã nhuộm thắm nước biển Xuân Đài.

Năm 1832, tháng chạp, nhằm tháng 11 niên hiệu Minh Mạng thứ 13, một phái đoàn thương mại Hoa Kỳ do đại úy Đức Gia Tâm Đa (Georges Thompson) làm thuyền trưởng, đã buông neo tại vũng Lắm. Triều đình ta cử Viên ngoại Nguyễn Tri Phương và Tư vụ Lý Văn Phúc vào tiếp xúc với phái đoàn và thương thuyết. Cuộc hội đàm diễn ra trong bầu không khí thân mật, nhưng vì có mấy điểm bất đồng ý kiến, nên cuộc bang giao đầu tiên ấy không thành tựu.

Trong cuộc đại chiến thứ hai vừa qua, Hải quân Nhật đã dùng nơi đây để trốn tránh những cuộc oanh kích của không quân Đồng Minh, và hiện thời một chiến hạm của Nhật bị chìm trong vịnh, đang dầm mình trong nước mặn, mà du khách đi qua Sông Cầu có dịp trông thấy. Trong một bài thơ tả cảnh Sông Cầu, cụ Trường Giang cũng có nhắc lại sự kiện trên đây:

Pháp xưa đặt để nơi tòa Tỉnh,

Nhật mới rồi đây cháy súng tàu.

Dãy đất này còn tạo ra nhiều vũng nhỏ, chỗ nào người dân chài cũng thích. Cho nên :

Vũng Đông, vũng Lắm, vũng Chèo,

Vũng La, vũng Sứ, chỗ nào cũng thương.

Chính nhờ có vịnh Xuân Đài mà bờ biển Sông Cầu trông rất ngoạn mục. Vừa mát mẻ vừa kín gió, nên năm 1888 người Pháp mới dời tỉnh lỵ từ An Thổ ra đây, và biến một vùng cát trắng, núi xanh thành một thị trấn đông đúc. Cảnh đẹp bờ biển Sông Cầu đã được thi sĩ Huỳnh Khinh mô tả trong bài Đường Luật dưới đây :

"Sông Cầu" dạo mát buổi tà dương,

Bờ biển nhìn xem đẹp khác thường.

*Sóng lượn nhấp nhô phô ngọc bích,
Cát pha lóng lánh dọn kim cương.
Dừa xanh lộng gió du dương hát,
Buồm trắng nương làn phất phới trương.
Tạo hóa khéo tô tranh thủy mặc,
Càng xem càng luyện cảnh quê hương.*

Vào tới thôn Xuân Phú, một dãy đất nhô ra biển như hình vành tai, thong xuống Nam. Đó là phần đất xã An Ninh, quận Tuy An, cách xa quốc lộ, đi lại khó khăn, dân chúng chỉ biết làm nghề chài lưới, lại nghèo, nên con trai các nơi ít ai muốn về đây làm rể. Thằng hoặc có anh nào nặng tình với cô gái dưới Đấng (1) mà kết bạn trăm năm, thì những cô gái ở miền trên ghen tỵ, tìm lời dèm pha :

*Anh về làm rể dưới Đấng,
Để em kéo vải sáng trắng một mình !*

Hoặc là :

*Anh về làm rể dưới Đấng,
Ăn cơm bát bịt tôm rần khó tiêu.*

Từ thôn Hội Sơn, một dãy núi dài ăn lên phía Bắc, bọc kín đầm Ô Loan, làm thành một biển hồ rất lớn, có lạch nhỏ thông ra biển. Nước đầm khi nào cũng xanh biếc và yên lặng, cho nên người ta có câu :

*Lẻ loi như cụm núi Sấm,
Thản nhiên như mặt nước đầm Ô Loan.*

Về phía Tây đầm có nhiều quả núi già nằm san sát

(1) Đấng là tên một xóm ở xã An Ninh, quận Tuy An.

nhau như thuộc đèo Quán Cau là chỗ tựa sau lưng, phía Đông có mả Cao Biền là một địa danh tên tuổi mà người địa phương coi là linh địa, vì :

Cao Biền chết tại Đồng Môn, (1)

Trên sơn dưới thủy trời chôn Cao Biền.

Người ta kể lại rằng, hàng năm cứ vào khoảng tháng chạp âm lịch, mèo không biết từ đâu tập trung về rất đông để dầy mả Cao Biền, và có cả cọp về làm giỗ, nhưng không gây tai nạn gì cho dân chúng cả. Nó ở một đêm rồi đi ngay. Đứng từ đèo Quán Cau nhìn ra, du khách sẽ thấy mả Cao Biền là một cồn cát ở ngoài xa. Người ta cho biết rằng ngôi mả này chỉ toàn bằng cát, nằm sát biển, sóng gió vô chừng, nhưng không khi nào bị sụt thấp xuống, trái lại càng ngày càng được vun cao nhờ có một luồng gió xoáy thổi quanh năm, mang cát bồi đắp thêm mãi. Người dân địa phương có câu hát sau đây :

Ngó ra ngoài mả Cao Biền,

Thấy đôi chim nhạn đang chuyền càn mai.

Cây oằn vì bởi trái sai,

Xa em vì bởi ông mai ít lời.

Cảnh trí đầm Ô Loan thật là ngoạn mục. Nếu có điều kiện thiết lập tại đây một thành phố, thì quang cảnh chẳng khác gì Hồng Kông hay Thượng Hải. Từng lớp nhà lầu sẽ soi mình dưới nước và ban đêm những ngọn đèn điện sẽ làm cho mặt đầm như một hội hoa đăng. Chính tại vùng này, ông Tú

(1) Dân chúng truyền miệng nhau như thế, chứ xét trong sử, ông Cao Biền chết bên Tàu, chứ không phải chết ở đây. Vả lại mả Cao Biền có rất nhiều nơi, ngay tại vùng Đồng Xuân giáp Tuy An cũng có mả Cao Biền xây vôi.

Non nước Phú Yên

Phương đã dựng cờ khởi nghĩa cần vương, nêu cao chí khí bất khuất của người dân Phú Yên trước cuộc xâm lăng của thực dân đế quốc. Ngày nay người dân Phú Yên còn ghi mãi hình ảnh nhà cách mạng trong tâm khảm họ, và đã dùng ca dao để nói lên mối thương cảm của họ đối với nhà ái quốc :

Ô Loan nước lặn như tờ.

Thương người chiến sĩ dựng cờ cần vương.

Trải bao gổ đất màn sương,

Một lòng vì nước nêu gương anh hùng.

Đọc theo khoảng bờ biển này, có nhiều đảo nhỏ như cù lao Hòn Nần, ở trong đầm Cù Mông đối diện với đèo Vân Lương, là một di tích lịch sử. Người ta kể lại rằng, trong khi chống nhau với quân Tây Sơn, một hôm Nguyễn Ánh bị thua, mang tàn quân theo đường biển chạy vào ẩn nấp nơi hòn cù lao này. Bị tuyệt lương, Nguyễn Vương và quân sĩ tướng đã phải chết đói cả. May sao tìm thấy trên đảo một thứ củ ăn được mà dân chúng địa phương gọi là củ nần, nên qua khỏi nạn đói. Nhưng rồi Vương và quân lính không tránh khỏi một trận tấn công của quân Tây Sơn, khiến một số quân sĩ tử trận. Sau khi đã thắng được Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế, vua Gia Long bèn cho xây 55 ngôi mộ bằng vôi trên đảo, và lập các ngôi miếu thờ các vị tử trận ấy. Từ đó hòn cù lao này được gọi là Hòn Nần. Lúc mới xây (Gia Long nguyên niên 1802), miếu này gọi là “Cù Mông công thần miếu”. Đến năm Tự Đức thứ 4 (1851), đổi lại là đền Biếu Trung.

Tiếp đến là hòn Nhất Tự Sơn ở trong vịnh Xuân Đài, ngoài khơi thôn Khoan Hậu xã Xuân Thọ. Đây là một hòn núi nằm dọc theo bờ biển, đứng trong bờ nhìn ra giống như hình

chữ nhất là một nên mới có tên này. Núi này một đầu có giải cát nối liền với bờ, khi nước thủy triều xuống, người ta có đi trên giải cát này để ra núi. Khi nước lên thì Nhất Tự Sơn hoàn toàn là một hòn cù lao.

Cù lao Ông Xá cũng ở trong vịnh Xuân Đài, thuộc vùng Lắm, đối diện với Gành Đỏ, cho nên có câu ca dao :

Ngó vô vũng Lắm Sông Cầu,

Cù lao Ông Xá đứng hầu ngoài khơi.

Hòn Mái Nhà là một hòn cù lao ở ngoài khơi xã An Mỹ. Đứng phía nào trông ra đảo, người ta cũng thấy nó giống như một cái mái nhà, cho nên mới có tên như thế. Rồi đến hòn Yến, hòn Chùa, hòn Dừa đều ở ngoài khơi xã An Chấn. Tại hòn Yến, nghề đánh cá rất phát đạt. Đến mùa cá, gập năm được mùa, cá phải chở hàng xe boia lua mới hết, và những người chuyên nghề làm nước mắm chực sẵn tại đây để mua, vì ở đây có một cái chợ. Nhưng nghề đánh cá thì chỗ nào cũng vất vả, mình trần trụi trực, hết dầm dưới nước lại lên phơi nắng, hết kéo lưới lại giăng chài, khiến cho người yêu đứng trong bờ cũng phải động lòng thương mà than rằng :

Ngó ra ngoài Yến ba lần,

Thấy anh ở trần trong bụng xót xa.

Em muốn lộn trở về mua lua đậu ba, (1)

Cắt áo cổ giữa đem tra nút vàng.

Không ai mà gửi ra chàng,

Để cho chàng mặc kéo cơ hàn nắng mưa.

(1) Đậu là kết lại. Khi dệt lụa, muốn cho chắc và dày, người ta kết mỗi mối là ba sợi tơ, gọi là lụa đậu ba, kết hai sợi thì gọi đậu đôi.

Non nước Phú Yên

Cá thu ở vùng này ăn rất ngon, dùng mà ăn với cơm gạo trắng chợ Quán Cau thì tuyệt. Ấy thế mà có những anh chồng khó tính, chẳng khen người vợ hiền khéo chiều chồng, lại còn chê bai, để rồi một ngày kia phải ân hận :

Hồi nào gạo trắng Quán Cau,

Cá thu chợ Yến anh lắc đầu chê hồi.

Bây giờ đáng số anh ơi,

Một phần khoai hai phần đồ anh thôi kén lựa. (1)

Hòn Chùa là một hòn Cù Lao mà trên đó còn dấu tích một ngôi chùa. Căn cứ vào những viên gạch còn lại, người ta đoán rằng đây là một ngôi chùa cổ của người Chiêm Thành lập, chứ không phải của người Việt, vì lẽ những viên gạch này giống với những viên gạch xây tháp.

Cũng vì có nhiều núi ăn xa ra ngoài biển, và phía ngoài lại có cù lao che chở, nên bờ biển từ Cù Mông vào đến đầm Ô Loan có nhiều đầm, nhiều vũng, thuận tiện cho nghề đánh cá, như phá Túy Phong (xã Xuân Lộc), đầm Vĩnh Cửu (xã Xuân Cảnh), vũng Trích (xã Xuân Thịnh), vịnh Xuân Đài (Sông Cầu), vũng Lắm (xã Xuân Thọ), đầm Ô Loan (xã An Cư).

Qua khỏi đầm Ô Loan, du khách tới bờ biển Ma Liên, một nơi đầy sự tích huyền bí như cái tên của nó. Người ta kể lại rằng : xưa kia tại vùng này có một cái chợ người và ma họp chung với nhau. Vì ma hiện nguyên hình người với cách ăn mặc như người địa phương, nên không thể phân biệt được. Sở dĩ người ta biết có ma đến họp chợ là vì có một số người bán hàng khi về nhà mở gói tiền ra thì chỉ một số là tiền thật, còn một số đã biến thành tro giấy. Để dễ phân biệt, về sau mỗi lần

(1) Lựa là kén chọn, lựa chọn.

Lấy chồng Phú Cốc sợ beo,

Lấy chồng Mỹ Á hồn treo cột buồm.

Hoặc là :

Anh về Mỹ Á chi lâu,

Để em ôm chiếc thuyền câu đợi chàng ?

Hay là :

Ngó ra hòn Dừa tắm tắm,

Thấy anh kéo lưới bít khăn đầu riu.

Thương anh em cũng muốn liêu,

Sợ vì một nỗi sớm chiều buồn teo !

Tuy rằng nghề biển có nguy hiểm thật, nhưng con người làm biển sống gần thiên nhiên, nên lại rất chân thành và thủy chung. Yêu ai thì yêu tha thiết, dù cách xa cũng giữ tròn nhân nghĩa. Chúng ta hãy nghe chàng kể lễ :

Anh chèo thuyền ra biển,

Anh câu con cá diển ba gang,

Dem lên hòn Gió (1) thăm nàng,

Bệnh tình mau mạnh kết đànghĩa nhân.

Từ Mỹ Á vào đến cửa biển Đà Diển, bờ biển bằng phẳng, và đặc biệt có viền một bờ cát khá cao, mà du khách đứng trên xe lửa có thể trông thấy và tưởng lầm là những đồi núi. Sở dĩ có hiện tượng ấy là vì bờ biển Tuy Hòa rất trống trải, hàng năm cứ đến mỗi mùa lụt, đất phù sa đổ ra biển bị sóng và gió nổi đánh bật trở lại, vun cao thành đống, rồi đến

(1) Hòn Gió là tên núi cũng là tên xóm ở thôn Lam Sơn xã An Thọ.

mùa gió Lào thổi mạnh, cát lại bị dôn trở ra. Do đó cát bị trong tấn ra ngoài đẩy vào chất cao thành núi. Vì lẽ đó mà ở đây không thể xây dựng được một bãi biển đẹp như vùng Sông Cầu hay đầm Ô Loan.

Tuy nhiên đối với thi nhân, cảnh thiên nhiên đâu cũng đẹp, cũng nên thơ, cũng gây được cảm hứng trong lòng. Cho nên một chiều nọ ngắm biển Tuy Hòa, thi sĩ Huỳnh Khinh, tác giả Song Hòa Thi Thảo, đã ngâm lên tám câu thơ đầy duyên dáng :

*"Tuy Hòa" chơi biển buổi tà dương,
Thường cảnh thiên nhiên thú lạ thường !
Nước bực chân non, xanh lẫn lục,
Gió xao ngọn sóng, bạc pha vàng.
Tầng không mây gợn trời cao thấp,
Ven biển cồn giăng bãi dọc ngang.
Lặng ngắm nước non lòng hớn hở,
Mừng cho cá nước với chim ngàn.*

Đã thăm bờ biển Tuy Hòa, du khách không thể không ghé vào thăm thành phố của miền núi Nhạn sông Đà được. Tuy Hòa ngày nay đã là tỉnh lỵ tỉnh Phú Yên, được mở mang theo một chương trình kiến thiết qui mô rộng lớn. Trên núi cát ven bờ biển, xưa kia chỉ là nơi cỏ mọc gai cài, nay đã được xây dựng những tòa nhà lầu theo kiến trúc tân thời. Đó là Tòa Hành Chánh tỉnh cùng một số cơ quan chuyên môn và quân sự. Từ tòa Hành Chánh đi lên phố có hai con đường chạy song song, mang tên hai vị anh hùng dân tộc là Nguyễn Huệ và Trần Hưng

Đào. Hai bên lề đường, những hàng dương liễu (filaos) thẳng tắp, ngọn lá xanh tươi, rải bóng mát lên mặt đường trắng nhựa.

Đi lên độ một cây số là thị trấn Tuy Hòa, nơi hoạt động náo nhiệt nhất tỉnh. Với những con đường trắng nhựa, hai bên phố xá buôn bán tấp nập, đây là khu cư xá công chức, nơi kia là chợ Tuy Hòa rộng lớn, với những cô bán hàng niềm nở chào khách. Khu vực hoạt động nhất là ngã năm, với các đường Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng phố lầu cao ráo, cửa hàng san sát kề nhau.

Mỗi buổi chiều, khi tan giờ học, từng đoàn nữ sinh một màu trắng xóa, như tâm hồn trong trắng tuổi tròn trăng, làn tóc thể phơ phát qua luồng gió nhẹ thổi, đi trên các đường phố tản về các ngã, khiến cho du khách có cảm tưởng như những đàn bướm trắng mùa xuân, nhớn nhoe trên những cành hoa mới nở. Có lẽ đó là đặc điểm khiến du khách khi đã tới viếng Tuy Hòa thì không sao quên được. Cho nên thi sĩ Huy Lực, dù có xa cách muôn trùng, cũng vẫn nhắn lời về cô gái miền núi Nhận sông Đà :

Anh sẽ về

Nhất định anh sẽ về

Để viết bài thơ trọn vẹn

Để nói lên

Rằng anh chưa bao giờ lỗi hẹn

Người em gái Phú Yên

Đẹp như nước Đồng Cam

Tươi mát dịu hiền. (1)

(1) Trích thi phẩm "Dạ hội mùa xuân".

Nếu ai đã sống ở Tuy Hòa cách đây chừng 30 năm, đều còn nhớ thời xưa, cái tên Tuy Hòa không phổ biến bằng tên Dinh. Từ các làng mạc xa xôi, người ta thường nói tới Dinh, ít ai nói tới Tuy Hòa. Vậy Dinh là gì ? Tại sao lại gọi là Dinh ? Cho tới nay, chưa có một tài liệu nào giải thích danh từ ấy. Sau khi dò hỏi các vị lão thành địa phương, và cứu xét các tài liệu lịch sử liên quan đến Phú Yên, chúng tôi tạm đưa ra ba giả thuyết sau đây :

1. Khi chúa Nguyễn Hoàng mở rộng bờ cõi tới Phú Yên (1) thì tỉnh này được gọi là Trấn Biên Dinh. Có thể một thời gian nào đó, trấn lý của Biên Trấn đóng tại Tuy Hòa ngày nay. Vì lúc đó gọi là dinh (hay là doanh) mà chưa gọi là tỉnh, cho nên nơi lý sở của quan Trấn Thủ được gọi là dinh. Do đó người dân quen nói là đi Dinh, cũng như ngày nay bảo là đi tỉnh.

2. Khi ông Lương Văn Chánh vào đây kinh lý xong việc đánh Chiêm Thành, được phong làm Tiền Trấn Biên Dinh Tham Đốc Tướng. Ông đã cho lập dinh thự của ông nơi đây. Vì vậy người ta đã gọi khu vực này là dinh. Theo một ít vị bô lão cho biết thì tại Tuy Hòa trước kia có dấu tích nền nhà của ông Lương Phù Già, tức Lương Văn Chánh. Do đó mới có câu ca dao sau đây :

Phù Già dậy giấc thành linh,

Hồi kia còn có tháp Dinh rõ ràng.

3. Đời chúa Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, lúc chạy qua vùng Tuy Hòa, có ba anh em nhà họ Mai (2) đang cày ruộng ở chỗ cầu Ông Chừ bay giờ, bỏ theo phò. Sau khi vua Gia Long lên ngôi, các ông được phong

(1) Xem rõ hơn ở phần lịch sử.

Từ cửa Đà Diễn vào đến cửa Đà Nông, bờ biển bằng phẳng, trên bờ là một bãi cát rộng mênh mông. Tại đây có phi trường Đông Tác, hàng tuần ba lần, tiếp nhận chuyển máy bay từ Quy Nhơn vào. Bãi này gần 20 cây số, dân chúng địa phương gọi là Bãi Dài :

Cửa Dinh có tháp xây ngoài,

Chạy hết Bãi dài lại đến Đà nông.

Phía ngoài khơi có nhiều đảo nhỏ, đá chắt chập chồng, trong đó Hòn Khô là quan trọng, rất nguy hiểm cho sự đi lại của ghe tàu. Các người đi ghe bầu thường nhắc nhở nhau bằng câu ca dao sau đây :

Hòn Khô đá chắt chập chồng,

Ngoài thời có mũi trong thời có kinh.

Từ cửa Đà Nông vào đến vũng Rô giáp Khánh Hòa, vì có dãy núi Đá Bia nằm sát biển, nên bờ biển cao và dốc, ghềnh đá ngổn ngang rất nguy hiểm cho việc thủy vận, nên ở mũi Nạy có tháp hải đăng. Bờ biển Phú Yên chấm dứt tại đây.



Đình Phú Cầu thờ cá voi

Chương VII

Khí hậu

Tỉnh Phú Yên ở vào giữa vĩ tuyến 12 và 13, nói chung khí hậu quanh năm nóng bức, nhất là vào khoảng mùa hè. Năm vào khu vực gió mùa, tỉnh Phú Yên có hai mùa rõ rệt : mùa nắng và mùa mưa.

Mùa nắng từ tháng hai đến tháng chín dương lịch, nhiệt độ thay đổi từ 26 độ đến 37 độ. Trong mùa này có gió nổi thổi theo hướng Đông Nam Tây Bắc, mát mẻ. Vào khoảng tháng 7 tháng 8 dương lịch có gió Lào thổi từ miền lục địa qua dãy Trường Sơn, mà dân chúng địa phương gọi là “Nam Cổ”, vì gió này thổi rất mạnh, làm bay cả tranh sập cả nhà, lại nóng bức làm cho đồng điền khô cạn, hoa màu héo rụi.

Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng giêng dương lịch, nhiệt độ từ 20 độ đến 22 độ, lạnh nhất là tháng giêng dương lịch. Về mùa này có gió Bắc thổi mạnh mưa nhiều. Thường năm vào tháng 10 tháng 11 dương lịch hay có mưa giông và bão, gây nên lụt lớn. Về mùa này, dân chúng ở vùng Tuy Hòa có kinh nghiệm xem mây trên núi Chóp Chài và núi Đá Bia, để đoán trời mưa nên có câu :

Chóp Chài đội mũ

Đá Bia chùm hời Cù Mông,
 Dưới biển sóng dậy trên đồng nước dâng.
 Nhà cao nước lội nửa lưng,
 Nhà thấp đá (1) mái nước bùng trôi nhà.
 Mưa dầm trong bữa hăm ba,
 Sáng ngày hăm bốn nước hòa vô sân.
 Đầu hôm sấm sét vang rân,
 Gió Nam thổi kiệt (2) tới tuần canh ba,
 Còn đương dọn dẹp trong nhà,
 Cuồng phong gió chướng phá mà cửa phen.
 Canh tư trăng hé bình lên,
 Ba đào chuyển động vách rền rã tan.
 Chùa đình lẫm miếu ngao lãn,
 Long đình hương án lọng tàn đồn âm.
 Sắc bằng phổ ý nước ngâm,
 Nhà sàn kèo cột rui mẫm làm chi !

Trận bão lụt này đã làm cho biết bao nhiêu người thiệt mạng không kể già trẻ gái trai. Chúng ta sẽ rung mình thương cảm khi thấy cảnh :

Tuổi xanh má phấn da thơm,
 Tóc dài bết gót dính chơm dính chà.
 Hài nhi lên bảy lên ba,

(1) Đá mái là nước lên chạm đến mái.

*Gỗ trôi sóng dập dưới mà vách chôn.
Hiệp Đồng chết hết bảy thôn,
Người nào còn sống chạy đồn lên non.
Nậu già chết đứng bỗng con,
Trai tơ chết vợ gái non chết chồng !*

Chẳng những các phủ huyện miền đồng bị thiệt hại nặng nề, mà cả đến những miền Thượng du cũng không tránh khỏi nạn bão lụt tàn phá :

.....
*Sơn Hòa lúa nếp mục vàng mốc meo.
Củng Sơn, Thạnh Hội, Hoa Chiêu,
Đồng Cam, Đất Đỏ hư nhiều bắp khoai,
Phủ trong cho chí huyện ngoài,
Hết bốn phủ huyện thủy tai nghe đều !*

Nói chung khí hậu Phú Yên không được tốt lắm, về mùa nắng thì nóng bức khó chịu, về mùa mưa có gió bắc thổi mạnh mang khí độc tới, dân chúng thường hay bị trúng gió. Cái miền nước độc có tiếng như Phú Sen, Quan Quang, Củng Sơn, Trà Khê, Vân Hòa và quận Phú Đức. Chỉ có miền Sông Cầu là tương đối mát mẻ mà thôi.

Tóm lại, về địa lý thiên nhiên, tỉnh Phú Yên ví như một bức thành kiên cố, ba phía có núi trùng điệp bao quanh, hai địa đầu có đèo cao ngăn trở, còn lại phía Đông thì có biển cả bao la, ở trong có cánh đồng lúa cò bay thẳng cánh, có rẫy khoai bắp trên các sườn đồi. Nhờ vậy nếu có bị phong tỏa từ phía thì nhân dân Phú Yên vẫn sống được no đủ. Tuy nhiên,

cũng vì cái địa thế đóng kín ấy mà sự xúc tiếp với ngoài bị hạn chế rất nhiều. Ngày nay, nhờ giao thông thuận tiện, người dân Phú Yên đã bắt đầu tiếp thụ nền văn minh nhiều, nhưng ngày xưa thì quá thua thiệt. Quanh năm chỉ tháng, người dân chỉ làm bạn với con trâu đám ruộng, rất ít ai dám đi ra khỏi tỉnh. Do đó, không mấy ai học hành đậu đạt cao, các bậc khoa giáp thì cũng chỉ bậc cử nhân là cùng.

Cái địa thế ấy đã được thi sĩ Quách Tấn tả trong bài đường luật sau đây, khi ông đi qua Phú Yên năm 1939 :

*Kìa danh Cù Mông nọ vũng Rô,
Con đường thiên lý chạy quanh co.
Vườn dừa mé biển tung đuôi phụng,
Rẫy bắp sườn non thẳng cánh cò,
Núi Nhạn chuông ngân chiều bằng lăng,
Đầm Ô sen nở gió thơm tho.
Đá Bia tích cũ mây dù lấp,
Quả lại còn nghe khách chuyện trò.*

Khách chuyện trò gì đây? ấy là người ta bàn luận về lịch sử tỉnh Phú Yên. Vậy mời du khách cùng chúng tôi nhập bọn với đám khách bộ hành kia, đi ngược lại dĩ vãng, tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của tỉnh này qua không gian và thời gian.

Phần thứ hai
Tay người tô điểm

Chương I

Lịch sử

Theo các sách sử địa của ta và của Tàu còn ghi lại mảnh đất Phú Yên này về thế kỷ thứ III trước tây lịch thuộc đất Tượng quận của nhà Tần. Nguyên sau khi vua Thục An Dương Vương đánh được nước Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, xây Loa Thành, đóng đô ở Phong Khê (1) :

Thục từ dứt nước Văn Lang,

Đổi tên Âu Lạc, mới sang Loa Thành.

Phong Khê là đất Vũ Ninh,

Xây thôi lại lở, công trình biết bao. (2)

Đến năm Đinh Hợi (214 trước tây lịch), sau khi đã nhất thống nước Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng mới sai tướng là Đồ Thư đi đánh các nước Bách Việt, vua An Dương Vương cũng xin về thần phục nhà Tần. Tần Thủy Hoàng mới chia đất Bách Việt và Âu Lạc ra làm ba quận là Nam Hải, Quế Lâm và Tượng quận (3). Hai quận Quế Tượng đặt chức Giám, quận Nam Hải đặt chức Ủy để trị. Đối chiếu với bản đồ ngày nay, ta thấy

(1) Nay thuộc huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên.

(2) Trích Đại Nam Quốc Sử diễn ca.

(3) Đất Nam Hải nay là Quảng Đông, Quế Lâm là Quảng Tây, còn Tượng Quận thuộc Âu Lạc và phần đất phía Nam.

Tượng quận gồm cả vùng Bắc Việt, miền Bắc Trung Việt, xuống đến núi Đại Lãnh. Theo thiển ý chúng tôi, thời bấy giờ, đất thì có rộng mà dân cư không được bao nhiêu người, lại ở vào thời đại chuyên sống về nghề chài lưới, nông nghiệp mới phôi thai, cho nên hầu hết các bộ lạc đều tập trung tại ven biển hay hai bên bờ sông lớn. Nói rằng đất ấy thuộc về nhà Tần, nhưng chưa chắc đã thực sự đặt dưới nền cai trị của nước Tần. Bởi vì sơn xuyên hiểm trở, đường sá khó khăn, rừng núi chập chùng, lam sơn chương khí, hổ beo đầy rẫy, chắc gì có quan lại nhà Tần dám mò tới tận nơi các bộ lạc ? Vì vậy nói rằng địa giới Tượng Quận đến đèo Cả là thuộc nhà Tần, chẳng qua cũng chỉ nói trên giấy tờ mà thôi.

Việt Nam sử lược chép rằng : khi thấy nhà Tần nhập cả đất nước lại rồi chia làm ba quận, thì dân bản xứ bỏ trốn vào rừng, không chịu để người Tàu cai trị. Về sau họ nổi lên giết Đồ Thư, thu hồi quyền tự chủ.

Đến đời vua Nhị Đế, nhà Tần suy, trong nước loạn lạc nổi lên. Bấy giờ quan Úy ở quận Nam Hải là Nhâm Ngao, thấy cơ hội tốt, muốn đánh lấy Âu Lạc để lập một nước tự chủ ở phương Nam. Nhưng công việc chưa thành thì Nhâm Ngao mất. Quan lệnh Long Xuyên là Triệu Đà người đất Chân Định (1) lên thay. Năm Quý Tỵ (208 trước tây lịch) Triệu Đà đánh lấy nước Âu Lạc lập ra nước Nam Việt. Lúc đó nhà Tây Hán mới lên, còn bận nhiều việc trong nước, chưa có thì giờ nghĩ đến việc thôn tính phương Nam, bèn cắt ba quận phong cho Triệu Đà.

Năm Canh Ngọ (111 trước tây lịch), niên hiệu Nguyên Đĩnh vua Vũ Đế nhà Hán mới sai Phục Ba tướng quân Lỗ Bác

(1) Nay là huyện Chính Định, phủ Châu Duệ.

Đức cùng với Dương Bộc đem quân sang đánh Nam Việt, rồi cải là Giao Chỉ Bộ chia làm 7 quận sau đây :

- | | | |
|--------------|---|---|
| 1.Hợp Phố | } | Nay là Quảng Đông |
| 2.Nam Hải | | |
| 3.Thương Ngô | } | Nay là Quảng Tây |
| 4.Uất Lâm | | |
| 5.Giao Chỉ | } | Nay là Bắc Việt và mấy tỉnh phía Bắc Trung Việt |
| 6.Cửu Chân | | |
| 7.Nhật Nam | | { Miền Trung Việt đến đèo Cả. |

Do quan Thứ Sử Giao Chỉ Bộ thống đốc tất cả. Năm thứ 5 niên hiệu Nguyên Phong (100 trước tây lịch) vua Vũ Đế nhà Hán lại lấy một đảo sáp nhập vào chia thêm hai quận nữa là :

- | | | |
|---------------|---|--------------------|
| 8.Châu Nhai, | } | Nay là đảo Hải Nam |
| 9.Đạm Nhĩ (1) | | |

Giao Châu mới thuộc nước người,

Ấy về Tây Hán là đời Nguyên Phong.

Bản đồ vào sách hỗn đồng,

Đất chia chính quận, quan phong phú thần. (2)

Quận Nhật Nam bấy giờ được chia làm 5 huyện, trong

(1) Trong Phương Đình dư địa chí lại gọi là Thiêm Nhĩ.

(2) Trích Đại Nam Quốc Sử diễn ca.

đó có huyện Tượng Lâm ở về cực Nam. Như vậy từ năm 111 trước tây lịch, tỉnh Phú Yên thuộc về đất huyện Tượng Lâm quận Nhật Nam của nhà Hán.

Nhiều tài liệu của Tàu có nói huyện Tượng Lâm và vị trí của nó. Sách Nam Sử chép : Nước Lâm Ấp xưa là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam, đời Hán, phía Bắc giáp quận Cửu Đức (1), phía Nam đi đường thủy và đường bộ hơn 200 dặm có nước Tây Đồ Di là nơi Mã Viện dựng hai cột đồng nêu bờ cõi. Sách Thiên Hạ Lợi Bệnh toàn thư chép : Mã Viện từ quận Nhật Nam đi về phía Tây 400 dặm đến nước Lâm Ấp, lại đi về phía Nam hơn 200 dặm có nước Tây Đồ Di, đến đây dựng ba cột đồng ở Tượng Lâm cùng chia bờ cõi với nước Tây Đồ Di. Tính từ Giao Châu đến cột đồng 5000 dặm. Nhưng :

Cột đồng Đông Hán đâu còn thấy ?

Chỉ thấy Tây Hồ bóng nước gương ! (2)

Cứ theo năm tháng và sách vở chép như trên, ta có thể ước đoán rằng tỉnh Phú Yên thuở xưa là đất huyện Tượng Lâm (3) quận Nhật Nam, về sau là nước Lâm Ấp, phía Nam có nước Tây Đồ Di tức là vùng Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay. Khi nhà Hán chiếm đất Nam Việt, chia làm quận huyện thì Nhật Nam là quận xa xôi nhất, núi rừng hiểm trở, khí

(1) Về điểm giáp quận Cửu Đức này, nói sai, vì lúc nhà Hán còn, quận Cửu Đức chưa có. Đến đời Ngô mới cắt một phần đất quận Nhật Nam và quận Cửu Chân lập quận Cửu Đức. Bởi vậy ở đây nói giáp quận Cửu Chân mới đúng.

(2) Trích thơ vịnh Hai Bà Trưng của Hoàng Cao Khải.

(3) Hiện nay tại quận Tuy Hòa và Hiếu Xương có một số thôn mang tên có chữ Lâm như Phú Lâm, Mậu Lâm, Hạnh Lâm, Nho Lâm, Thạnh Lâm, Phước Lâm, Uất Lâm. Do đó có thể ước đoán xưa kia huyện Tượng Lâm đóng ở vùng này.

hậu ời bức, nên quan quân nhà Hán không đi sát được. Vì vậy, vào cuối đời nhà Hán, một người ở huyện Tượng Lâm, tên là Khu Liên, nổi dậy giết quan huyện lệnh, chiếm cứ huyện này, lập thành một quốc gia độc lập, xưng quốc hiệu là Lâm Ấp. Người Tàu thường gọi là rợ Hồ Tôn.

Nước Lâm Ấp về sau chiếm luôn cả nước Tây Đô Di ở phía Nam, mở rộng bờ cõi đến giáp Chân Lạp, về phía Bắc chiếm phần lớn đất Nhật Nam, đến vùng Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay. Người Lâm Ấp thường sang quấy nhiễu vùng Nhật Nam (phần còn lại) và Cửu Chân, bị đánh bại nhiều lần. Đến đời vua nước Lâm Ấp là Chư Cát Địa lên ngôi, bèn đổi quốc hiệu là Hoàn Vương. Đất Phú Yên lại thuộc về nước Hoàn Vương.

Năm Mậu Tý (808) đời vua Hiến Tông nhà Đường, quan Đô hộ là Trương Chu đem quân sang đánh nước Hoàn Vương, giết hại rất nhiều. Vua nước ấy thua chạy về phía Nam, và đổi quốc hiệu là Chiêm Thành. Bấy giờ nước Chiêm Thành gồm có các châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính, (nay là Quảng Bình, Quảng Trị), Ô, Lý (nay là Thừa Thiên, Bắc Quảng Nam), Amaravati (nay là Quảng Nam, Quảng Tín và Quảng Ngãi), Vijaya (nay là Bình Định và Phú Yên), Kauthara (nay là Khánh Hòa) và Panduranga (nay là Ninh Thuận và Bình Thuận). Tỉnh Phú Yên là phần đất cực Nam của châu Vijaya.

Năm Hồng Đức nguyên niên (1470) đời vua Lê Thánh Tông, vì người Chiêm Thành hay sang quấy nhiễu vùng Hóa Châu, nhà vua thân đem 26 vạn quân vào đánh, hạ được thành Chà Bàn là kinh đô của Chiêm Thành lúc bấy giờ, bắt được vua Chiêm Thành là Trà Toàn. Vua Lê Thánh Tông bèn đặt vùng này thành phủ Hoài Nhơn, lãnh ba huyện là Bồ Sơn, Bồ Ly và Tuy Viễn thuộc Quảng Nam thừa tuyên. Thăng đã

Non nước Phú Yên

chiến thắng, nhà vua cho quân vượt qua đèo Cù Mông vào đến đèo Cả.

Đến đây, Ngài ra lệnh cho khắc bia trên núi Đá Bia rồi ra lệnh ban sư. Khi quân ta đã rút về rồi, chính quyền ta chỉ thị hành đến huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định mà thôi, người Chiêm Thành lại tràn qua đèo Cả chiếm cứ Phú Yên. Trong bản đồ Hồng Đức, nước ta chỉ vẽ đến đèo Cù Mông mà thôi. Tuy nhiên công trình mở rộng bờ cõi của vua Lê Thánh Tông đối với Phú Yên vẫn ghi dấu mãi trong lòng người dân, mỗi lần họ nhìn lên ngọn núi Đá Bia cao chót vót ở phương Nam :

Mở Quảng Nam, đặt Trấn Ninh,

Đề phong (1) muôn dặm uy linh ai bì.

Kỷ công (2) núi có Đá Bia,

Thì văn các tập Thần Khuê còn truyền (3).

Để tưởng nhớ công đức của vua Lê Thánh Tông, nhân dân Phú Yên có lập miếu thờ Ngài tại thôn Long Uyên, quận Tuy An, hiện còn đôi câu đối như sau :

Giang sơn khai tác hà niên,

phụ lão tương truyền Hồng Đức sự,

Trở dạu hình hương thử địa,

thanh linh trường đối Thạch bi cao (4)

(1) Bờ cõi đất đai.

(2) Kỷ công là ghi công.

(3) Thần Khuê là tên một cuốn sách do vua Lê Thánh Tông soạn. Bốn câu trên đây trích trong Đại Nam Quốc Sử diễn ca.

Dịch

*Giang sơn khai thác năm nào,
phụ lão còn truyền công Hồng Đức,*

Lễ kinh hương thơm đất ấy

Danh thiêng muôn thuở ngọn Đá Bia. (1)

Sau khi Nguyễn Hoàng được vào trấn đất Thuận Hóa, ông bèn nghĩ đến việc mở rộng bờ cõi về phía Nam, chuẩn bị lực lượng để chống nhau với họ Trịnh ở ngoài Bắc. Năm Mậu Dần (1578), chúa Nguyễn Hoàng bèn sai ông Lương Văn Chánh vào kinh lý việc đánh Chiêm Thành để lấy lại phần đất do vua Lê Thánh Tông đã chiếm từ năm 1470. Nhờ tài thao lược, ông Lương Văn Chánh đã chiến thắng một cách dễ dàng, thu nhận phần đất Phú Yên vào lãnh thổ Việt Nam, chiêu dân lập ấp để xây dựng nền tảng lâu dài cho quốc gia.

Nhưng sau khi ông Lương Văn Chánh chết, người Chiêm Thành lại mưu phản, chúa Nguyễn Hoàng lại sai Chủ Sự Văn Phong (2) đem quân vào đánh dẹp lập thành phủ Phú Yên, đặt thuộc vào Quảng Nam thừa tuyên, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, cử Văn Phong ở lại trấn giữ. Sau Văn Phong lại cấu kết với người Chiêm Thành làm phản, vua Hi Tông Hiếu Văn hoàng đế (chúa Sãi) năm Kỷ Tỵ thứ 16 (1629) sai phó tướng là Nguyễn Phúc Vinh vào đánh dẹp, đổi làm Trấn Biên Doanh (3), sau lại gọi là Phú Yên doanh vẫn gồm hai huyện Tuy Hòa và Đồng Xuân.

(1) Phạm Đình Khiêm dịch trong quyển "Người chứng thứ nhất".

(2) Hiện nay ở thôn Phú Hiệp còn có người mang họ Văn.

(3) Lúc mới đầu nhà Nguyễn, những vùng mới lấy được giáp với các nước khác đều gọi là Trấn Biên. Về sau Trấn Biên lại dời xuống Phước Long, tức là Biên Hòa ngày nay.

Đến năm Tân Mão (1771), nhà Tây Sơn khởi nghiệp tại đất Qui Nhơn. Sau khi đã dùng sách sách khôn khéo giảng hòa với Hoàng Ngũ Phúc là tướng chúa Trịnh ở phía Bắc, Nguyễn Nhạc bèn quay về đối phó với chúa Nguyễn ở phía Nam. Bấy giờ đất Phú Yên đặt dưới quyền thống lĩnh của Nguyễn Phúc Hợp, Nguyễn Nhạc lập mưu cho Nguyễn Huệ vào đánh úp một trận, lấy trọn đất Phú Yên năm Ất Mùi (1775). Bấy giờ có Chu Văn Tiếp ở Qui Nhơn chạy vào huyện Đồng Xuân, chiêu tập sĩ tốt, chiếm cứ vùng núi Chà Rang (1), nay thuộc thôn Phú Phong, xã An Hiệp là nơi hiểm yếu, phía sau dựa vào rừng núi phía trước mặt là giáp đầm Ô Loan, sát biển, dùng thủy bộ rất tiện, để mưu đồ việc giúp chúa Nguyễn. Một vài phen xuất quân đều thất bại. Chu Văn Tiếp phải quay về giữ núi Chà Rang. Đến năm Nhâm Dần (1782), được tin Gia Định thất thủ, Chu Văn Tiếp bèn đem quân bản bộ rời bỏ Phú Yên vào Nam, hợp cùng các đạo quân đánh Tây Sơn, lấy lại thành Saigon. Từ đó đất Phú Yên hoàn toàn thuộc về Tây Sơn.

Từ năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn Ánh được ngoại bang giúp đỡ, từ Xiêm La trở về chiếm lại thành Gia Định và tiến lần ra Bắc, thì phần đất Phú Yên mới phải trải qua một thời gian đen tối nhất. Trong một năm không biết mấy lần thay quan đổi chủ. Bên nào chiếm được cũng bắt dân đi lính, đóng thuế nặng nề để cung cấp cho chiến tranh. Một cổ đôi ba trùng, người dân Phú Yên chưa bao giờ cực khổ như thế này.

Quả thế, năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Vương cho quân ra đánh cửa Thị Nại bằng hai đường thủy bộ. Vương đi mặt biển, Tôn Thất Hội đi trên bộ tiến qua Bình Thuận, Khánh

(1) Núi này nhiều cây chà rang nên mới có tên này. Việt Nam sử lược gọi là Trà Lang.

Hòa ra đánh Phú Yên. Tại đây lực lượng của Tây Sơn đã sút kém, nên sức kháng cự rất yếu ớt. Hạm đội thủy quân của Vương vào cửa Xuân Đài một cách dễ dàng, rồi tiến thẳng ra Qui Nhơn.

Sau vì có viện binh Phú Xuân vào cứu, Nguyễn Vương phải rút lực lượng về vịnh Xuân Đài, ra sức củng cố Phú Yên và Khánh Hòa, vì đoán chắc thế nào quân Tây Sơn cũng vào đánh. Quả nhiên qua năm sau, Giáp Dần (1794), tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Hưng đem một lực lượng 40.000 người đánh xuống Phú Yên. Quân Nguyễn Vương chống không nổi phải bỏ chạy vào giữ thành Diên Khánh. Tháng giêng năm Ất Mão (1795), Trần Quang Diệu đem 15.000 quân vào đánh Diên Khánh, Nguyễn Vương phải thân đem quân tới giải vây. Quân Tây Sơn rút về giữ Phú Yên.

Giải vây xong Diên Khánh, Nguyễn Vương tiến quân ra Thị Nại. Trong lúc này, Đông Cung Cảnh và Giám Mục Bá Đa Lộc tiến đến Phú Yên. Quân hai bên đánh nhau nhiều trận kịch liệt, cầm cự và giằng co trong nhiều ngày. Bây giờ thời tiết bất lợi cho quân Nguyễn Vương, nên Vương rút về Xuân Đài, đồng thời ra lệnh cho Đông Cung Cảnh bỏ những vị trí đã chiếm được ở Phú Yên, cùng lui vào giữ Diên Khánh. Đến tháng 10 năm ấy (1794), quân Tây Sơn lại làm chủ hoàn toàn đất Phú Yên. Dân chúng tỉnh này được tạm yên thân trong vài ba năm, đến năm Đinh Tỵ (1797), chúa Nguyễn lại ra đánh Phú Yên lần nữa. Vì lúc đó quân Tây Sơn bận ra tiếp ứng phía Bắc (Qui Nhơn), nên tướng chúa Nguyễn là Nguyễn Văn Thành lấy Phú Yên một cách dễ dàng.

Năm Kỷ Vị (1799), tướng của Nguyễn Vương trấn giữ Phú Yên làm phản, hàng Tây Sơn. Những phần tử trung thành với chúa chạy cả vào Diên Khánh. Nhà Tây Sơn bèn mộ thêm

Non nước Phú Yên

binh, sửa sang lại thành quách, giao cho viên hàng tướng ở lại giữ thành.

Năm Canh Thân (1800), chúa Nguyễn lại sai binh tướng ra đánh Phú Yên. Tại đây quân Tây Sơn đã xây dựng tới 80 cái đồn kiên cố. Nhưng chúa Nguyễn dốc cả lực lượng ra đánh, nên phá hủy được khá nhiều. Quân Tây Sơn phải bỏ chạy. Chúa Nguyễn cho lập nhiều kho lương tại vịnh Xuân Đài (1), vơ vét thóc gạo của dân Phú Yên để tiếp tế cho lực lượng của chúa ra đánh giải vây Qui Nhơn bấy giờ đang bị viên kiện tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vây hãm rất nguy ngập. Lúc đó quân tiếp tế phải đi qua một cái đèo, nên đèo đó được gọi là đèo Vận Lương nay thuộc xã Xuân Thịnh quận Sông Cầu (2).

Năm Tân Dậu (1801), sau khi Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tuần tiết, thành Qui Nhơn rơi vào tay quân Tây Sơn. Vì lúc đó Phú Xuân đã mất về tay chúa Nguyễn, Trần Quang Diệu quyết định mở rộng khu vực kiểm soát vào các tỉnh miền Nam để có đủ lực lượng trở ra giải phóng Phú Xuân, bèn đánh xuống Phú Yên, khiến Nguyễn Vương phải cho quân Gia Định tăng cường miền này. Vì thế mà tướng Tây Sơn là Lê Văn Diên vào đánh Phú Yên không thu được kết quả nào. Từ đó đất Phú Yên hoàn toàn trở về chúa Nguyễn, vẫn gọi là doanh, có công đường quan cai trị.

Gia Long năm thứ 7 (Mậu Thìn 1808) đổi làm Phú Yên trấn, đứng đầu có quan Lưu trấn, sau đổi là Trấn Thủ, có quan Cai Bạ và Ký Lục phụ tá, trông coi việc cai trị.

(1) Vì vậy mà có cái dốc Xuân Đài lát đá dài 4 cây số như đã nói ở phần núi non.

(2) Xem lại chương núi non.

Năm Minh Mạng thứ bảy (Bính Tuất 1826) đổi làm Phú Yên phủ nha. Năm Minh Mạng thứ 12 lại đổi làm Tuy An phủ, qua năm sau, Minh Mạng thứ 13, nhân chia khu vực hành chánh trong nước, Phú Yên được đặt thành một tỉnh, đặt dưới quyền cai trị của quan Tổng đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên) đóng tại Bình Định. Thay mặt quan Tổng đốc tại địa phương có quan Tuần Vũ.

Lúc đầu trấn lý đặt tại thôn Hội An, huyện Đồng Xuân, sau khi thành lập tỉnh mới dời tỉnh lý về xã Long Uyên, tổng Xuân Đài, sau lại dời tới thôn An Thổ xã Tân Dân, quận Tuy An ngày nay. Thuộc man (1) là hai huyện Thạch Thành và Hà Duy đều thuộc vào tỉnh Phú Yên (2).

Đến niên hiệu Tự Đức thứ 6 (Nhâm Tý 1852), nhà vua cho bỏ tỉnh, cải phủ Tuy An làm đạo Phú Yên thuộc vào tỉnh Bình Định, đặt chức Quản Đạo để cai trị, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa.

Năm Ất Dậu (1885), kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Bình, hạ chiếu Cần Vương, nhân sĩ Phú Yên cũng như trong nước hưởng ứng nhiệt liệt, nổi lên chống Pháp. Ở vùng Tuy An và Đồng Xuân có các ông Lê Thành Phương (Tú Phương), Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hào Sứ (tức Bá Sứ) v.v... Nhưng vì thế yếu, binh lương ít ỏi, vũ khí thô sơ, thực dân Pháp cho tay sai đốc lực Trần Bá Lộc ra đàn áp, nghĩa binh phải bị tan rã. Các người chỉ huy lần lượt bị bắt và đền nợ nước nơi pháp trường. Từ đó đất Phú Yên, trên danh nghĩa là phần đất Nam Triều, nhưng trên thực tế, đã đặt dưới quyền thống trị của thực dân Pháp.

(1) Các vùng thượng du.

Đến đời Thành Thái, Phú Yên lại được đổi làm tỉnh, huyện Tuy Hòa đổi làm phủ Tuy Hòa, một phần đất của phủ Tuy Hòa được cắt ra thành phủ Tuy An. Về mặt hành chánh, tỉnh Phú Yên vẫn đặt dưới quyền cai trị của quan Tổng Đốc Bình Phú, đại diện tại tỉnh hạt có quan Tuần Vũ như trước.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Duy Tân thứ hai (1908), hưởng ứng phong trào kháng sưu, các nhân sĩ Phú Yên đã đứng lên vận động dân chúng mặc áo cộc, cắt tóc ngắn, tổ chức biểu tình, xin giảm bớt thuế thân, thuế điền, bỏ thuế muối, thuế chợ. Lãnh đạo cuộc biểu tình có các ông Nguyễn Quế, thường gọi là Tham trấn Hòa Đa, Lê Hanh, Huỳnh Tấn Phòng, Nguyễn Tấn Thảo, Nguyễn Chi, Nguyễn Quang, Huỳnh Ngạn, Trần Đôn, Nguyễn Đồng Khoa, Huỳnh Thượng Trung v.v... Lúc đầu đoàn biểu tình kéo đến phủ đường Tuy Hòa; bọn quan lại bỏ trốn hết. Đoàn biểu tình kéo thẳng ra tỉnh lỵ Sông Cầu (1). Nhưng khi ra đến trạm Gành thì bị quân lính thực dân từ Sông Cầu vào xả súng bắn, nhiều người chết và bị thương. Khi quân lính rút về Sông Cầu rồi, đoàn biểu tình được các người lãnh đạo, nhất là ông Lê Hanh, cổ vũ tinh thần, tập hợp hàng ngũ, tiếp tục kéo ra Sông Cầu. Nhưng khi đến cầu Tam Giang, cách tỉnh đường một cây số, lại bị quân lính của Pháp xả súng liên thanh ngăn cản không cho qua cầu. Đoàn biểu tình bị đàn áp, các người lãnh đạo đều bị bắt và bị tù đầy, có kẻ đã chết trong ngục thất.

Năm Ất Dậu (1945), sau cuộc đảo chính Nhật, tỉnh Phú Yên lại bị đặt dưới ách thống trị của phát xít Nhật. Đến tháng 8 năm ấy, sau cuộc tổng khởi nghĩa thành công, tỉnh Phú Yên lại đặt dưới chế độ Ủy Ban Hành Chánh của chính quyền Việt

(1) Khi Pháp đặt xong nền đô hộ thì dời tỉnh lỵ ra Sông Cầu.

Minh, các phủ bị bỏ gọi chung là huyện, nhiều thôn làng hợp lại thành đại xã, và sau cuộc kháng chiến bùng nổ, tỉnh Phú Yên được cùng ba tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam hợp lại gọi là liên khu 5.

Đến năm 1954, sau hiệp định Genève, chính quyền quốc gia tiếp thu tỉnh Phú Yên, bỏ chế độ Ủy Ban, thay thế bằng bộ máy hành chính quốc gia, đứng đầu có vị Tỉnh trưởng, đổi các huyện thành quận, tách bốn liên xã (1) của quận Đồng Xuân lập thành nha Đại diện hành chính Sông Cầu, và năm 1957, sát nhập thêm xã Xuân Thọ, đổi thành quận Sông Cầu. Tháng 3 năm 1959, do sắc lệnh của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, một phần đất phía Đông Nam quận Cheo Reo thuộc tỉnh Pleiku, một phần đất tổng Dleiya (quận Buôn Hồ), hai tổng Ea Bar, Krong Pa (quận M'Drack) thuộc tỉnh Darlac được sát nhập vào tỉnh Phú Yên, hợp với xã Sơn Thành và một phần xã Sơn Bình thuộc quận Sơn Hòa, thành lập quận mới là quận Phú Đức, quận lỵ đóng tại Phú Bản. Đến tháng 5 năm ấy, một phần đất của tổng Ia Piao thuộc quận Cheo Reo được sát nhập vào quận Đồng Xuân, 9 xã thuộc quận ấy được sát nhập vào quận Sơn Hòa (2). Lại do nghị định số 723 NV ngày 12-7-1962 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, 7 xã phía Tây quận Tuy Hòa (3) được tách ra để thành lập một quận mới gọi là Hiếu Xương, quận lỵ dự định đóng tại Mỹ Thạnh thuộc xã Hòa Phong.

Đến tháng 9 năm 1962, do sắc lệnh số 186 NV của Tổng

(1) Bốn xã ấy là Xuân Lộc, Xuân Cảnh, Xuân Thịnh, Xuân Phương.

(2) Chín xã ấy là Bon Ngol, Bon Mahiu, Bon Ma Nhe (thuộc tổng sông Cà Lúi), Bon Ma Nhiu (thuộc tổng Bon Marok), Phú Cần, Quang Hiến.

(3) Bảy xã là Đức Thành, Hòa Đồng, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Hòa Phong, Hòa Tân, Hòa Bình.

Thống Việt Nam Cộng Hòa, tỉnh Phú Bổn, một tỉnh mới ở vùng cao nguyên được thành lập, bao gồm một phần đất của các tỉnh lân cận hợp lại, trong đó tỉnh Phú Yên bị cắt bớt 1947,85 cây số vuông thuộc phần đất ba quận Phú Đức (795,70 csv), quận Sơn Hòa (775,55 csv) và quận Đồng Xuân (376,60 csv).

Đến tháng 12 năm 1963, lại do nghị định số 304 TTP ĐUHC của Thủ Tướng chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, bốn xã của quận Tuy Hòa (1) được cắt và sát nhập vào quận Hiếu Xương. Như vậy các xã nằm về phía hữu ngạn sông Đà Rằng hoàn toàn thuộc về quận Hiếu Xương, quận lỵ (2) đặt tại thôn Phú Lâm, nơi lỵ sở cũ của quận Tuy Hòa. Cũng do nghị định trên, hai xã An Thọ và An Chấn nguyên của quận Tuy An được sát nhập vào quận Tuy Hòa. Quận lỵ quận Tuy Hòa đặt tại thôn Phước Hậu, xã Hòa Kiến, gần chân núi Chóp Chài. (3)

Trải qua bao cuộc đổi thay, thay đổi, tỉnh Phú Yên từ ngày gia nhập vào lãnh thổ Việt Nam, đã trở thành một tỉnh trù phú và nhất nhì ở Trung phần. Địa giới ngày một nơi rộng, dân cư ngày một thêm đông (4), tỉnh Phú Yên hôm nay gồm có bảy quận là Sông Cầu, Đồng Xuân, Tuy An, Tuy Hòa, Hiếu Xương, Phú Đức và Sơn Hòa, diện tích là 5233 cây số vuông,

(1) Bốn xã ấy là Hòa Thành, Hòa Hiệp, Hòa Vinh, Hòa Xuân.

(2) Theo nghị định số 723 NV ngày 12-7-1962 quận Hiếu Xương được thành lập, quận lỵ đóng ở thôn Mỹ Thạnh xã Hòa Phong. Nhưng trên thực tế, quận chưa chính thức hoạt động và quận lỵ cũng chưa cố.

(3) Hiện thời quận Tuy Hòa tạm đặt tại thị trấn Tuy Hòa, vì quận lỵ ở Phước Hậu chưa xây cất. (Xem tiếp phần diễn cách tỉnh Phú Yên từ 1964 đến lần tái bản này ở phần phụ lục).

(4) Theo thống kê năm 1935, tỉnh Phú Yên có 301477 người dân, trong đó có 1862 người Thượng.

với một dân số là 332401 người (5) trong đó có 11058 người Thượng và 1288 người gốc Hoa Kiều (6).



Đền thờ Lương Văn Chánh

(5) Theo thống kê của Tòa Hành Chánh tỉnh Phú Yên năm 1964.

(6) Ở Phú Yên không có người Chăm. Hiện nay có một số người mang họ Chăm là Ung, Ma, Trà, Chế, nhưng đã hoàn toàn Việt hóa về mọi phương diện, ở chung lộn với người Việt, không còn tính chất gì là

Chương II

Phong tục, tập quán

Như trong phần lịch sử đã nói, Phú Yên là một tỉnh gia nhập lãnh thổ Việt Nam mới non 400 năm nay. Dân chúng hầu hết ở các miền ngoài di cư vào lập nghiệp, sau khi chúa Nguyễn Hoàng mở rộng bờ cõi đến đây. Do đó phong tục tập quán của đồng bào Phú Yên nói chung, cũng giống với các tỉnh khác trong toàn quốc.

Tuy nhiên, sơn thủy nơi nào cũng có những điểm đặc biệt của nơi ấy. Tính chất đặc biệt đã ảnh hưởng tới phong tục tập quán của dân chúng, để tạo nên những nét độc đáo. Sau đây chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những nét đặc biệt ấy để du khách dễ tìm hiểu người dân Phú Yên.

Trước hết là giọng nói của đồng bào Phú Yên so với các tỉnh miền Nam Trung phần, có phần nặng, cứng và hơi kéo dài. Có những vần phát âm không đúng như vần “oan” phát âm thành “ang”, do đó đầm Ô Loan được đọc thành Ô Lang, khiến nhà làm bản đồ cũng phải ghi lầm như thế, “an toàn” phát âm thành “ang tàng”. Vần “im” lại phát âm thành “iêm”. Ví dụ như “đi tìm” thì người Phú Yên nói “đi tiêm”. Vần “ơ” phát âm thành “ươ”. Ví dụ “ăn cơm” thì nói là “ăng cươ”. Vần “ôi” phát âm thành “âu”. Ví dụ như “bình vôi” thì nói là “bình vâu”.

Non nước Phú Yên

Trong những câu ca dao hay vè, người ta đã căn cứ vào sự phát âm sai đó mà gieo vần cũng sai luôn. Ví dụ như trong bài vè “Lụt năm Tý” có câu ;

Vực Cùng, đồng Cọ đồng Lầu,

Hòn Ông, núi Lá cát bồi ruộng dâu.

Hoặc như trong câu ca dao sau đây :

Con ơi con ngủ cho lâu,

Để mẹ đi chợ mua vôi tằm trâu.

Ăn trâu thì mở trâu ra,

Một là bùa ngãi hai là mận vôi.

Vần “uân” được phát âm thành “ưng”. Ví dụ như quận Đồng Xuân thì người dân Phú Yên nói là quận Đồng Xưng, và như trong câu ca dao sau đây, cũng vì phát âm sai mà gieo vần sai luôn :

Cọp rồng nằm núi chúa.

Con hạc múa xa chùng,

*Tối trời quân tử dùng **chùng**,*

*Khuyên em ở lại giữ **xuân** má đào.*

Vần “uy” lại phát âm thành “y”. Ví dụ như Tuy Hòa thì nói là Ty Hòa. Chữ “a” phát âm thành chữ “e”. Ví dụ như ba được phát âm thành be, bà phát âm thành bè. Ngoài ra, đồng bào ở đây còn có một thứ tiếng tán thán tự : “chu che” để bộc lộ sự ngạc nhiên, sự bức bối. Ví dụ : Chu che ! sao mày chơi dơ thế ?

Bây giờ chúng ta hãy xét đến tục lệ. Nhìn chung, các tục lệ ấy cũng giống như các tỉnh khác. Nhưng đi sâu vào chi

tiết, chúng ta cũng thấy có đôi điểm khác đặc biệt. Sau đây chúng tôi xin trình bày cùng du khách những nét đặc biệt ấy.

Trong việc cưới hỏi, khi kén chọn nàng dâu chú rể, đồng bào Phú Yên không chú trọng mấy đến cái bút cái nghiên anh đồ, có lẽ vì :

Gái khôn chớ lấy học trò,

Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

Đồng bào Phú Yên lại chú trọng vào ruộng vườn là chính. Đó cũng là một đặc điểm do ảnh hưởng của hoàn cảnh thiên nhiên, quanh năm người dân chỉ lo đám ruộng thửa vườn, cốt sao cho đủ ăn đủ mặc, yên cư lạc nghiệp, mà chẳng muốn tranh đua bay nhảy. Vì vậy tục ngữ có câu :

Bình Định tốt nhà

Phú Yên tốt ruộng,

Khánh Hòa tốt trâu.

Sở dĩ người ta phải nhìn vào ruộng vườn, vì trong một nước nông nghiệp như nước ta, chỉ có ruộng vườn mới bảo đảm đời sống cho gia đình, chịu khó chân lấm tay bùn, thì không bao giờ chết đói. Cho nên, dù muốn lấy chồng nơi khác để thay đổi không khí, song cuối cùng suy đi tính lại cũng vẫn thấy không đâu bằng nơi quê nhà. Vì thế mà :

Muốn về đất biển ăn cua,

Sơ đi tính lại cũng thua Nam Bình (1).

Nam Bình nhiều mía nhiều dăng,

Nhiều khoai môn ấp dầy sàng dẽ bưng.

(1) Tên thôn thuộc xã Hòa Xuân, quận Hiếu Xương.

Lại thêm ba bó rau dưng,

Có nhiều bông súng anh đừng bỏ em.

Sẵn có định kiến như vậy, nên luôn luôn người ta phải dẫn nhau phải xem xét cho kỹ, trước khi nhận lời ông mai, kéo rồi bị mắc lằm thì đừng trách ai :

Sơn triều (1) nhiều ruộng nhiều cau,

Để cho chị Bốn làm dâu Sơn triều.

Làm dâu coi trước coi sau,

Coi nhà mấy cột, coi cau mấy hàng.

Và cũng vì lấy nông làm chính, người dân ở đây đã có những cuộc rước dâu lạ hơn các nơi khác. Thông thường khi rước dâu, nhà trai khiêng đến nhà gái một con heo sống nhốt trong cũi. Nhưng ở đây nhà giàu rước dâu không khiêng heo mà lại cho dắt tới một con bò giá trị gấp bốn con heo. Đây, du khách hãy nghe :

Tiếng đồn Hộ Tịnh giàu lâu, (2)

Gả con Thông Lý đưa dâu bằng bò.

Trong việc giao tiếp hằng ngày, khi bạn thân đến nhà, đồng bào Phú Yên không thực hiện câu “Bạn đến nhà không gà thì vịt”, vì họ thường truyền tụng câu tục ngữ “làm gà xa bạn”, mặc dầu trong chuồng có sẵn một đàn gà mái tơ, và cũng không phải như ông Nguyễn Khuyến ở vào cảnh “vườn rộng rào thưa khó đuổi gà”. Sở dĩ có thành kiến như trên, vì người ta kể lại rằng ;

Ngày xưa có một đôi bạn Giáp và Ất chơi với nhau rất

(1) Tên thôn thuộc xã Hòa Kiến, quận Tuy Hòa.

thân. Một hôm, Giáp đến chơi nhà Ất. Anh này có một đàn gà mái tơ bảy con. Anh ta muốn làm thịt gà đãi bạn, hiềm vì chị vợ quá keo cú. Anh phải năn nỉ mãi chị ta mới chịu để cho chồng bắt một con gà làm thịt nấu cháo đãi bạn.

Trong lúc Giáp nằm nghỉ nhà ngoài, Ất lúi húi làm gà, vợ Ất nằm vờng bế con. Khi cháo gà đã chín, Ất lấy dao định vớt gà ra chặt, thì sợ nhớ nhà mình không có lá chanh, vì ăn thịt gà mà không có lá chanh, thì sợ ngon lành đã giảm đi quá nửa, nên anh ta xách luôn con dao đi luôn qua nhà hàng xóm xin lá chanh.

Chị vợ thấy mùi cháo gà bốc lên mũi ngon lành, chịu không nổi, chạy xuống bếp xem. Chị thấy nồi cháo đang sôi, thỉnh thoảng con gà lại nhào lên, chị đếm được bảy lần, chị bưng bưng nổi giận nói một mình :

— Anh này quá tệ ! Người ta bằng lòng cho làm thịt một con, lại làm thịt luôn cả bảy con. Thôi mình lấy một con ăn cho bỏ công nuôi lâu này.

Thế là chị vớt con gà ra ngồi ăn một mình. Ăn hết chưa đã thèm, chị ta định vớt thêm một con nữa. Nhưng nào có thấy gì đâu. Bấy giờ chị ta mới biết là mình lầm. Rồi đây biết ăn nói làm sao với chồng cho qua được, chị bèn nghĩ ra cách giải nguy, mới ra nhà ngoài nói với anh bạn :

— Nhà tôi có tính hay ghen. Bây giờ anh ấy đi đâu rồi, nếu anh ở lại đây với tôi, sợ lúc anh ấy về nổi cơn ghen thì cả hai người có thể bị mất mạng, chi bằng anh đi nơi khác là hơn.

Vốn thật thà, Giáp tin là thật, vội xách nón ra về. Cũng vừa lúc ấy, Ất xin được lá chanh về, định vào vớt gà ra chặt

Non nước Phú Yên

nhậu với bạn, không ngờ con gà đã biến đâu mất. Hỏi vợ thì vợ trả lời :

— Từ nãy giờ ai biết gà vịt gì đâu. Muốn biết anh ra hỏi bạn anh.

Ất tưởng bạn đói bụng quá chờ không được, đã vớt gà ra ăn trước. Anh ta định rá chia với bạn một đùi, vì chính anh cũng thèm thịt gà lắm. Ra tới nhà ngoài thì vừa lúc Giáp đã tới ngõ. Ất vội gọi to :

- Này anh. Đi đâu đó.

Quay lại thấy Ất cầm con dao trong tay, Giáp lại tưởng lầm bạn vì ghen nên xách dao ra chém, hoảng hốt, vừa chạy vừa nói :

- Tôi về đây ! Tôi về đây !

Ất cũng chạy theo nói tiếp :

- Anh có về, thì cũng để lại cho tôi một đùi đã.

Giáp lại càng chạy hung, vì tưởng rằng bạn đòi chặt đùi của mình. Hai người đuổi nhau một quãng thì Giáp đã khuất sau lũy tre xanh. Từ đó Giáp không chơi với Ất nữa, vì sợ bạn chưa nguôi cơn giận, còn Ất cũng tuyệt giao với Giáp, vì giận bạn không chia cho mình một cái đùi gà. Thế là đôi bạn dứt tình với nhau cũng chỉ vì một con gà. Ngày nay người ta chỉ sợ cái cảnh ấy diễn lại, không dám làm gà đái bạn nữa. Tục đó đối với đồng bào ở thôn quê còn giữ đúng màu sắc của quê hương xứ sở chứ nơi thị thành hay những gia đình có pha đôi chút khí sắc Âu Mỹ, những sự kiêng kỵ ấy không còn nữa.

Về việc tế lễ và tín ngưỡng tôn giáo, đồng bào Phú Yên phần lớn theo Phật Giáo, một số Thiên Chúa Giáo, Cao

(1) Một hình thức Phật Giáo pha lẫn Lão Giáo.

Đài, Tin Lành. Số khác thờ cúng ông bà và một số ít theo đạo Vô Vi (1). Trừ những người theo đạo Thiên Chúa Giáo và Tin Lành, những người khác, ngoài tôn giáo riêng của mình, còn tham gia vào việc tế thần hoặc là vị Thành Hoàng của làng của xóm, hoặc các vị danh thần lương tướng có công với xứ sở.

Xét các lễ tôn giáo, ngoài những cuộc lễ tổ chức tại các giáo đường và xuân kỳ thu tế như ở tất cả mọi nơi, chúng ta thấy ở Phú Yên có tục lệ “Tá Thổ” hơi lạ. Theo các vị lão thành kể lại, thì ngày xưa, khi dân chúng được di cư tới lập nghiệp ở Phú Yên, thường bị ma quỷ quấy nhiễu, không làm ăn được. Người ta cầu các vị thần linh lên hỏi, mới biết là phần đất này không phải của người Việt, mà thuộc về các vị thần linh của Chiêm Thành. Người Việt đến đây lập nghiệp chẳng qua chỉ là mượn đất mà ở. Vậy muốn được yên ổn làm ăn thì phải làm giấy thuê đất và nạp lễ vật cũng như ngày nay tá điền phải ký những khế ước thuê mượn đất của địa chủ và nạp tô.

Thời gian phát canh do các vị thần chủ đất định. Mỗi làng hoặc mỗi xóm có khi mỗi thửa đất có một vị thần cai quản. Cứ đến mãn hạn, dân chúng trong làng hoặc trong xóm tùy sự liên cư liên địa, có khi từng gia chủ sửa soạn lễ vật, thiết lập đàn tràng, tổ chức việc cúng lễ. Trong mỗi cuộc lễ như thế, lễ vật bắt buộc phải có là một con heo, và hình năm ông tướng trên năm hòn đá quét vôi trắng làm năm vị trấn giữ năm phương của khoảnh đất gia chủ thuê mượn. Các thầy phù thủy được dân chúng mời tới phụ trách cuộc lễ.

Ngoài những nghi thức tế lễ thông thường, thầy phù thủy khát âm dương để biết vị thần bằng lòng cho dân thuê trong một thời gian mấy năm, có nơi lâu đến 20 năm. Sau khi biết rõ thời gian rồi, người ta làm một tờ sớ, tức là hình thức một tờ khế

ước, đọc to lên rồi hỏa thiêu để gửi về bên kia thế giới cho chủ đất giữ.

Xong việc tế lễ, năm vị tướng tá được đem trấn tại bốn góc vườn và một vị ở giữa, tức là Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung Ương, nếu tá chủ là một cá nhân, hoặc xung quanh xóm nếu tá chủ là dân cả xóm, hoặc xung quanh làng nếu tá chủ là cả một làng. Cũng có nơi, người ta không đưa đi trấn các phương như vậy, mà lại để thờ tại thủ kỳ, tức là một cái nhà thờ thổ thần.

Từ ngày Việt Minh cướp chính quyền đến nay, tục lệ này đã bỏ gần hết. Nay chỉ còn lễ tế một đôi gia đình hay thôn xóm cúng lễ nữa mà thôi. Chúng tôi xin lục ghi vào đây một tờ sớ tại một làng thuộc quận Tuy Hòa để du khách thưởng lãm. Tùy theo sự vẽ vời của thầy phù thủy, hình thức tờ sớ có thể thay từng nơi, nhưng nội dung vẫn chung một ý nghĩa :

“Văn khế phó trách chủ.

Nam Việt Ô Châu, Di Hà phủ, Đà La huyện, Bô Châu quốc, chủ lão thổ phủ long thần, Đào Lương Bang phụ nhân, danh Mang Nương, tức Nguyễn Thị Thúc, cập phu hoang quý chủ ngưng đại thần, ngũ phương thổ công, thổ chủ, tả hữu long thần, thổ địa liệt vị đẳng.

Vì hữu thổ viên nhất khoảnh (hoặc nhất sớ) tọa lạc... xứ, Đông cận Thanh Long, Tây cận Bạch Hổ, Nam cận Châu Tước, Bắc cận Huyền Vũ, Đông Tây tứ cận y như sơn kỳ thủy tú, dĩ thành phước địa, tứ thú bốn viên, kim hứa trách chủ (mộ)... khát tá... niên, giá kim ngân tiền tài chơn y đẳng vật. Tùy lập khế nhật giao lãnh tức ngật, sở tá chi thổ, cấu lập gia cư, tại ư thủ xứ, các bảo bình an, gia trung khương thái, vạn đại hưng long. Tự thử vị lai, bất đắc nhiều hại, di hữu đoan ngôn, nhược lai xâm phạm, tội hãm.

Phong đô cứ luật trị tội, y như thử khế nội. Tư đoan.

Ngọc hoàng kiểm soát

Thái Thượng kiểm soát

Hành Khiển kiểm soát

Chứng kiến nhị viên

Tả kim niên hành khiển

Hữu thổ địa chính thần

Đồng vị chứng

Tuế thử... niên... ngoạt... nhật."

Tạm dịch như sau :

Văn khế giao chủ đất vườn.

Châu Ô ở Nam Việt, phủ Di Hà, huyện Đà La, nước Bô Châu, chủ đất là Thổ phủ long thần, vợ của Đào Lương Bang, tên Mang Nương, tức Nguyễn Thị Thúc, và các chàng hoang quỹ ở các góc xưng đại thần, thổ công ở ngũ phương chủ đất, tả hữu long thần cùng các vị thổ địa.

Nay có đất vườn một khoảnh (hoặc một sớ) tọa lạc xứ... Đông giáp Thanh Long, Tây giáp Bạch Hổ, Nam giáp Châu Tước, Bắc giáp Huyền Vũ (1) y như núi cao, nước rộng, đã thành đất tốt, vườn này chính thức là của ta. Nay ưng cho chủ vườn là (mộ) ... xin vườn ... năm, giá vàng cùng phẩm vật rõ ràng.

Từ ngày lập khế, giao lãnh đủ số, khoảnh đất cho vườn dùng để cất nhà ở. Tại nơi đây, thần đất phải giữ cho được bình an, trong gia đình được mạnh khỏe và làm ăn thịnh vượng,

(1) Thanh Long tức là nước, Bạch Hổ là núi, Châu Tước là bụi bờ trước mặt, Huyền Vũ là gò đống, có ý nói về địa lý thiên nhiên (chủ thích của ông Đào Tấn Đạt).

muôn đời hưng thịnh. Từ nay về sau không được nhiều hại, có tở cam đoan này, nếu mà còn đến xâm phạm phá phách, thì chịu tội nặng.

Quan Phong đồ cứ luật trị tội, y như khế này. Nay cam đoan.

Người kiểm soát : Ngọc Hoàng, Thái Thượng, Hành Khiển.

Hai người chứng

Đồng làm chứng có : Tả kim niên, hành khiển và Hữu thổ địa chính thần.

Ngày... tháng... năm... (1)

Tại những làng xóm ven bờ biển, dân chúng lại có tục thờ cá Ông Voi. Thịnh thoảng cứ vào mùa gió bắc, một con cá Ông Voi chết từ ngoài khơi trôi giạt vào bờ. Dân chài lưới trông thấy, liền hợp lực với nhau tổ chức đám tang.

Do tục lệ của địa phương, người ta qui định rằng : hễ ai trông thấy con cá trước thì người ấy được làm chủ tang, đứng ra kêu gọi phường bạn đóng góp tài lực để chôn cất cá. Người tang chủ phải chít khăn tang, mặc áo xô trắng như để tang cha mẹ, chăm sóc phần mộ, hàng ngày lo đèn nhang thờ phụng cho đủ ba tháng mới đoạn tang.

Nhờ sự đóng góp của phường bạn và tang chủ tự xuất khá nhiều, chẳng những số tiền thu được đủ chi phí cho đám tang, mà còn dư để xây mả cá Voi bằng vôi rất nguy nga. Hiện nay, rải rác các làng, người ta còn thấy những ngôi mộ ấy.

(1) Bản dịch của ông Đào Tất Đạt.

(2) Trùm lạch do dân bầu lên, cũng ví như vị tiên chỉ ở các làng miền trên.

Hàng năm cứ đến ngày giỗ cá Voi, người trùm lạch (2) đứng ra kêu gọi dân chúng đóng góp để tổ chức việc tế lễ. Nhân dịp này, người ta còn tổ chức hát bội, mời những phường hát danh tiếng từ ngoài Bình Định vào hát. Đây cũng là dịp để dân chúng mở hội, vui chơi. Tất cả các công việc ngoài biển đều tạm đình, già trẻ trai gái tập trung vào việc tế lễ cá Voi. Ngoài trò hát bội, người ta còn tổ chức đua ghe, đua thúng trên mặt nước. Các nhà giàu có, các vị chức sắc trong làng đặt các giải thưởng để trai tráng đua tài với nhau. Những cuộc đua ghe rất hào hứng, trên bờ trống giục, dưới nước những tay chèo chém mạnh xuống nước, tiếng reo hò cổ vũ của dân chúng vang động một góc trời.

Sự đóng góp của dân chúng trong những cuộc tế lễ này không có giới hạn, tùy khả năng của mỗi gia đình mà tự nguyện, không hề có sự suy bì nhiều ít, vì người ta tin rằng mình thành tâm đóng góp nhiều chừng nào thì phúc đức lợi lạc do thần cá ban cho nhiều chừng ấy.

Sở dĩ người ta thờ kính con cá Voi đến mức thần thánh hóa như thế (1) là vì trong những lúc ra khơi gặp gió bão bị chìm ghe, dân chài thường được cá Voi nổi lên dìu ghe cứu người đưa vào tận bờ. Khi người đã thoát nạn, cá voi phun lên trời một vòi nước cao quá nóc nhà, rồi từ từ ra khơi, trước sự thành kính biết ơn của những kẻ vừa thoát nạn. Cá Voi chỉ có cứu người chứ không làm hại người, nên họ cho là một vị thần linh cứu độ chúng sinh, đáng thờ phụng để cầu sự giúp đỡ.

Vả lại họ còn tin rằng ai được làm tang chủ trong một đám chôn cá Voi sẽ gặp nhiều may mắn, làm ăn thịnh vượng,

(1) Theo ông Thái Văn Kiểm, tục thờ cá Ông Voi là do phong tục người Chăm truyền lại, người Việt bắt chước tin theo.

phát đạt vô cùng. Vì thế mà đôi trường hợp đã xảy ra vụ tranh tụng đến cửa quan về việc giành nhau chức chủ tang. Người nào cũng bảo là mình trông thấy cá trước và đòi cho được cái quyền thiêng liêng ấy. Thật là nan giải, quan không biết bằng vào đâu mà xử. Trong những trường hợp như thế, thần cá phải ứng vào đồng cốt tuyên bố cho ai thì người ấy được, và lúc đó mọi người mới chịu thua.

Ngoài những tục lệ nói trên, hàng năm người dân Phú Yên không có những hội hè linh đình như các tỉnh ở ngoài Bắc, nhưng cũng có những thú chơi riêng biệt. Vào mùa xuân, sau tết Nguyên Đán, người ta thường tổ chức những đêm hát bội trong các xóm làng để mua vui. Lại có thú chơi bài chòi, tuy là một lối cờ bạc, nhưng có tính cách vui tập thể, vì người ta tập trung lại rất đông để thưởng thức giọng hò của mấy người chuyên về nghề này.

Nhưng thú vui mà mọi người ham thích hơn cả là lối hò khoan trong các làng xóm về ban đêm.

Cũng như lối hát quan họ ở Bắc Ninh, lối hát ví ở Nghệ An Hà Tĩnh, hò khoan là một lối hát bình dân ở thôn quê Phú Yên, phổ biến nhất là ở quận Tuy Hòa và quận Tuy An.

Hàng năm, cứ đến mùa nắng ráo, công việc gặt hái đã xong, đêm đêm các cô thanh nữ và các bà đem xa ra kéo sợi, hoặc mài bột sắn bột mì. Để làm việc cho vui và khỏi buồn ngủ, họ thường tập trung tại sân một nhà giàu (nhà giàu mới có sân rộng), sân đình hay bãi cỏ, vừa làm việc vừa chuyện trò. Thói thường nơi nào tập trung nhiều phụ nữ, tất nhiên các cậu con trai cũng lân la đến nói chuyện. Do đó, đôi bên đã dùng điệu hò khoan để trao đổi tâm tình và hẹn ước, và khi đã say

mê giọng hò rồi, thì băng rừng vượt suối, trèo đèo qua sông cũng không ngại nữa.

Lúc sơ khai, người ta chỉ dùng những câu hò ngắn, theo điệu thượng lục hạ bát, ví dụ như :

Trung Trinh, Đá Tượng, Bãi Đồng,

Cô ưng Đá Tượng mất lòng Trung Trinh.

Hoặc là :

Bao giờ cho đến tháng hai,

Cho gái làm cở cho trai be bờ (1).

Về sau, người ta thấy hai câu lục bát không đủ để diễn tả hết nỗi lòng của mình, mới biến chế đi, đặt thành những bài dài từ bốn câu trở lên. Có nhiều bài phải hò hằng nửa giờ, mười lăm phút mới xong. Ví dụ :

Để anh về Thọ Vực,

Anh bắt củ roi mây.

Lúa trâu xuống ruộng em cày,

Đôi ta cày cấy đợi ngày lên hoa.

Hoặc dài hơn như câu :

Quốc Gia hữu sự,

Vạn bá quyền danh.

Anh ham vui đến chốn cầu Thành (2),

Em giàu mấy vạn gập anh cũng phải chào.

(1) Be bờ là vun đất đắp bờ cho nước khỏi chảy qua ruộng bên cạnh.

(2) Cầu Thành là tên cái cầu mà đồng thời cũng là tên một cái xóm thuộc xã Xuân Phương quận Sông Cầu. Trước kia, muốn đi từ tòa Sứ Sông Cầu lên dinh Tuần Vũ phải đi qua một cái cầu gọi là cầu Thành.

Ví dù em có nơi nào,

Gặp anh cũng hỏi cũng chào mới khôn.

Ba năm cá vượt vũ môn,

*Tào khang chi thủy em có nôn gì cũng phải nghĩ
phần qua.*

Một ngày cũng nghĩa bướm hoa,

Dầu tình dầu nghĩa, dầu xa cũng tình.

Bể bông mà cấm độc bình,

Nậu (1) xa mặc nậu, đôi đứa mình đừng xa.

Lời hò trên đây là của chàng trai, trách móc người bạn gái không thủy chung với mình. Bị ngờ oan cô gái đáp lại rằng:

Hồi xa, cách vách cũng xa,

Hồi gần Gò Duối, Hòa Đa cũng gần (2).

Bể bông mà cúng miếu thần.

Anh đừng nghi kỵ tội phần cho em.

Ví dù rượu chẳng lộn hèm,

Trời kia sập xuống, anh với em mới rời.

Thường thường, nếu như hai bên trai gái đã quen nhau rồi thì cứ việc hò trao tình ngay. Trái lại, nếu lần đầu gặp nhau, nhất là những chàng trai mới lạ tới hò tại một địa phương khác, theo thông lệ, trước hết chàng trai phải hò để chào hỏi mọi

(1) Nậu là họ, chúng nó, người ta.

(2) Gò Duối ở xã Xuân Lộc quận Sông Cầu, Hòa Đa ở xã An Mỹ quận Tuy An, cách nhau hàng bốn năm chục cây số. Nếu đi bộ như ngày xưa thì đã quá xa.

người như là làm lễ ra mắt. Câu hò chào hỏi có vô số, tùy người tùy cảnh mà ứng khẩu :

Kẻ huyện trên Nhân Lạc,

Người ở hạt Tuy Hòa.

Mở lời chào nam nữ gần xa,

Tôi chào thêm tiếng nữa trong nhà lạ quen.

Không mấy khi nam nữ tập đèn,

Nay đà hội ngộ một phen đua nghề.

Có thương thì gá nghĩa phu thê.

Để chi ong bướm nhún trê cho lâu.

Cầm đèn gầy trước hồng lâu,

Họa may phú nữ thương ôi (1) lẽ nào.

Khi bên trai đã ngỏ lời chào rồi, lại còn tỏ tình ong bướm, lẽ cố nhiên bên gái chưa thể đáp lại ngay được, vì chưa rõ lý lịch của chàng ra sao. Cho nên bên gái phải vấn danh :

Khoan khoan gá nghĩa,

Thủng thỉnh giao hòa,

Để cho em hỏi cửa nhà ra sao ?

Anh em thúc bá lẽ nào ?

Nói ra em biết hâm hao em tường.

Hà niên hà thị hà hương

Hà quê hà quán em chưa tường đục trong ?

Và đây lời hỏi sau cùng,

(1) Ôi đọc là âu theo âm Phú Yên.

Nói ra cho em biết đã tang bồng dâu chưa ?

Bên trai hò đáp lại :

Xa xôi chi đó,

Kẻ đơn người tống,

Lạ lòng gì em phải hỏi han,

Ở đây vốn thật quê chàng,

Lánh nơi thành phố lạc làng núi non.

Xuân thu hai tám tuổi tròn,

Hoa còn ẩn nhị chờ bình đơm bông.

Như vậy là đôi bên đã tạm hiểu biết nhau rồi, họ bước sang hò giao duyên, đưa tình, rồi thử tài, gắn bó. Đêm càng khuya, lời hò càng tình tứ, giọng hò càng quyến luyến, cho mãi tới khi gà đã cất tiếng gáy, phương Đông rực ánh đỏ hồng, người ta mới tạm chia tay nhau, ước hẹn đêm sau sẽ gặp lại.

Đêm này qua đêm khác, những người say mê giọng hò điệu hát, thức trắng năm canh. Ấy thế mà sáng hôm sau, họ vẫn khỏe khoắn, giắt trâu vác cày ra đồng làm việc như thường, không thấy mệt mỏi gì cả. Trái lại, đêm nào không đi được, người trở nên bần thần, uể oải như nhớ nhung, như tương tư, chẳng muốn làm việc. Người ta kể lại rằng, có những người say mê hò đến nỗi trời mưa giông, phải cởi hết quần áo bỏ vào trong một chiếc vò gánh nước, đội úp lên đầu, băng qua đồng ruộng, tìm đến nơi có đám hò, dừng lại ngoài cổng, lấy quần áo ra bận, dấu vò vào một nơi kín đáo, rồi vào nhập bọn. Cũng có người đêm khuya, khi đám hò đã mãn ra về, nhưng chưa thỏa dạ, bèn trèo lên ngọn cây cổ thụ bên đường, lắng tai nghe

xem còn nơi nào đang hò nữa không. Nếu có thì đi tìm hò mãi cho đến sáng.

Tục hò khoan đã đóng một vai trò quan trọng trong việc dựng vợ gã chồng. Nhờ say mê nhau vì giọng hò điệu hát mà biết bao đôi trai gái đã thành bạn trăm năm. Đặc biệt nhiều cô không có nhan sắc để cho chim sa cá lặn, song nhờ có giọng hò hay, nhờ óc thông minh bắt bẻ nhiều câu hò tình tứ, mặn mà, mà gặp được người chồng xứng đáng. Đó là khía cạnh tốt đẹp của nó. Tuy nhiên tục hò khoan cũng mang lại những hậu quả tai hại. Vì hò khoan mà nhiều cặp vợ chồng bỏ nhau để tái lập tổ uyên ương, và cũng bởi hò khoan mà một số cô gái trở nên hư hỏng.

Hò khoan cũng là một điệu dân ca, thuần túy bình dân, không có những người thuộc giới thượng lưu tham gia như hát quan họ hay hát ví Nghệ Tĩnh, cho nên lời văn rất mộc mạc, chất phác, điển tích có khi dùng sai lạc, vần điệu gieo sai cả niêm luật.

Trên đây là những điểm đặc biệt trong phong tục tập quán của đồng bào Kinh. Bây giờ mời du khách rời khỏi đồng bằng đi lên miền Thượng Du thăm viếng đồng bào Thượng và tìm hiểu phong tục tập quán của họ để thắt chặt thêm tình đoàn kết Kinh Thượng đang xây dựng non sông gấm vóc càng thêm tươi đẹp.

Hiện nay tại Phú Yên, ba quận có đồng bào Thượng là Đồng Xuân, Sơn Hòa và Phú Đức. Do địa thế giáp với các tỉnh miền cao nguyên, nên sắc dân mỗi nơi một khác. Tại Đồng Xuân, đồng bào Thượng ở đây cùng một nòi giống với đồng bào Thượng ở tỉnh Pleiku và Phú Bổn, nghĩa là thuộc giống DJARAI, còn ở Sơn Hòa, Phú Đức thì lại thuộc giống RHADÉ

như ở Darlac và Khánh Hòa. Tuy thuộc về hai giống người khác nhau như vậy, song vì thường ngày giao thiệp gần gũi nhau, nên phong tục tập quán của họ nói chung có những điểm tương đồng giữa các buôn, mà sau đây là những nét điển hình?

Hầu hết đồng bào Thượng ở nhà sàn, phía trên người ở, phía dưới nuôi heo. Đàn ông đóng khố, ở trần hoặc bận áo chẻn, đàn bà bận cái “yêng” không quá đầu gối, con gái thì để hở vú, người đã có chồng rồi thì mặc yếm. Ngày thường họ ăn bận màu đen, trong những ngày lễ thì y phục có màu sắc sỡ. Bất câu mưa nắng, không bao giờ họ đội nón, có lẽ là để dễ chui rúc trong rừng rậm chẳng.

Đồng bào Thượng ở đây chuyên sinh sống bằng nghề làm rẫy, trồng bắp. Núi đồi trùng trùng điệp điệp là điều kiện thuận tiện cho việc phát rẫy. Mặc dầu gia súc có thừa như trâu bò, ngựa, đồng bào Thượng vẫn không dùng chúng vào việc canh tác, mà chỉ chuyên dùng một cái dao bẫy, một thứ dao cán dài có lưỡi như lưỡi rìu, chặt cây phơi khô, đốt cho cháy rụi, rồi dùng cái văng, một thứ cuốc nhỏ, cuốc đất lên, gieo hạt bắp xuống. Thế là xong, phó mặc thiên nhiên, họ chờ ngày thu hoạch.

Mặc dù sự canh tác đơn sơ như vậy, cây bắp vẫn tốt, nhiều nơi cao đến bốn thước tây, mỗi cây có đến bốn năm trái, trái nào cũng to mập, nhiều hạt. Sở dĩ được như vậy là nhờ đất ở đây rất nhiều màu. Hàng bao nhiêu triệu năm nay, lá cây rơi rụng xuống, tiêu dần trộn lẫn với đất, làm cho đất ngày thêm màu mỡ.

Nếu lên thăm miền Thượng đúng vào mùa bẻ bắp, du khách sẽ thấy nhiều tục lệ rất lạ. Đến mùa bắp, người ta phải tổ chức cúng lễ “Thần bắp” rồi mới được bẻ. Ai không hiểu

mà tự ý bẻ trộm một vài trái bắp, kẻ ấy phạm một trọng tội không thể tha thứ được, vì đã phạm tới “Nhâm” tức vị thần cai quản rẫy bắp. Nếu họ bắt gặp, nhất định kẻ ấy sẽ bị phạt vạ một bò hay hai heo để làm lễ tạ thần.

Khi bắp đã vàng mao, nghĩa là đã già, họ định ngày làm lễ bẻ. Ba hồi trống nổi lên, tiếp theo là một hồi tù và thổi dài, vang động một góc trời báo hiệu cho dân chúng biết cuộc lễ sắp cử hành, rủ nhau đến dự. Họ khiêng một ché rượu ủ, còn nguyên vẹn, ta thường gọi là rượu cần, và mang theo một con gà còn sống đến tận nơi rẫy bắp. Nơi đây có sẵn cái chòi canh gác thú rừng, một đồng củi khô. Họ đặt ché rượu bên cột chòi, mức nước suối đổ đầy, rồi cắm cần vào. Đoạn tên phù thủy cầm con gà giơ cao lên vẩy cổ cho máu gà chảy xuống đồng củi khi đó đã được châm lửa cháy. Khi con gà đã chết rồi họ bỏ vào đồng củi hỏa thiêu cho thành than. Trong lúc ngọn lửa cháy rừng rực, họ đánh trống cùng thổi tù và inh ỏi. Đoạn tên phù thủy bắt đầu khấn vái và đọc những câu thần chú, tạm dịch ý như sau :

*Hồi thần linh ở núi, ở rẫy, ở rừng,
Nơi trên trời dưới đất, hoặc ở lưng chừng,
Có công ngày đêm cùng nắng mưa với bắp,
Nghe hồi trống lệnh, hãy dời chươn đến gặp,
Tiếp theo chuỗi tù và, về nhậu rượu nồng,
Xin dự hưởng để rồi còn xơi đám khác... (1)*

Lửa tàn, thế là xong cuộc lễ. Họ sẽ giữ du khách lại cùng uống rượu cần với họ cho đến khi say mèm, vì họ tin rằng có khách dự như thế sang năm sẽ được mùa. Dù bạn không hay uống rượu, bạn cũng đừng từ chối, vì đối với đồng bào Thượng,

(1) *Lời dịch của bạn Thạch Linh.*

sự từ chối có nghĩa là một sự nhục mạ họ, họ sẽ không bằng lòng, mọi cảm tình của họ đối với bạn sẽ do sự từ chối đó mà tiêu tan hết, có khi bạn sẽ bị hại đến thân là đằng khác. Tiếp chủ này đến chủ khác, các cuộc lễ tổ chức liên miên cho khắp hết các rẫy, và kéo dài hàng tháng, như một mùa hội lớn.

Khi mùa bắp đã thu hoạch xong, đồng bào Thượng nghỉ ngơi để rồi mở đầu cho mùa săn bắn thú rừng. Đây có thể nói là mùa ăn chơi, tiêu khiển của dân cư miền sơn cước, mặc dầu trong những cuộc săn này, con người đã tận dụng sức lực đến mức tối đa, trong lúc đuổi theo con thú hết cánh rừng này qua cánh rừng khác, băng hết đèo này qua suối nọ, vô cùng vất vả.

Nhưng có gì thú bằng một con thịt rừng đã bị ngã. Tiếng reo cười hòa lẫn tiếng tù và đầy man rợ vang dậy trên đường về. Nghe tiếng tù và, mọi người trong buôn biết là đoàn thợ săn đã mang “chiến lợi phẩm” về, rủ nhau đến chia vui, nhưng không quên vác theo mỗi người một ché rượu. Họ xúm nhau lại làm thịt con thú. Trong khi ấy, một toán thanh niên nam nữ nghệ sĩ thì nhau biểu diễn những điệu múa chân, múa tay với tất cả mọi giọng hát hòa nhịp theo tiếng trống tiếng phèn la, tạo thành một khúc nhạc rừng đặc biệt. Họ vui say với nhau một cách chân thành, cởi mở, quên tất cả trời đất, có khi đến hai ba ngày mới dứt.

Bấy giờ bạn sẽ là thượng khách, được mời ngồi riêng trên chiếc chiếu bông với các cụ bô lão, với buôn trưởng để thưởng thức thi vị của miền rừng núi.

Đồng bào Thượng ở Phú Yên cũng có tục “Lễ Xây Cột” mà các nơi khác gọi là “Lễ Đâm Trâu”. Khi hai buôn muốn tỏ tình giao hảo với nhau, hoặc khi trong nhà có việc vui, người ta

tổ chức “Lễ Xây Cột”. Như vậy chủ lễ có thể là cả một buôn hay chỉ một gia đình.

Gia chủ mượn người chặt cây tươi và lá rừng đem về nhà, gia chủ phải trả công bằng một chuỗi cườm và ra tận ngõ đón lấy cây.

Cây và lá được đem vào nhà cúng trước, rồi đem cây ra chạm trổ, buộc những dây tua trên ngọn, gọi là cây nêu, còn lá thì đem cắm trước cửa.

Thầy phù thủy sẽ chọn chỗ đào lỗ chôn nêu. Khi đào lỗ, cả nhà phải ăn mặc chỉnh tề ra đứng chung quanh la hú, vái trời, vái đất và để dự cúng rồi làm sạp và dựng nêu. Những ngày làm việc này, gia chủ phải giết một con heo đãi các người giúp việc.

Con trâu sẽ là vật hy sinh cho tục lệ xây cột, được cột chắc vào cây nêu bằng dây thừng khâu ở mũi, và một dây mây thật to quàng qua cổ để cho con trâu không thể vùng chạy được.

Khởi đầu cuộc lễ, khua chuông, khua trống và múa hát, xoay quanh cột nêu và con trâu nhiều vòng. Thầy cúng đem một cái nôi ra trước cửa nhà, chân đạp lên miệng nôi, miệng đọc thần chú làm phép cúng vái, đoạn cầm giáo đâm một nhát vào đuôi trâu trước, tiếp theo là người chủ đâm vào nách trâu, rồi bà con liên tiếp đâm theo, mỗi lần đâm là họ la hét vang lên những tiếng ma quái rợn tóc, đến chừng nào đâm trúng tim, máu phun vọt như xối, họ lấy nôi ra hứng máu, trong nôi đã chứa sẵn rượu để đem cúng thần.

“Thầy cúng cắt một tí tai, mũi và lông đuôi, lấy máu bôi lên hai que tre để xin keo, tiếp đó đem que và các món trên vào nhà cúng và đặt hai que trên mái nhà. Lễ xong cả bà con, chòm

xóm hay người ngoài cũng đều đến dự tiệc thịt trâu, uống rượu cần.

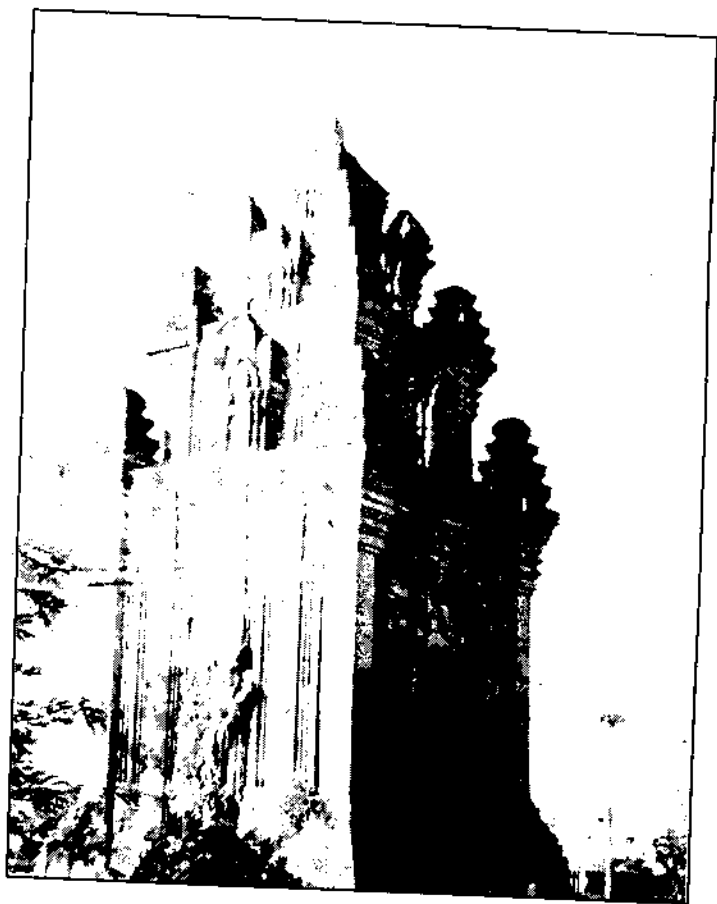
Ba ngày sau họ đem sừng trâu treo trước cửa và hai xương cầm trâu treo trong nhà. Cúng xong họ kiêng không ra khỏi nhà và người ngoài cũng không ai được vào trong nhà lấy một vật dụng gì của họ, ngày cứ thường từ 3 đến 5 ngày. Muốn biết nhà nào kiêng cứ phải xem những dấu hiệu ở cửa tùy theo từng vùng.

Trong mấy ngày kiêng cử, nếu ai phạm thì họ bắt và phải cúng những món đồ lễ tùy theo tục của từng vùng.” (1)

Du khách lại còn lấy làm lạ về cách xét xử của họ. Khi có những vụ thưa kiện về việc mất trộm, ngoại tình v.v... thầy phù thủy sẽ là quan tòa phán xét, ông cho mời cả buôn tới nhà làng trải chiếu ngồi hai bên. Cả nguyên bị đều có mặt. Có hai hình thức để xét xử.

Hình thức thứ nhất là dùng chì đốt chảy ra nước, thầy phù thủy niệm chú rồi bắt bên nguyên ngửa bàn tay ra, lót trên đó mấy lá môn, rồi rót nước chì vào. Nếu chì không làm cháy lá và không chảy xuống da, tức là sự tố cáo của anh ta đúng. Thấy phù thủy còn mời một vài người trong cử tọa ra thử để chứng minh rằng không phạm tội thì không bị chì làm phỏng tay. Đoạn ông gọi bên bị lại thọ pháp. Có khi người này không dám giơ tay, vì anh ta biết là mình có tội, thế nào cũng bị phỏng, hoặc cũng có khi ngửa tay ra, bị nước chì làm cháy lá mà chảy xuống tận tay. Thế là người này bị tội, phải bồi thường theo tục lệ. Nếu không hề hấn gì, tức là anh ta bị nghi oan.

Hình thức thứ hai là thầy phù thủy cho múc một chậu nước lạnh, ông ta niệm chú làm phép vào chậu nước, rồi bảo



Tháp Nhạn

(1) Trích "Phong tục tập quán đồng bào Thượng" của Nha Công Tác Xã Hội miền Thượng ấn hành năm 1959.

Chương III

Cổ tích

Tìm hiểu phong tục tập quán cũng đã lâu rồi, bây giờ xin mời du khách cùng chúng tôi đi thăm một số di tích lịch sử hoặc những cổ tích theo truyền thuyết tại Phú Yên. Chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu cùng du khách những cổ tích sau đây :

THÁP NHẠN : Khi bước chân tới Tuy Hòa, tỉnh lỵ tỉnh Phú Yên, hình ảnh đập mạnh vào mắt du khách là một cổ tháp trên đỉnh núi, mệnh danh là Tháp Nhạn. Đây là một ngôi tháp của Chiêm Thành để lại, đứng chơ vơ một mình, trơ gan cùng tuế nguyệt, và hàng ngày soi bóng xuống giòng nước sông Đà Rằng, làm chứng cho bao cuộc tang thương dâu bể đã diễn ra trên mảnh đất này.

Mời du khách cùng chúng tôi lên thăm tháp. Tháp này không biết xây tự đời nào, nhưng có lẽ cũng đồng thời với Tháp Bà Nha Trang, vì xem các viên gạch cùng sự chịu đựng với thời gian thì hai nơi cũng giống nhau. Chiều cao của tháp vào khoảng 15 thước, chân tháp hình vuông, mỗi cạnh trên 11 thước. Các viên gạch dùng xây tháp rất lớn, rộng 14 phân dài 30 phân, dày 7 phân. Phía dưới chân, thỉnh thoảng lại có xen vào những viên gạch rộng hơn 20 phân. Cách xây tháp không giống như ta xây tường. Ta thường đặt một lớp gạch ngang thì lại chồng lên một lớp gạch dọc, để cho những viên gạch giăng

lấy nhau, làm cho bức tường thêm vững chắc. Trái lại, người Chăm đã xếp gạch ngang một loạt, quay đầu trở ra. Vì vậy muốn biết chiều dài của viên gạch, nhà khảo cổ phải nhờ vào những chỗ bị sứt bị đổ.

Theo lời thuật lại của một vị lão thành ở thị xã Tuy Hòa, trước kia khi quân Pháp mới sang xâm chiếm nước ta, chúng đi tàu thủy ngoài biển trông vào, thấy ngọn tháp trên đỉnh núi, tưởng là pháo đài của ta. Bèn nã đại bác vào, làm cho đỉnh tháp và ba góc bị sứt đổ, về phía cửa vào, tức là phía Đông cũng bị phá rộng ra. Trong thời kỳ kháng chiến, tháp này cũng đã chịu đựng những loạt liên thanh của thực dân Pháp từ trên máy bay bắn xuống, hoặc những trận mưa bom rơi xuống các vùng quanh núi Nhạn. Vì vậy, ngày nay tháp trông có vẻ không còn được vững chắc nữa. Để bảo vệ cổ tích, chính quyền tỉnh Phú Yên đã cho tu bổ lại, hàn gắn những chỗ bị đổ phía trong, xây thêm một cái hệ xi măng quanh chân tháp để giúp cho tháp đủ sức chống lại mưa gió.

Tháp này khác với tháp các nơi, là trong tháp không có hệ thờ, không có tượng đá, và từ lâu lắm, vào thời Hậu Lê, dân chúng địa phương đã xây một cái am nhỏ phía trước tháp để thờ bà Thượng Đỉnh Chúa Thiệt A Na Diên Ngọc Phi. Thành thử ngôi tháp chỉ là nơi trú ẩn của loài dơi và chim sẻ mà thôi. (1)

Trong thời kỳ kháng chiến vừa qua, cái am đã bị bom đạn của thực dân tàn phá. Đến ngày hòa bình trở lại, nhân dân trong xóm quanh núi Nhạn, với lòng tín ngưỡng nhiệt thành, đã góp công góp của, xây dựng lại một ngôi

(1) Hiện nay (2002) ngôi tháp đã được gia cố và chỉnh trang. Tượng bà A Na đã được thờ trong tháp, cái miếu đã được triệt bỏ.

miếu trên nền cái am cũ, nhưng lớn hơn. Phía mặt tiền có đề bốn chữ nho lớn : “Thượng Đỉnh Linh Miếu”.

Phía sau tháp, cách chân bệ xi măng độ hai mươi thước, có phiến đá rất lớn, đẽo gọt rất trơn tru, hình vuông, trên đỉnh bầu và nhọn, từ mặt đất đến đỉnh cao 1 thước 30, mỗi cạnh hơn 90 phân, phía dưới chân chạm cánh sen, phình ra mỗi bên độ 5 phân. Đó là phần nổi, còn phần chìm dưới đất thì không rõ. Có người bảo phiến đá này ở trên đỉnh tháp bị rơi xuống.

Hiện nay, trong dân chúng Phú Yên, người ta thường kể lại cho nhau nghe về việc xây dựng Tháp Nhạn như một câu chuyện thần thoại, cổ tích do nơi óc tưởng tượng khá phong phú của họ mà ra.

Người ta kể lại rằng, ngày xưa, khi ông Phù Già tức Lương Văn Chánh vào đánh Chiêm Thành, lập mưu để buộc đối phương quy hàng, khỏi phải hao binh tổn tướng của cả hai bên.

Bấy giờ quân của ông đóng ở phía núi Chóp Chài, quân Chăm đóng phía núi Nhạn. Ông ra điều kiện với viên tướng Chăm rằng sẽ thi đua xây mỗi bên một cái tháp thật cao trên đỉnh núi. Hễ bên nào xây xong trước là bên ấy thắng. Đến khi bắt tay vào việc, người Chăm lo suốt đêm ngày đào đất, đúc gạch để xây tháp, hàng vạn quân lính làm việc không nghỉ, cố lấy số đông tranh thủ cho được phần thắng lợi. Trong lúc đó, ông Phù Già cho quân lính của mình làm những cái sườn bằng tre và lồ ô, rồi lấy giấy màu phết lên như làm đồ mã.

Hạn cuối cùng đã đến mà bên Chiêm Thành xây vẫn chưa xong. Trái lại, bên ta, ông Phù Già đang đêm cho quân mang những tấm phen bằng giấy lên đỉnh Chóp Chài kết lại thành hình một cái tháp rất đẹp. Mờ sáng hôm sau, quan quân

Chiêm Thành hết sức kinh ngạc khi thấy bên ta đã hoàn thành ngôi tháp một cách kỳ diệu, phục tài và xin chịu thua.

Chúng ta cũng thừa biết là, nếu một trận mưa xuống thì tất cả uy tín của mình sẽ tiêu tan như ngôi tháp bằng giấy vậy. Ông Phù Già biết rõ điều đó nên lập kế khác. Ông thách đốt thêm nữa, hễ tháp bên nào đốt cháy rụi là bên ấy giỏi. Người Chăm vốn ngây thơ, chất phác, nhận lời, cho quân vào rừng chặt củi tấp chung quanh và trên tháp mà đốt. Nhưng càng đốt thì những viên gạch càng chín, tháp càng rắn chắc, còn bên ta chỉ một mối lửa châm vào là cả ngôi tháp biến thành tro bụi trong giây lát. Người Chăm lại một phen thán phục sự tài giỏi của quân ta, đành quy hàng và nhường phần đất Phú Yên lại cho nước ta.

Tuy đây chỉ là một câu chuyện hoang đường, nhưng cũng khá thú vị.

Ngày nay, đứng trước di tích lịch sử ấy, du khách không khỏi mũi lòng mà nghĩ tới người xưa. Mối cảm hoài sẽ tràn ngập tâm hồn du khách, vì cái lẽ hưng vong của một dân tộc, lẽ vô thường của tạo vật. Du khách sẽ xúc động mà ngâm câu hoài cổ như bà Huyện Thanh Quan một ngày trước đây đã đứng trước cảnh tượng điêu tàn đổ nát của thành Thăng Long :

Nước còn non cũng còn đây,

Tháp còn sao lại người xây không còn !

THÀNH HỒ : Một di tích khác của Chiêm Thành còn lưu lại trên đất Phú Yên là Thành Hồ.

Hiện nay, chúng tôi chưa có tài liệu nào để tìm hiểu xem thành này được xây cất năm nào, do ai chủ trương, và vì sao gọi là Thành Hồ. Về tên này, theo sự dò hỏi của chúng tôi

thì được biết ở chính giữa thành có một cái hồ sen rất lớn. Do đó dân chúng địa phương quen gọi là Thành Hồ.

Nay mời du khách cùng chúng tôi ghé thăm Thành Hồ một chuyến để biết qua cách kiến trúc của một cái thành cổ của Chiêm Thành cổ kính.

Từ Tuy Hòa, tỉnh lỵ tỉnh Phú Yên, du khách sẽ theo liên tỉnh lộ số 7 đi lên cây số 13, tới thôn An Nghiệp, xã Hòa Định, sẽ dừng lại. Thành Hồ đây rồi ! Thành nằm vào khoảng giữa cây số 13 và 14. Thành được xây làm hai lớp : thành ngoại và thành nội.

Thành ngoại chiếm trên một khoảng đất hình chữ nhật, chiều ngang theo hướng Đông Tây vào khoảng 1 cây số, chiều dài theo hướng Bắc Nam vào khoảng 1 cây số 500. Thành nằm dựa lưng vào chân núi, với cái thế phòng thủ rất kiên cố. Phía Bắc và phía Đông giáp ruộng vườn, phía Tây giáp núi rừng hiểm trở, phía Nam giáp sông Đà Rằng rộng lớn.

Bờ thành xây bằng gạch Chàm, như gạch xây các tháp, theo hình thang, dưới chân rộng khoảng 30 thước, trên mặt rộng độ 10 hay 15 thước, cao khoảng 6,7 thước.

Trên mặt thành, có lối đi ở giữa, rộng khoảng ba bốn thước, sâu xuống ngang lưng quần, quân lính, xe ngựa có thể đi lại trên đường này, trông thấy địch quân, mà địch quân không trông thấy. Trên mặt thành tại bốn góc và cứ cách nhau khoảng 2,3 trăm thước, lại được xây cao lên như pháo đài, có lẽ là những chòi canh. Ngày nay, những ụ đất này vẫn còn. Những cụ già 6,7 mươi tuổi cho biết : khi các cụ mới 9,10 tuổi đã lên chơi trên thành, và còn đùa chạy trong đường rãnh ấy. Ngày

nay, vì đồng bào phá đất trống trồng bắp (1), mặt thành đã bị cao bằng.

Cũng theo các cụ già kể lại, thì mỗi phía thành có mở hai cửa ra vào, gọi là cửa sinh và cửa tử. Cửa sinh là cửa dùng cho quân lính ra vào hằng ngày, không có gì là nguy hiểm, nhưng lại được canh gác rất cẩn mật. Trái lại, cửa tử là cửa cho quân địch vào, và lẽ tất nhiên, sẽ bị những bẫy dã được bố trí sẵn làm thiệt mạng. Cửa này canh gác sơ sài, cố ý đánh lừa địch quân. Người ta kể lại rằng : khi ông Lương Văn Chánh vào đánh Chiêm Thành, cứ điểm kháng cự cuối cùng của địch quân là Thành Hồ, Tướng tiên phong của ông là Cao Các (?) đến công kích thành, thấy có cửa kém đề phòng, thúc quân vào, liền ngộ nạn tử trận. Do cái chết đó, người ta khám phá ra cửa sinh và cửa tử. Ông Lương Văn Chánh liền thúc quân đánh phá các cửa sinh và hạ được thành.

Ngày nay, phía trên Thành Hồ, sát liên tỉnh lộ số 7, bên sườn núi, còn có đền thờ Cao Các, mà dân địa phương thường gọi là Dinh Ông. Tại đây có cái đền mang tên là đền Dinh Ông. Người dân địa phương cũng có câu ca dao :

Nhìn lên trên núi Dinh Ông,

Thiên hạ xào xáo em không thấy chàng !

Tóc dài bỏ xỏa rối ngang,

Tay luôn lược gõ miệng ngồi than bóng đèn.

Than rằng :

Con vịt đua dưới nước,

(1) Vì lâu ngày, những viên gạch xây thành đã bị mưa gió ngấm vào làm cho tan thành đất. Chỉ còn thứ nào ở chính giữa là còn giữ nguyên hình thù viên gạch, nhưng cũng không được rắn chắc nữa.

*Con cá lội bào sen,
Hồi này không thấy bóng bạn quen đi đàng.
Ngậm ngùi thương phụng nhớ loan,
Gửi thư cho gió gió mang về trời.
Đêm nằm ruột rã gan rời,
Thức thời thương nhớ ngủ thời chiêm bao.
Đặt mình xuống tấm ván sao,
Giật mình trở dậy nước mắt trào như mưa !
Trông trời ổng sáng hay chưa,
Bước ra đàng cái đón đưa bộ hành.
Trông cây cũng muốn cây xanh,
Gá duyên với bạn cũng muốn thành phu thê.*

Thành ngoại cách thành nội khoảng 150 thước. Thành nội xây bằng đất, cũng hình chữ nhật, trên mặt thành không có đường rãnh và không có pháo đài như thành ngoại. Mỗi mặt thành nội cũng có cửa sinh và cửa tử. Ở giữa thành nội có một cái hồ hình mặt nguyệt. Vì trước đây có lệnh của các vua triều Nguyễn, dân chúng được tự dosan bằng Thành Hồ để làm ruộng, nên ngày nay thành nội đã bị phá gần ngang mặt đất, cái hồ cũng bị lấp gần hết. Nơi xưa kia đã một thời oanh liệt, ngựa xe quân lính ra vào rộn rịp, ngày nay chỉ còn là những thửa ruộng, khoảnh đất, ngọn lúa cây bắp xanh biếc một màu, rung rinh lướt theo chiều gió như ngày nào hàng vạn hùng binh trên đường xuất trận.

Ở góc thành ngoại phía Tây Bắc, có Hòn Mốc là một hòn núi không cao lắm. Trèo lên đó, du khách sẽ thấy một cái

sân khá rộng, lát toàn gạch vuông, có đường “tam cấp” đi xuống thành. Trên sân này có một tảng đá rất lớn, bằng phẳng, trên mặt có khắc bàn cờ, hiện nay vẫn còn y nguyên. Người ta dự đoán nơi đây là chỗ giải trí của viên tướng giữ thành. Đứng ở đây nhìn ra phía trước, bao quát cả một vùng rộng lớn, nào thành quách, nào sông, nào ruộng vườn, cảnh trí vô cùng ngoạn mục.

Ngày nay, vì bờ sông Đà Rằng phía tả ngạn mỗi năm mỗi lở dần nên cả bờ thành ngoại và thành nội phía Nam đều bị đổ xuống sông. Do chỗ lở này, thỉnh thoảng người ta tìm thấy được một ít vàng hay cổ vật Chiêm Thành.

Khi xây đập Đồng Cam, người Pháp cho đào con mương chảy qua Thành Hồ để dẫn nước về các xã miền xuôi, đồng thời cho đắp con đường số 7 song song với nông giang, cắt Thành Hồ làm đôi. Trong lúc đào sông đắp đường, người ta cũng tìm được vàng và cổ vật.

Đứng về mặt quân sự mà xét, Thành Hồ ở vào một vị trí chiến lược quan trọng thời xưa. Trước kia cánh đồng Tuy Hòa thiếu nước, hãy còn hoang vu, đầy lau sậy và gai bần chải, làm nơi ẩn trú cho các loài thú dữ. Dân cư phần nhiều ở các vùng chân núi. Bấy giờ con đường thiên lý từ ngoài vào cũng đi theo ven núi, qua xã Hòa Quang ngày nay, vào Thành Hồ, qua bến đò Lò Giấy, sang bên kia thôn Mỹ Thạnh, xã Hòa Phong, rồi Hòa Đồng, Hòa Thịnh mà vào vùng Khánh Hòa. Khu vực hoạt động của người Chiêm Thành bấy giờ là vùng Thạch Thành về phía hữu ngạn sông Đà Rằng. Thành Hồ nằm vào giữa con đường xuyên sơn ấy, một mặt nhìn ra giòng sông, một mặt dựa vào núi non hiểm trở, thật là thuận tiện cho việc dùng binh.

Nhưng than ôi ! Thành trì kiên cố đường bấy, khả năng quân sự của kẻ dùng binh là dường kia, thế mà cũng phải đi

đến chỗ mất nước, khiến cho ngày nay con cháu Chiêm Thành phải thốt lên những lời than vãn nào nùng :

*Đây, chiến địa nơi đôi bên giao trận,
Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang.
Máu Chàm cuộn thắm ngày niền oán hận,
Xương Chàm luôn rào rạt nỗi căm hờn.*

.....

*Đây, điện các huy hoàng trong ánh nắng,
Những đèn đài tuyệt mỹ dưới trời xanh.
Đây, chiến thuyền nằm mơ trên sông lặng,
Bầy voi thiêng trầm mặc dạo bên thành.*

.....

*Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp
Tháng, ngày qua âm ảnh mãi không thôi,
Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời.*

CHẾ LAN VIÊN

(Điêu Tàn)

Sở dĩ có cái cảnh mất nước điêu tàn như vậy, ấy chỉ vì nội bộ chia rẽ, bè phái tranh giành, lòng dân ly tán mà ra (1).

(1) Về cuối thời Chiêm mạt, có hai phái quý tộc tranh giành nhau quyền lợi là phái Cây Cau (Plan de l' Aréquier) và phái Cây Dừa (Plan du Cocotier). Phái cây Cau ngự trị miền Nam, phái Cây Dừa ngự trị miền Bắc, thường đem quân đánh nhau làm cho dân tình vô cùng khốn đốn, lòng người ly tán.

Thật là một tấm gương quý báu cho hậu thế soi vào để tránh cái họa diệt vong vậy.

HANG THUỜNG LUÔNG : Ở Phú Yên có một địa điểm mà mỗi khi nhắc đến, người ta có cảm tưởng như nói tới một đảo ở giữa biển khơi. Ấy là vùng Vân Hòa.

Vân Hòa, Trung Trinh và Phong Cao hợp lại thành xã Sơn Long thuộc quận Sơn Hòa, giáp với xã Sơn Định về phía Bắc, xã An Thọ, An Lĩnh về phía Đông. Vân Hòa là một địa điểm ở Thượng du, nhưng đặc biệt ở đây không có một đồng bào Thượng nào cả. Khí hậu nơi đây rất tốt, nước trong veo, không khí không vương bụi. Nếu ta múc một chén nước lạnh để cho đến khi cạn khô, đáy chén không có một tí gợn bụi nào đọng lại.

Nhờ có khí hậu tốt, lại ở vào một vị trí khá hiểm trở, Vân Hòa ngày xưa là nơi dừng chân của nhiều khách cung kiếm giang hồ, hoặc các văn nhân lặn lội nơi trường ốc. Nó lại là địa điểm giao thương giữa vùng đồng bằng với vùng Thượng du, vì ngày xưa con đường liên tỉnh lộ số 7 chưa có, đường đi qua Xuân Phương cũng chưa có, chỉ con đường độc đạo từ An Mỹ qua An Thọ, Vân Hòa rồi ngược lên các buôn Thượng. Do đó, Vân Hòa trở nên một khu vực hoạt động và sầm uất. Hàng ngày, trung bình có 100 con ngựa từ trên xuống, thồ hàng về xuôi bán, nào là bông, gạc nai, sừng bò tốt, mật ong, nào là cây trảng, rễ cây ăn trầu, chiếu Lào v.v... Rồi lại có hàng trăm con khác từ dưới lên, thồ các hàng cần dùng cho đồng bào Thượng như đồ đồng, ché đựng rượu, muối, nước mắm, cá khô v.v... Đoàn ngựa thồ này khi đến Vân Hòa đều dừng lại nghỉ chân.

(1) Ba xã là Vân Hòa, Định Trung (thuộc xã An Nghiệp) và Trung

Do sự hoạt động thương mại rộn rịp như vậy, trước kia người ta có thiết lập tại đây một cái đồn thương chánh gọi là đồn Ba Xã (1) để thu thuế các hàng từ trên Thượng xuống.

Nhưng lên Vân Hoa, du khách không thể không đi xem hang Thuồng Luồng với một câu chuyện cổ tích gần như thần thoại.

Kề bên núi Tống Đạt, có một cái hang rất sâu, chưa ai dám xuống. Nếu ta ném một hòn đá xuống hang, ta sẽ nghe những tiếng va chạm trên vách đá, lúc đầu nghe to, sau xa dần, rồi một hồi lâu, hòn đá ấy sẽ ra thẳng Suối Cái là con suối chảy gần đó.

Theo tục truyền thì ngày xưa, trong hang này có một con thuồng luồng lớn lắm. Thỉnh thoảng nó lên khỏi hang, bò vào các xóm tìm bắt người hay gia súc, gây sự khùng khiếp cho dân chúng địa phương. Để tránh tai họa bất ngờ, người ta dựng chòi mà ở.

Bấy giờ ở một làng Thượng cách đó khá xa, có một người tên là Chấm Mừng, góa vợ, chỉ có một đứa con trai. Ông ta bắn nả rất giỏi. Dân chúng Vân Hòa bèn đến thỉnh cầu ông ta đến trừ giúp con quái vật. Họ bằng lòng trích ruộng đất cho ông sinh sống.

Ông Chấm Mừng nhận lời. Hai cha con đến Vân Hòa, làm một cái chòi ở gần hang, đêm ngày châu chực, hễ thuồng luồng chui ra là bắn tên độc hạ sát ngay. Song quái lạ, từ khi có ông ở đó, thuồng luồng không còn ra nữa.

Một thời gian khá lâu, dân chúng được yên ổn làm ăn. Ông Chấm Mừng cũng bắt đầu rời cái chòi vào khu rừng gần đó săn hươu nai, chim chồn làm vui. Bỗng nhiên một hôm, ông

Chăm Mừng đi săn vắng, ở nhà đưa con nhóm lửa nấu cơm phía dưới đất. Khi nồi cơm đang sôi thì con thuồng luồng xuất hiện, há hốc miệng toan cắn. Con ông Chăm Mừng hoảng hốt, không kịp trèo lên chòi, bèn bưng cả nồi cơm đang sôi liệng vào miệng thuồng luồng, đồng thời kêu cứu inh ỏi lên. Nghe tên kêu thất thanh, ông Chăm Mừng vội chạy về, bồi cho con vật mấy mũi tên độc, kết liễu đời nó.

Từ đó dân chúng Vân Hòa hoàn toàn thoát khỏi cái nạn thuồng luồng, hết lòng cảm tạ cha con ông Chăm Mừng và tiếp đãi như thượng khách. Ít lâu sau, đứa con bị bệnh chết, ông Chăm Mừng sinh buồn tìm về quê cũ rồi chết già. Dân chúng Vân Hòa nhớ ơn, hàng năm vào những ngày tiết lễ, hoặc khi trong gia đình có giỗ, đều sửa soạn lễ vật riêng cúng cha con ông Chăm Mừng. Tục ấy ngày nay vẫn còn.

Sau khi con thuồng luồng chết rồi, người ta thấy ở Vân Hòa xuất hiện một loại giun khổng lồ. Người ta cho rằng, đó là do những chất nhớt nhơ của con thuồng luồng sinh ra.

Loại giun này có con dài đến 1 thước 20, ngắn lắm cũng 70 phân, lớn bằng ngón tay cái. Gắn đầu có ba cái khoang, một hơi đỏ, một màu xanh và một màu đen. Vì vậy người ta thường gọi là “trùn khoang”.

Cứ đến mùa mưa, từ tháng 8 đến tháng 11 âm lịch, hàng ngàn hàng vạn con giun khoang xuất hiện. Chúng khoan đất mà lên, bất luận ở đâu, ngoài vườn, giữa đường, rồi bò tứ tung. Nếu ai chưa quen, lên chơi vùng này vào mùa trùn khoang, sẽ phải chết khiếp.

Khi con giun đang bò, nếu ta lấy cái que có dính nước vôi, chấm lên lưng nó, tự nhiên chỗ đó phun lên một thứ nước vàng, rồi đến nước đỏ, tựa hồ như cá voi phun nước. Khi nước

hết phun thì con giun đứt làm đôi mà chết. Nhờ vậy, khi thấy một lỗ giun mới khoan giữa nền nhà, người ta liền chế một tí nước vôi xuống, tức nhiên không bao giờ thấy giun bò lên nữa.

Gần hang Thuồng Luồng, còn có cái miếu gọi là miếu Đỏ Mắt. Người ta kể lại rằng, ngày trước có một người họ Phạm quê ở đây, theo phò Gia Long. Một hôm ông bị quân Tây Sơn chém trọng thương, chạy về gần đến nhà, nơi lập miếu bây giờ, thì ngã ra chết. Mấy hôm sau, dân làng tìm thấy xác ông, thân thể đã bị rữa ra, mà nét mặt vẫn bình thường, hai mắt nhìn lên, đỏ như máu. Con cháu và dân làng mới chôn cất và lập miếu thờ ông, thường gọi là miếu Đỏ Mắt. Trong bài thơ tả những kỷ niệm thời thơ ấu tại Vân Hòa, nhà thơ Trần Huyền Ân, có nhắc tới miếu này trong câu thơ sau đây :

Em nhớ... Cổng chùa hai màu hoa giấy

Đền Thiên Y xanh vẽ mái tường meo

Miếu Đỏ Mắt chen mình trong khóm sậy

Đình oai nghiêm thương bủa rũ tua hèo...

NÚI ĐÁ BIA : Trong những di tích lịch sử tại Phú Yên, quan trọng nhất là núi Đá Bia, vì nó là kẻ làm chứng muôn đời cho cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam về thế kỷ XV.

Núi Đá Bia tên chữ là Thạch Bi Sơn, cao 706 thước, nằm 12 độ 55' 55" Bắc vĩ tuyến và 109 độ 23' 32" Đông kinh tuyến kể từ Greenwich, thuộc về dãy núi Đèo Cả, chân núi phía Nam giáp biển Vũng Rô là nơi mà xưa kia, người ta kể lại rằng : binh tướng Chiêm Thành bị quân ta dồn đánh, chạy tới đó không có đường thoát, đã cùng nhau nhảy xuống biển chết cùng giang sơn của họ, chân núi phía Tây giáp Quốc lộ số 1, phía Bắc liền với núi Đông Sơn, phía Đông liền núi Hòn Bà

nằm sát biển : chu vi có đến 15 cây số. Đây là một hòn núi ăn ra biển xa nhất trong toàn cõi nước ta.

Sườn núi Đá Bia rất dốc, có nhiều tảng đá chồng chất lên nhau, cây cối um tùm, đường lên đỉnh rất khó. Trên đỉnh núi có một khối đá rất lớn và cao, mọc dựng đứng, trên chóp thì nhỏ lại và tròn, trông tựa như đầu người. Vì thế dân chúng địa phương tưởng lầm là núi Vọng Phu, nên những cặp trai gái đã dùng nó làm đề tài ví von trong những đêm trăng thanh gió mát. Một chàng trai nọ vì bất mãn với một cô kia, đã hát lên một câu đầy vẻ chế nhạo :

Chiều chiều mây phủ Đá Bia,

Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng.

Mất chồng như nậu mất trâu,

Chạy lên chạy xuống cái đầu chôm bôm.

Nhưng cô bạn không phải tay vừa, đáp lại với một giọng đầy kiêu ngạo, tự cao, làm cho anh chàng phải một phen tức lộn ruột :

Chiều chiều mây phủ Đá Bia,

Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng.

Mất chồng ta chẳng có lo,

Sợ anh mất vợ nằm co một mình !

Còn những chàng trai khác, hay là một văn nhân nào đó thì đúng hơn, vì nặng tình sông núi, đã gửi tâm sự của mình vào mấy câu ca dao sau đây :

Sông Bàn Thạch quanh co uốn khúc,

Núi Đá Bia cao ngút từng mây.

Sông kia núi nọ còn đây,

Mà người non nước ngày nay phương nào ?

Quả thế, trải bao năm tháng dầm mưa giải nắng, ngáng gió gội sương, núi Đá Bia đã chịu đựng biết bao thử thách của thời gian, chứng kiến biết bao vụ đổi thay thay đổi, bao cảnh thối nát xương tan, bao sự hưng vong của các triều đại Chiêm Thành.

Tần Mảo đời chúa Nguyễn Phúc Thuần, núi này bị sét đánh, đá vỡ tan, trắng xóa như vôi, đứng xa vẫn thấy. Lần lần mưa gió, đã sơn phết lên màu đen sẫm như ngày nay.

Tảng đá không đứng chính trên đỉnh núi, mà xế về phía trong độ vài chục thước. Đứng trên đỉnh núi Nhạn ở Tuy Hòa, du khách sẽ có dịp trông thấy như thế. Khối đá ba mặt tròn, chỉ có mặt về phía Đèo Cả tức phía Tây Nam là bằng phẳng như tấm ván. Trên mặt này có những nét chữ đã lu mờ, sứt mẻ, không còn đọc được nữa.

Theo sử sách còn ghi chép, vào năm Hồng Đức nguyên niên (1470), đời vua Lê Thánh Tông, vì người Chiêm Thành hay sang quấy nhiễu vùng Hóa Châu, nhà vua thân đem 26 vạn quân vào đánh chiếm thành Chà Bàn (1) là kinh đô của Chiêm Thành thời bấy giờ. Sẵn đà chiến thắng, nhà vua thúc quân vượt qua đèo Cù Mông, thẳng tiến đến Đèo Cả. Tới đây, nhà vua cho dừng chân. Khi trèo lên ngọn núi cao ngất xem phong cảnh, ngài than với kẻ tả hữu rằng : “Trời đất khai tịch

(1) Có chỗ gọi là Đồ Bàn.

(2) Tức chỉ Chiêm Thành.

(3) Lời dẫn của Phạm Văn Sơn trong *Việt Sử Tân Biên quyển II* trang 580.

(4) Lời dẫn của Nguyễn Siêu trong *Phương Đình Dư Địa Chí*.

đã chia cảnh thổ phân minh. Kề kia (2) nghịch ý trời, nên mắc phải thiên họa (3)...” Nhân đó ngài cho khắc chữ lên mặt đá làm bia qui định ranh giới hai nước. Theo tương truyền thì văn bia như sau :

“Chiêm Thành quá thử, binh bại tướng vong.

An Nam quá thử, tướng chu binh chết”. (4)

Nghĩa là Chiêm Thành vượt qua đây, quân thua nước mất. An Nam vượt qua đây, tướng chết quân tan. Lại có thuyết cho rằng những chữ khắc trên bia là :

“Dĩ Nam Chiêm Thành,

Dĩ Bắc dân triều mạng Việt Nam”. (1)

Nghĩa là lấy từ đây trở về Nam là của Chiêm Thành, còn từ đây trở ra Bắc, dân phụng mạng lệnh của Việt Nam. Nhưng cũng có thuyết lại cho rằng nhà vua chỉ cho khắc hai chữ “*Hồng Đức*” để làm kỷ niệm mà thôi.

Vì sự kiện lịch sử trên đây, từ đó núi này có tên là Thạch Bi Sơn, hay là núi Đá Bia và trở nên một ngọn núi tên tuổi vào bậc nhất của tỉnh Phú Yên.

Đi ngược dòng lịch sử xa hơn nữa, núi Đá Bia còn là nơi xưa kia Mã Viện, tướng của nhà Hán, đã trồng mấy cột đồng để phân định ranh giới, từ đó trở ra Bắc là đất quận Nhật Nam thuộc nhà Hán, trở vào là đất của nước Tây Đồ Di. Vì vậy tên núi trước kia gọi là Đồng Trụ Sơn. Đến khi vua Lê Thánh Tông khắc bia lên đá mới đổi là Thạch Bi Sơn.

Ngày nay, núi Đá Bia chẳng những là một di tích lịch sử, mà còn là đề tài ngâm vịnh của khách thi nhân. Ngày xưa,

(1) Theo Địa Phương Chí tỉnh Phú Yên.

Non nước Phú Yên

khi ông Phan Thanh Giản từ trong Nam ra Huế công cán, lúc đi qua đây, đã làm một bài thơ bằng chữ Hán được báo Tiếng Dân dịch ra Việt ngữ như sau :

*Mảnh đá đầu non dựng
Tầng cao ngất một phương
Chia bờ nêu cột Hán
Đuổi giặc trú xe Đường
Chữ triện mây lu nét
Công thần sử dọi gương
Chạm bia người đã vắng
Hành khách chạnh lòng thương*

VIỆT NGÂM

Năm 1939, lúc đi qua tỉnh Phú Yên để vào Nha Trang, thi sĩ Quách Tấn cũng có làm một bài Đường luật tả phong cảnh tỉnh này. Ông đã dùng di tích lịch sử này để làm câu kết, nhắc lại cho ta thấy chiến công oanh liệt của Lê Thánh Tông cách đây mấy trăm năm :

*Đá Bia tích cũ mây dù lấp
Qua lại còn nghe khách chuyện trò.*

Tại đền thờ ông Quận công Lương Văn Chánh tại thôn Phụng Tường xã Hòa Trị, một nhà Nho cũng đã ví sự nghiệp của ông Phù Già cũng sẽ tồn tại mãi mãi như sự nghiệp của vua Lê đã được ghi lại nơi núi Đá Bia, nên đã làm ra đôi câu đối sau đây :

*Hồng Đức thiên biên tồn sự nghiệp
Phụng Tường miếu mào đối Sơn Hà*

Nghĩa là :

Hồng Đức bên trời còn sự nghiệp

Phụng Tường dạng miếu chơi non sông.

Thi sĩ Hồng Khanh Huỳnh Khinh, nhà thơ trào phúng của miền núi Nham sông Đà, một môn đệ của Hồ Xuân Hương nữ sĩ, cũng làm một bài Đường luật nhan đề “Đá Bia tự thuật” như sau :

Ta đây tướng đá trấn trên cỏi,

Một cỏi trời Nam mắt rạng ngời :

Nhìn rộng mệnh mông muôn dặm đất,

Trông cao lồng lộng bốn phương trời.

Tuyết sương muôn thuở khôn nao núng,

Dâu bể bao phen há đổi đời.

Dân chúng Phú Yên, ta bảo vệ,

An ninh, phú túc khắp nơi nơi.

Đứng trước cảnh hùng vĩ của núi Đá Bia, nghĩ tới công lao của tổ tiên ngày xưa đã tốn biết bao xương máu, mở rộng bờ cõi về phương Nam cho con cháu ngày nay an hưởng, du khách không khỏi động lòng trắc ẩn khi nhìn thấy khắp bốn phương trời, khói lửa của chiến tranh đang làm cho đất nước điêu linh. Cùng cảm thông như vậy, tác giả bài này cũng mạn phép gởi gắm lòng mình trong mấy câu sau :

Sừng sừng vươn cao đá một hòn,

Trải bao mưa nắng vẫn không sờn !

Quanh co sườn núi đường lên xuống,

Trắng xóa chân non sóng dập dờn.

*Sự nghiệp ngàn năm bia đá tạc,
Biên cương một thuở cột đồng chôn.
Công lao tiên tổ còn lưu đó,
Ai nữ lòng nào phụ nước non ?*

MIẾU BÀ TRANG : Từ Tuy Hòa, theo quốc lộ số 1 đi ra, khi đến Ngân Sơn, du khách hãy rẽ về phía tay trái, đi bộ nửa cây số, sẽ thấy một di tích từ đời Gia Long để lại. Ấy là miếu Bà Trang.

Trước kia, miếu xây bằng gạch, lợp ngói, gồm có thượng điện và hạ điện, cửa khóa then cài rất trang nghiêm, xung quanh có tường hoa bao bọc quá đầu người, chu vi hơn 200 thước. Trong thời kỳ kháng chiến, với chính sách tiêu thổ, cán bộ địa phương đã vô ý thức ra lệnh triệt hạ ngôi miếu, ngày nay chỉ còn lại bức tường thành, với những đồng gạch vụn đổ nát và nền nhà mà thôi.

Bà Trang là ai ? Cho tới bây giờ, người ta vẫn không biết rõ họ và quê quán của bà. Do truyền khẩu từ trước kể lại, người ta chỉ biết bà Trang sống một mình bằng cái nghề bán quán ở bến dò Ngân Sơn. Một ít bánh tráng, dăm ba đoạn bánh tét, một mớ sắn mì và một ấm nước trà là những món hàng thường nhật của bà.

Một hôm, vào thời chúa Nguyễn chống với Tây Sơn, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đuổi ráo riết. Khi chạy tới bờ bên kia sông Ngân Sơn, thấy có một chiếc ghe nhỏ đậu sát bờ, nhưng không có ai để nhờ chở qua sông, mà Vương lại không biết chèo. Bí quá, Vương đành nhảy xuống ghe, nhổ sào đẩy ghe rời khỏi bến. Vì Vương không biết chèo, chiếc ghe cứ quay

vòng tròn, không sao lướt nước qua bên kia được. Vương thất vọng ngửa mặt lên trời mà than rằng :

- Vận nhà Nguyễn đã hết ! Trời hại ta nơi khúc sông này

Bỗng nhiên một bầy rái cá nổi lên, bơi lại nín lấy ghe mà đi qua sông. Khi sang đến bên kia bờ, Vương tỏ lời cảm ơn bầy rái cá, rồi vội vàng chạy. Nhưng bên kia sông, quân lính Tây Sơn đã ào tới, chuẩn bị qua sông. Vương biết mình khó lòng chạy thoát, vả lại không thuộc đường, nhân thấy có cái quán nước, liền chạy vào nói với bà chủ :

- Ta là chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn đuổi bắt. Gấp lắm rồi, bà-có cách gì cứu ta không ?

Bà Trang - tên bà chủ quán - suy nghĩ giây lát rồi tâu :

- Xin mời Chúa lên nằm trên giường kia, đắp chiếu lại.

Khi nào quân Tây Sơn vào hỏi, Chúa cứ giả rên như người bệnh, để mặc tôi đáp ứng :

Quả nhiên nháy mắt sau, quân Tây Sơn đã ùn ùn kéo sang, chạy vào quán hỏi :

Bà kia ! Nguyễn Ánh chạy qua trốn đâu đây, bà hãy chỉ mau nếu giấu giếm ta chém đầu.

Bà Trang run lập cập, chấp tay bẩm :

- Bẩm Tướng quân, Nguyễn Ánh ăn mặc ra sao ?

Viên tướng Tây Sơn vẫn ngồi trên ngựa, trả lời :

- Đầu chít khăn nhiễu tam giang, mình bận áo gấm lam...

Chợt thấy có người nằm trên chiếc chõng tre, viên tướng liền hỏi :

- Ai nằm trong đó ?

Bà Trang bình tĩnh đáp :

- Bẩm Tướng quân, đó là chồng tôi bị bệnh nặng, nên không thể dậy bái yết Tướng quân, xin Tướng quân tha cho tôi chết. Còn như Nguyễn Ánh thì hồi nãy tôi thấy một người ăn mặc giống như thế chạy về phía khu rừng kia.

Vừa nói, Bà Trang vừa chỉ tay về phía Đông. Không một phút chậm trễ, viên tướng Tây Sơn thúc quân chạy về phía khu rừng, ra lệnh phóng hỏa cháy rụi và yên trí Nguyễn Ánh đã bị chết thiêu trong đó.

Nhờ Bà Trang lanh trí, Nguyễn Ánh thoát nạn , ra đi. Khi đã dẹp xong Tây Sơn lên ngôi hoàng đế, Gia Long nhớ ơn Bà Trang, xuống chiếu vời bà ra Huế để báo ơn xứng đáng. Nhưng tiếc thay Bà Trang đã thành người thiên cổ từ lâu rồi. Nhà vua bèn ra lệnh xây ngôi miếu gần nơi bến đò để thờ phượng bà, cấp ruộng đất làm tự điền, hàng năm quan tỉnh Phú Yên phải đến tận nơi làm lễ quốc tế.

Nhưng từ hồi Việt Minh cướp chính quyền cho tới nay, ngôi miếu bị phá tan, không người tu bổ, hương tàn khói lạnh, du khách đến viếng nơi cổ tích này, chỉ còn thấy những viên gạch, những hòn đá tro gan cùng mưa nắng, bức thành rêu phong cỏ phủ mà thôi.

CỔ THÀNH PHÚ YÊN : Từ Tuy Hòa ra, du khách theo quốc lộ số 1 đến ngã ba Ngân Sơn, rẽ về tay phải, đi dọc bờ sông Cái, tới thôn Hội Phú xã An Ninh, quận Tuy An, một

(1) Tác giả viết bài này vào năm 1964.

(2) Trấn Biên không phải là một tên riêng. Về thời chúa Nguyễn mới vào Nam, phần đất nào ở giáp nước địch thì gọi là Trấn Biên dinh. Vì vậy, bờ cõi càng mở mang thì dinh Trấn Biên được lùi dần vào phía Nam.

thôn ở trên bờ sông cách xa bờ biển chỉ non vài cây số, sẽ có dịp thăm viếng một ngôi thành cổ, nơi cách đây 335 năm (1) đặt lỵ sở đầu tiên của quan trấn thủ Phú Yên.

Nguyên năm 1629, Chủ sự Văn Phong cầu kết với người Chiêm Thành làm phản, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên sai quan Phó tướng Nguyễn Phúc Vinh vào đánh dẹp. Sau khi đã trừ được Văn Phong, Nguyễn Phúc Vinh được cử làm Trấn thủ dinh Trấn Biên (2), lo xây thành đắp lũy để phòng thủ cho vùng đất mới này.

Dinh **Trấn Biên**, cơ quan đầu não của nhà cầm quyền Phú Yên lúc bấy giờ, được lập tại thôn Hội Phú, trên bờ phía Bắc sông Cái. Căn cứ vào các vết tích còn lại, thành được xây bằng gạch, đá nhồi với vôi cát, hiện nay nhiều chỗ chiều cao còn khoảng một người đứng. Lúc đầu thành được xây vào giữa hai nhánh sông, nhánh phía Bắc nhỏ, nhánh phía Nam lớn. Về sau dân chúng đắp đập ngăn nước ngang núi Sơn Chà trên nhánh lớn để làm ruộng, nước sông Cái chảy dồn về phía Bắc, làm cho nhánh sông này ngày một rộng ra, nước chảy mạnh, khiến bờ sông phía thành cứ lở dần, lở dần, đến nỗi ngày nay, hơn nửa diện tích của thành đã bị giòng nước lôi ra biển cả. Căn cứ vào một chiều của thành còn lại, ta ước đoán thành được xây theo hình vuông, mỗi chiều vào khoảng 300 thước. Từ hồi phong trào Cần Vương chống Pháp nổi lên ở Phú Yên, các văn thân đã cho phá đá, gạch ở thành mà xây một cái nghĩa trang ở đây để thờ các chiến sĩ Cần Vương tử trận và biến thành làm nơi nghĩa địa. Tới nay nhiều ngôi mộ đã bị lở xuống sông.

Vị trí của thành cũ Phú Yên được Giáo sĩ Đắc Lộ (1)

(1) ALEXANDRE DE RHODES.

ghi trên bản đồ của ông xuất bản năm 1653, với danh hiệu Dinh Phaoan, tức là Dinh Phú An vậy. Vị trí này được lựa chọn là vì nó ở vào một nơi tương đối đông dân cư nhất tỉnh Phú Yên, lại gần biển, việc tiếp tế được dễ dàng, vì phương tiện chuyển vận thời bấy giờ chỉ có đường biển từ Qui Nhơn vào là thuận tiện hơn cả và nhanh chóng.

Từ ngày được xây cất, trải qua mấy đời Chúa Nguyễn đến nhà Tây Sơn, thành này được làm nơi thủ phủ của tỉnh Phú Yên, và vùng Hội Phú cũng đóng một vai trò quan trọng trong mọi cuộc sinh hoạt của dân chúng. Đến đời Minh Mạng, thành này bị phế bỏ dời về thôn Long Uyên (1) nay là thôn An Thổ xã An Dân, bên kia bờ sông Cái, và để đối chiếu với thành mới này, thành kia được dân chúng quen gọi là Thành Cũ, xóm sở tại cũng được mệnh danh là xóm Thành Cũ. Về phía Đông Thành Cũ, có một xóm nữa nằm sát bờ sông, gần biển Vũng Lắm mang tên là Xóm Thủy, có lẽ đây là địa điểm đóng thủy quân trước kia.

Thành Mới được xây tại thôn An Thổ, dưới triều Minh Mạng theo kiến trúc VAUBAN (2). Thành xây bằng đá và vôi, cao chừng hai thước tây, dày độ 8 tấc, hình vuông, mỗi chiều hơn 200 thước. Xung quanh thành có hào sâu và rộng. Tại mỗi mặt thành có xây cửa ra vào, gọi là cửa Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Phía ngoài cửa tả có một bầu gọi là bầu Cửa Tả. Tại mỗi

(1) Long Uyên, An Thổ, trước kia là một thôn. Đời Duy Tân mới cắt ra làm hai.

(2) Loại thành này do viên sĩ quan kỹ sư người Pháp tên là OLIVIER sáng tạo ra. Các thành ở Việt Nam xây dưới thời Gia Long và Minh Mạng đều theo kiểu này cả.

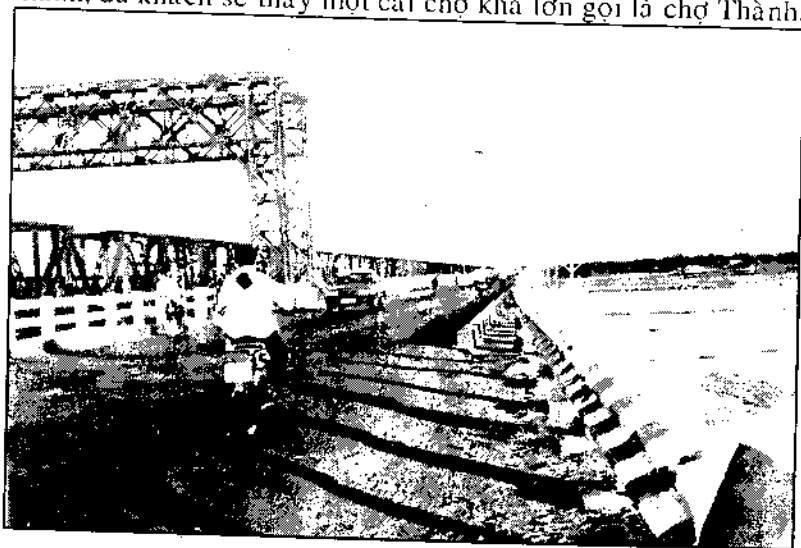
(3) Nay quận lỵ Tuy An đã dời về ấp Phú Tân, trên bờ đầm Ô Loan.

cửa thành, ở phía ngoài có một cái miếu thổ thần, hiện nay dân chúng vẫn hương khói thờ cúng.

Hồi kháng chiến 1946 - 1954, thành này đã bị phá hoại, nay chỉ còn loang lổ những khúc tường đổ nát mà thôi.

Năm 1888, dưới thời Pháp thuộc, Tỉnh đường Phú Yên bị dời ra Vũng Lấm, thôn Tân Thịnh xã An Thọ ngày nay để được gần Tòa Sứ Pháp lập tại đây năm 1887, thành ở An Thổ được dùng làm phủ lý Tuy An cho đến năm 1954, quân lý Tuy An chuyển qua Chí Thạnh, (3) thành này lại được dùng làm trụ sở xã An Dân.

Tại An Thổ, ngoài những di tích còn sót lại của bức thành, du khách sẽ thấy một cái chợ khá lớn gọi là chợ Thành,



Cầu xe lửa và cầu xe hơi Đà Rằng

Chương IV

Nhân vật

Qua phần địa lý thiên nhiên, chúng ta đã thấy được vị trí của Phú Yên tựa như một căn phòng rộng rãi, ba phía là núi non trùng điệp, đèo cao hiểm trở, còn một phía là biển cả bao la. Địa thế ấy đã ảnh hưởng sâu xa đến tâm tình và phong độ của người dân Phú Yên.

Tự ngàn xưa, người dân Phú Yên lấy nông nghiệp làm căn bản, với ruộng đồng nằm hai bên bờ các con sông lớn như sông Cái, sông Ba, sông Bàn Thạch, với rẫy bãi trên các sườn đồi thẳng cánh cò bay, người dân ở đây đủ sức tự túc về mọi phương diện ăn mặc và ở. Do đó bản tính người dân Phú Yên hiền lành như ruộng lúa nương khoai, thật thà chất phác như chiếc bánh tráng, không che dấu, không khách sáo, nhưng cũng không đến nỗi cộc cằn thô lỗ. Đức tính thật thà hiền hậu ấy nhiều khi làm cho khách phương xa mới tới có thể hiểu lầm mà cho rằng quê mùa. Ai ở lâu mới nhận thấy được thực chất của cái đức tính thuần túy dân tộc tiềm tàng trong dân chúng.

Mỗi lần ngược mắt nhìn ra tứ phía, nào gặp đèo cao núi rậm, biển rộng bao la, đường đi ra khỏi tỉnh thật muôn vàn khó khăn, nên người dân Phú Yên đã nuôi sẵn từ lâu cái tinh thần an phận thủ thường, sống theo nề nếp thanh đạm, không có hoài bão to tát, miễn sao được yên ổn làm ăn là đủ. Vì vậy ngày xưa

người dân Phú Yên ít ai dám nghĩ đến việc xuất tỉnh làm ăn hay học hành, do đó mà nhân tài không có cơ hội phát triển, văn hóa bị đình trệ. Nếu ta chịu khó gở quyển Quốc triều đăng khoa lục, chúng ta sẽ không thấy một vị đại khoa nào xuất thân ở mảnh đất vừa phú lại vừa yên này cả.

Cũng vì cuộc sống vật chất tạm gọi là đầy đủ nhờ vào điều kiện thiên nhiên như chúng ta vừa thấy, văn hóa thế không phát triển, cho nên nếp sống của người dân Phú Yên rất đơn giản, không cầu kỳ, không chuộng hình thức, ít phân biệt giai cấp. Ngay đến các ông hào lý ngày xưa ở cái đất Phú Yên này cũng không lên mặt ta đây, không hách dịch với dân. Ngoài việc quan ra, nếp sinh hoạt của họ cũng như người dân thường. Chúng ta hãy xem đây hình ảnh của một ông lý trưởng :

Tiếng đồn ông xã Hà Lờ (1)

Hai vai quảy vẹt (2) dạo bờ bắt cua.

Thật là đơn giản, thật là mộc mạc. Trong lúc tại nhiều địa phương khác, ông lý ông hương, áo the quần trắng, đầu đội nón chóp bạc, chân đi giày hạ láng bóng, tay cầm roi song, miệng hét ra lửa, thì ở đây, ông lý cũng đi bắt cua cá ngoài đồng như một bác nông phu. Còn một sự bình đẳng dân chủ nào bằng !

Người dân Phú Yên cũng ít bốn ba tháo vát như các nơi khác. Tuy nhiên đất lành thì chim đậu, người các nơi lại thường đến Phú Yên làm ăn buôn bán. Nào là những tay buôn ghe từ miền Đồng Nai, Bình Thuận theo gió mùa, chở cá mắm ra đây bán, rồi lại mua các thứ lâm thổ sản chở về. Nào là chàng trai Bình Định vào Phú Yên sinh cơ lập nghiệp, mang tới đây nhiều

(1) Nay là thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, quận Hiếu Xương.

(2) Cái giỏ bắt cua *đan* theo hình con vẹt. Dân chúng địa phương thường gọi tắt là vẹt.

hình thức sinh hoạt văn hóa và nghề nghiệp, chẳng hạn như việc dạy học, các điệu hò bài chòi, hát bội, các nghề thủ công. Chính vì những chàng trai các nơi đến đây lập nghiệp mà cô con gái Phú Yên trở nên đề tài tranh chấp của họ. Kể lấy được cô con gái Phú Yên thì vui mừng, vì đã gặp được người vợ hiền lành, chất phác, quen việc đồng áng, chịu khó chịu chồng nuôi con. Người không lấy được thì tìm cách chế nhạo cho bỏ cơn ghen. Bởi cái thói tình đó, mà cô con gái Phú Yên trước đây đã phải chịu lấy những lời chua chát như :

Tiếng đồn con gái Phú Yên.

Đồng Nai đi cưới một thiên cá mèi.

Không tin gỡ thử lên coi,

Rau răm ở dưới cá mèi ở trên.

Qua lời lẽ trong câu ca dao, chúng ta cũng đã rõ ai là tác giả của nó rồi. Nói mỉa mai như thế vẫn chưa hả cơn ghen, chàng trai Bình Định lại còn giáng thêm một đòn nữa cũng khá sâu cay :

Con gái Phú Yên một tiền ba đứa !

Nhưng cô gái Phú Yên đâu phải tay vừa. Khi ai đối xử tử tế thì họ rất dịu hiền, ngoan ngoãn, nhưng khi bị nhạo báng quá đáng, các cô cũng biết trả đũa một cách sắc sảo. Để đáp lại, các cô không ngại ngừng gì mà không thốt ra lời :

Gái Bình Định quá lứa theo không !

Sự thực thì các cô gái Phú Yên nào có rẻ mạt như thế đâu, xin du khách đừng lầm tưởng. Muốn cưới một cô làm vợ, chàng trai phải thi hành đầy đủ lễ nghi mới mong chiếm được trái tim người yêu. Đây là điển hình của các lễ nghi ấy mà một chàng trai hình dung ra và trình bày cho người đẹp biết trước :

Một năm chọn một tháng,
Một tháng toán được một ngày.
Tỷ, Ngọ năm nay coi ngày Đinh Sửu,
Sấm mâm trầu rượu tề tựu giao duyên.
Chút tình anh tỏ thiệt hơn đôi đường,
Cây nhang bát nước bình hương.
Huyền đăng bạch lạp đầu đường sáng trưng,
Rượu trà bình cúc kính dâng.
Hợp thâu bình bát để chưng nửa lừng,
Gối loan chén phụng ba từng.
Kỷ rỗng chén phụng đặt bày vui thay.
Hai bên nhiều gấm trình bày,
Bình phong chạm cẩn để xây ba dòng.
Tam sơn bằng trắc ngũ sự bằng đồng,
Liên chạm mai đĩnh ba giòong tốt tươi.
Phụ mẫu anh chíp miệng liền cười,
Mừng cho con trẻ gặp người hữu duyên.
Phụ mẫu bên anh rót rượu ra liền,
Mời phụ mẫu bên em uống chén để tiền nghinh hôn.
..... (1)
Bước vô vệt trưởng nghi môn khậu bàn.
Hai khay trầu rượu ngang hàng,

(1) Câu này bị quên, khảo cứu chưa ra.

*Hai sui dùng vái thiếp với chàng lạy chung.
Ngoài sân pháo nổ dùng dùng,
Ngựa xe giù dép họ hàng bước vô.
Phen này Hán mới gặp Hồ,
Lọng hoa ra rước tống bô phết vàng.
Bốn phía nhà hạc sáo kêu vang,
Phụng đua nhan sắc tào khang trăm màu.
Mở miệng mời quý tộc ăn trâu,
Nguyên cầm chén rượu rể dâu ra mừng.
Mừng rồi sắm sửa mâm chưng,
Dâng lên một tiệc cúng ông tơ hồng.
Vái cho nên vợ nên chồng,
Đôi ta ăn nói phòng trong bước vào.
Cha mẹ rày hết ước hết ao,
Cha mẹ mừng rỡ như sao mùa hè.
Họ ra về quất ngựa quanh xe,
Đôi ta đưa họ họ về bốn hương.*

Một đám cưới như vậy thật là đầy đủ lễ nghi cổ truyền. Cưới được cô vợ Phú Yên phải đâu quá dễ dàng. Và cụ thể hơn hết, một cuộc cưới hỏi khá độc đáo mà dân chúng địa phương đã ghi nhớ qua câu ca dao sau đây :

*Tiếng đồn Hộ Tịnh giàu lâu,
Gả con Thông Lý đưa dâu bằng bò.*

Hơn nữa đi sâu vào từng vùng, chúng ta thấy rằng cô con

gái Phú Yên cũng rất duyên dáng, khiến cho khách tứ phương đến đây như chim mắc nhựa, quên cả ngày về. Bởi vì :

Sông Cầu đất thấp cao nền,

Ai qua đến đó cũng quên cửa nhà.

Câu ca dào ẩy rất vần tắt, nhưng bao hàm một nội dung khá phong phú để tả cái sức quyến rũ của các cô gái Sông Cầu. Nói rằng Sông Cầu, nhưng thực ra là các cô ở vùng Gò Duối xã Xuân Lộc. Du khách có tới đây mới thấy được câu ca dao trên đây là đúng. Gò Duối là một nơi xưa kia rất phát đạt về nghề dệt lanh, dệt gấm. Con gái ở đây quanh năm ngày tháng chỉ quanh quẩn trong nhà, nước da trắng mịn, khuôn mặt trái xoan, làn tóc xanh mượt và mềm mại như ngọn cỏ mùa xuân. Vì là nơi sản xuất lanh gấm là loại hàng quý giá, khách hàng đều thuộc tầng lớp thượng lưu, quý phái, nên sự thù tiếp của dân chúng địa phương cũng thanh nhã hơn, giọng các cô trả lời khách cũng nhẹ nhàng, thánh thót như tiếng oanh vàng thỏ thẻ, cảm được người nghe.

Ngoài ra, ghé qua vùng Mỹ Thạnh, du khách sẽ gặp những cô con gái đi chợ về hoặc ra đồng làm việc, cô nào cũng tươi trẻ như hoa, ăn nói dịu dàng và y phục đồng màu, đồng kiểu, kẻ vô tình đến đâu cũng không thể làm ngơ được. Bởi vì ai mà lại không biết :

Trai Ngũ Thạch (1)

Gái Bàu Hương.

Nhưng ở đâu cũng có kẻ tốt người xấu, kẻ hay người dở.

(1) Ngũ Thạch là năm thôn có mang chữ Thạch là Thạch Châm, Thạch Tuấn, Bàn Thạch, Thạch Lương, Thạch Yên (nay là Hảo Sơn). Con trai vùng này có tiếng học giỏi.

Non nước Phú Yên

Bên cạnh những cô con gái thùy mị, nét na ấy, cũng có những nơi các cô lẳng mạn, lẳng lơ khiến người ta phải than rằng :

Nhất gái La Hai

Nhì trai Đồng Nghệ (1)

Lại có những cô hư hỏng, không ngần ngại thuốc chồng đến chết để theo trai, khiến cho thiên hạ thành kiến đối với cả một vùng. Vì thế mà có câu :

Chớ lấy vợ Gò Cà (2)

Chớ đá gà Mỹ Phú (3)

Trên đây là nói chuyện ngày xưa. Từ ngày con đường xe lửa xuyên Việt cũng như đập nước Đồng Cam được xây dựng, số người các nơi đổ xô về Phú Yên ngày một thêm đông, làm cho đời sống của người dân ở đây chịu ảnh hưởng sâu đậm. Ngày nay, ngọn gió văn minh đã thổi đến Phú Yên, khiến cho hình ảnh Phú Yên không còn như xưa nữa. Việc học hành mở mang số sinh viên theo bậc Đại học ngày thêm đông, trường trung tiểu học trong tỉnh ngày một thêm nhiều, đời sống của dân chúng được nâng cao, tận nơi hang cùng ngõ hẻm, người ta cũng đã xài máy thu thanh, ngồi xe gắn máy, đi khách bằng la de củ kiệu, các cô gái đồng quê cũng đã biết phi dê tóc, bận áo thắt eo, tay mang đồng hồ, chân đi giày cao gót, chẳng thua kém gì đồng bào trong toàn quốc.

Mặc dầu xưa kia ở trong một hoàn cảnh khá đặc biệt như đã trình bày trên, ngay từ ngày mảnh đất này gia nhập vào lãnh thổ Việt Nam, người dân Phú Yên cũng đã chia xẻ cùng đồng bào trong nước những giờ phút thăng trầm của Tổ quốc, người

(1) Thuộc xã Xuân Sơn quận Đồng Xuân.

dân Phú Yên đã, đang và sẽ góp sức vào công cuộc bảo vệ, bồi đắp và tô điểm giải non sông gấm vóc này. Trong quá trình phụng sự Tổ quốc, nhiều người đã lưu lại tên tuổi trong sử sách hay nơi cửa miệng dân chúng, làm vẻ vang cho xứ sở, mà sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số nhân vật điển hình cho mỗi thời đại :

ÔNG LƯƠNG VĂN CHÁNH

Nhân vật được xếp lên hàng đầu ở tỉnh Phú Yên là ông Lương Văn Chánh, vì ông là người đã có công rất lớn trong việc mở mang và xây dựng tỉnh này.

Hiện nay, chưa có một tài liệu nào nói rõ về lai lịch của ông, kể cả quyển gia phả của họ Lương tại ấp Phụng Tường. Sau khi tham khảo các tài liệu lẻ tẻ, chúng tôi có thể tóm tắt như sau : ông Lương Văn Chánh không biết gốc gác ở đâu, nhưng vì ông theo phò Trịnh Tùng đánh nhà Mạc, ta có thể dự đoán ông ở vùng Thanh Nghệ. Ông là một tướng lĩnh có tài vào hồi trung hưng nhà Lê, lập được nhiều chiến công, làm quan đến chức Thiên vũ vệ Đô chỉ huy sứ, sau được cử vào trợ giúp Nguyễn Hoàng.

Chúng ta đều biết rằng khi vào trấn đất Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng chỉ có uy quyền đến đèo Cù Mông, còn đất Phú Yên tuy đã được vua Lê Thánh Tông chinh phục năm 1470, nhưng sau khi Ngài rút quân, người Chiêm Thành trở lại. Vì lẽ đó, năm Mậu Dần (1578), niên hiệu Quang Hưng nguyên niên, Nguyễn Hoàng mới cử ông Lương Văn Chánh làm Trấn biên quan, đem quân vào đánh Chiêm Thành, phá thành Hồ, lấy lại phần đất Phú Yên, đồng thời chiêu mộ lương dân ở các tỉnh Thuận Quảng vào lập nghiệp tại ba địa điểm quan trọng nhất và phì nhiêu nhất nhờ có ba con sông lớn là vùng Bà Đài, nay là hạt Xuân Đài bao gồm phía Nam quận Sông Cầu và phía Bắc

quận Tuy An, Bà Diễn nay là vùng Tuy Hòa và Bà Nông nay là vùng Hiếu Xương.

Ông có cái công chiêu dân lập ấp như vậy, cho nên về sau, nhân dân Phú Yên đều tôn ông làm Thành Hoàng. Trong tất cả các làng, hàng năm xuân thu nhị kỳ, ông được thờ cúng ngang hàng với bà Thiên Y A Na chúa thiết. Trong các bài văn tế, khi nào người ta cũng nhắc tới ông là : “Tiền Trấn biên dinh Tham đốc tướng Lương quới phủ Phò Quận công” rồi mới đến bà “Thiên Y A Na Rằng chúa Ngọc Bà Thánh mẫu nương vương” hay “Thiên Y A Na Diễn chúa Ngọc phi”.

Người ta kể lại rằng, khi vào công cán vùng Phú Yên, ông Lương Văn Chánh hay dùng mưu chước để chiến thắng quân thù. Chẳng hạn như ông thách đố người Chiêm Thành xây tháp (1), hoặc khi quân ông đóng ở Gò Lớn mà người ta gọi là Gò Kiến Điểm ở thôn Phước Khánh, xã Hòa Trị, ông chỉ có 15 người cận tướng bên mình, bị quân Chiêm Thành đến vây, ông bèn hô lớn để điều động quân lính theo lối nghi binh như sau :

Tứ hải tam sơn hộ bát tiên,

Cửu long ngũ hổ hộ nhất nhơn,

Nhị thất quân phò lục tướng. (2)

Quân địch nghe ông hô vang như vậy, tưởng lầm rằng ông điều động quân của các đơn vị đến nghinh chiến, sợ quá bỏ chạy hết.

Sau khi đã chiếm hẳn vùng này, muốn cho người Chăm quy phục mà không nghĩ đến chuyện nổi dậy, ông thường dùng

(1) Xem lại Tháp Nhạn ở ục Cổ Tích.

(2) Nếu kẻ 9 ô, mỗi ô ghi một con số trên đây, ta sẽ thấy chiêu nào cộng lại cũng là 15.

phù phép chữa bệnh hay trừ tà, do đó người ta thường gọi ông là ông Phù Già.

Tại thôn Vạn Lộc, xã Hòa Mỹ, quận Hiếu Xương còn lại một cổ tích gọi là vườn tre ông Phù Già. Căn cứ vào địa thế của nó, ta có thể dự đoán rằng đây là một cái đồn do ông Lương Văn Chánh đã lập ra sau khi hạ được thành Hồ (1) ở thôn An Nghiệp. Đồn này nằm trên con đường đi vào Khánh Hòa, là tiền đồn phòng thủ cho đất Phú Yên.

Vườn tre này rộng khoảng ba mẫu ta, hình chữ nhật, ở giữa không còn vết tích gì nữa, vì người ta đã cày thành đất trồng khoai và mía, lại hồi kháng chiến đồng bào rủ nhau đến đây đào xới tìm vàng. Ngày nay chỉ còn lại một gốc cây cổ thụ to lớn, mà thân cây đã bị người ta cưa làm ván, chắc rằng ngày xưa rộng và cao hơn, vì trải qua mấy thế kỷ nay, phần vì mưa gió, phần bị phá phách, nên chỉ còn lại như vậy.

Sở dĩ chúng tôi dám kết luận nơi đây là một cái đồn, vì phía Nam vườn tre có một cánh đồng tục gọi là Lũy Choại xứ. Lũy là bờ thành, Choại là thoải thoải, không cao lắm.

Sau về già, ông Lương Văn Chánh chết tại ấp Hy Nguyên, xã Phụng Tường vào ngày 19 tháng 9 âm lịch, không rõ năm nào, được tặng phong Phò Quận Công. Năm Chính Hòa niên hiệu Vĩnh Hựu được phong thần. Năm Minh Mạng thứ ba, gia phong Tráng Du Công Vũ linh ứng thượng đẳng thần. (2)

Ông cùng với bà vợ là Lê Thị Liếng (hay Lang) sinh hạ được 4 người con, mà ba người được phong đến tước Hầu (Vĩnh Lộc Hầu, Quảng Xuyên Hầu và Thọ Khương Hầu).

(1) Xem lại phần Cổ Tích.

(2) Tác giả rất tiếc là không lên miếu để xem và chụp ảnh các đạo sắc được, vì vùng đó mất an ninh.

Ngày nay trên núi Phụng Tường có miếu thờ, ruộng tự điền có đến hàng mấy chục mẫu. Có mấy câu đối sau đây để đề cao sự nghiệp của ông :

Hồng Đức thiên biên tôn sự nghiệp

Phụng Tường miếu mào đối sơn hà.

Hoặc là :

Lễ nhạc ưu ưu Đà thủy diễn,

Huân danh ngọt ngọt Cầm sơn cao.

Hoặc là :

Công tộc thủy nguyên lưu tự giáp

Phụng Tường lân chỉ biệt thành tôn.

THẦY GIẢNG AN-RÊ PHÚ YÊN(1)

Thầy không rõ tên thực là gì, chỉ biết tên thánh là An-Rê, và để không lộn với các vị khác trùng tên, về sau người ta thêm vào hai tiếng Phú Yên. Thầy sinh khoảng năm 1625 tại vùng họ Thiên chúa giáo Măng Lăng. Thầy là con út một gia đình nông dân đông con, được cha Đắc Lộ rửa tội năm 1641.

Trong một đoạn văn, cha Đắc Lộ có nói về thầy giảng An-Rê như sau : “Thầy bản tính hiền lành, trong sạch, ngay thật, rất có khả năng chịu mọi tác dụng của ơn thánh hóa. Mới chịu phép rửa tội chưa bao lâu, thầy đã miệt mài trên đường nhân đức, và đã tiến bộ mau chóng, đến nỗi chỉ trong thời gian ngắn đã đạt được trình độ mà người khác phải nhiều năm mới đạt tới.”

(1) Tài liệu lấy trong tập Người Chứng Thứ Nhất của Phạm Đình Khiêm.

Thế rồi năm 1642, khi cha Đắc Lộ trở lại Phú Yên, An-Rê ngỏ ý muốn đi theo ngài để giúp việc truyền giáo. Lúc đầu cha không bằng lòng, vì hồi đó còn có lệnh cấm đạo Thiên Chúa, đi đông người sợ bất tiện, vả lại An-Rê còn ít tuổi quá. Nhưng với sự nài nỉ xin đi một cách thành khẩn của An-Rê, cha Đắc Lộ cuối cùng phải cho đi theo.

An-Rê được đưa ra Hội An để học trong trường các thầy giảng. Ngoài việc tu luyện nhân đức, và học tập giáo lý bằng chữ quốc ngữ, chữ nôm và chữ Hán, các thầy giảng còn được học các khoa kinh sử cổ điển để mở rộng kiến thức. Thầy giảng An-Rê đã tỏ ra xuất sắc nhất.

Trong khi theo đuổi việc tu đức và học vấn, thầy giảng An-Rê lại chăm lo làm việc phân xác, một phương tiện thánh hóa rất hiệu nghiệm.

Qua năm 1643, nhân có một chiếc tàu buôn Bồ Đào Nha ghé Hội An, cha Đắc Lộ mới tổ chức lễ khấn hứa cho các thầy giảng, trước khi xuống tàu tạm lánh khỏi Việt Nam, vì lúc đó lệnh cấm đạo còn nghiêm mật. Sau khi dự lễ xong các thầy giảng được chia làm hai đoàn, một đoàn đi về phía Bắc đến tận sông Gianh, một đoàn đi về phía Nam tận đèo Cả để truyền giáo. Thầy giảng An-Rê gia nhập đoàn đi lên.

Thoạt đầu, đoàn phía Bắc hoạt động ở Thuận Hóa dưới quyền điều khiển của thầy giảng Y Nha Xô. Ít lâu sau, đoàn ra Quảng Trị. Đi đến đâu, thầy giảng An-Rê cũng tỏ ra sốt sắng trong sứ mạng mà Chúa đã ban cho. Sau ba tháng đi giảng, các thầy trở về Đà Nẵng để gặp lại cha Đắc Lộ mới đáp tàu tới đây.

Sau khi cha con gặp nhau với bao nỗi vui mừng, cha Đắc Lộ cùng thầy giảng ra Thuận Hóa, rồi Quảng Bình để giảng đạo. Thầy giảng Y Nha Xô và An-Rê đã không quản nguy hiểm, vượt đường ranh giới qua thăm các giáo hữu thuộc miền đất chúa

Trịnh. Một thời gian sau, cha Đắc lộ và các thầy giảng trở lại Hội An.

Bấy giờ viên Cai Bộ dinh Quảng Nam vốn thù ghét những người có đạo Thiên Chúa, lại vâng lệnh mật ở phủ chúa, bèn ra lệnh đi bắt thầy giảng Y Nha Xô là trưởng đoàn. Nhưng khi quân lính tới nơi, cha Đắc Lộ và thầy đã đi thuyền lên Dinh Trấn, nên thầy giảng An-Rê đã ra hứng chịu mọi sự trừng phạt của nhà cầm quyền lúc bấy giờ. Thầy bị bắt giải về dinh Trấn Thủ và bị kết án tử hình, vì thầy không chịu bỏ đạo.

Ngày 26 tháng 7 năm 1644, thầy giảng An-Rê Phú Yên đã được cái vinh dự là vị thánh tử đạo đầu tiên của Thiên chúa giáo ở Đàng Trong, nêu cao đức tin cho người đồng đạo đương thời và hậu thế noi theo.

Sau khi bị chém đầu, thi hài của thầy được người bốn đạo đưa lên một chiếc tàu của người Bồ Đào Nha chở qua Áo Môn lưu giữ tại nhà thờ Dòng Tên, rồi chuyển qua tòa Giám mục cho tới ngày nay. Còn thủ cấp thì được cha Đắc Lộ bỏ vào hộp mang theo bên mình, và sau được cha đem qua La Mã trình Tòa Thánh. Sau đó được để tại Tòa Bê Trên Cả Dòng Tên, nay vẫn còn.

LIỄU QUÁN HÒA THƯỢNG (1)

Hòa Thượng họ Lã húy Thiệt Diệu, hiệu Liễu Quán, người làng Bạc Mã, huyện Đồng Xuân (tức thôn Trường Xuân, xã An Thạch, quận Tuy An bây giờ). Ngài mồ côi mẹ từ lúc 6 tuổi, thân sinh ngài cho xuất gia học đạo với Tế Viên Hòa Thượng ở chùa Hội Tôn (tức chùa Cổ Lâm xã An Thạch). Được 7 năm thì Tế Viên Hòa Thượng tịch. Nhưng ngài lập chí du phương học

(1) Tài liệu rút trong cuốn “Phật giáo sử lược” của Thượng tọa Mật Thích.

đạo ra Thuận Hóa xin học với Giác Phong Lão Tổ ở chùa Báo Quốc, sau đó một năm, nhằm năm Tân Mùi (1691), ngài phải trở về cố hương, hái củi sinh nhai, phụng dưỡng cha già. Sau 4 năm phụ thân ngài tạ thế, niếm hiếu đạo tạm xong, qua năm Ất Hợi (1695), Ngài lại trở ra Thuận Hóa thọ Sa Di Giới với Thạch Liêm Hòa Thượng. Rồi từ năm Kỷ Mão (1699) ngài đi tham lễ khắp thiên lâm, chịu biết bao điều khó khăn đạm bạc. Đến năm Nhâm Ngọ (1702) ngài đến Long Sơn vào bái yết Tử Dung Hòa Thượng cầu dạy pháp tham thiền. Hòa thượng dạy ngài tham câu : “Vạn pháp quy nhất nhất quy hà xứ ?” Nghĩa là muôn pháp là một, một về chỗ nào ?

Ngài ngày đêm tham cứu, suốt tám chín năm trường, mà chưa lãnh hội được đạo lý, trong lòng lấy làm tầm quý. Rồi một hôm nhân đọc câu : “Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ” trong quyển Truyền Đăng lục, ngài thoát nhiên tỏ ngộ. Mùa xuân năm Mậu Tý (1708), Ngài đến Long Sơn xin trình bày công phu tu tập và sự tỏ ngộ của mình, để cầu Hòa Thượng Tử Dung ấn chứng.

Sau nhiều lần khảo vấn nghĩa lý cao sâu về Phật pháp, Hòa Thượng Tử Dung nhận thấy ngài Liễu Quán quả đã đến chỗ biện tài lanh lẹ, lâm cơ ứng biến, như nước với sữa rất là phù hợp, lấy làm vui mừng và ấn khả cho Ngài. Từ đấy Ngài thường ra vào ở Huế và Phú Yên để giáo hóa giắt dìu biết bao kẻ tăng người tục, mà không hề nại sự gian lao.

Khi ở Phú Yên, Ngài hóa độ rất nhiều và khai sáng ngôi Tổ Đình Bửu Tịnh tại thị xã Tuy Hòa ngày nay. Trong hàng tử đệ của Ngài ở Phú Yên có ngài Tế Duyên Hòa Thượng khai sơn chùa Kim Cang, Tế Căn Hòa Thượng khai sơn chùa Hồ Sơn, Tế

Võng Hòa Thượng khai sơn chùa Bình Quang, và Tế Hẩu Hòa Thượng là vị kế tổ ngôi chùa Bửu Tịnh.

Các năm Quý Sửu, Giáp Dần, Ất Mão (1733, 1734, 1735), Ngài nhận lời thỉnh cầu các vị trong sơn môn, cùng các bậc tế quan, cư sĩ ở Huế, dự 4 lễ lớn Đại Giới Đàn. Đến năm Canh Thân (1740) Ngài tấn đàn Long Hoa phóng giới, rồi trở về núi Thiên Thai khai sinh ngôi chùa Thuyền Tôn, rồi thường trú luôn ở đó. Thuở ấy Nguyễn chúa Minh Vương rất yêu mến đạo đức của Ngài, thường mời vào cung đàm đạo, nhưng Ngài vẫn từ chối không muốn lui tới chốn quyền môn. Mùa xuân năm Nhâm Tuất (1742) Ngài lại dự lễ Giới Đàn ở chùa Viên Thông, cuối mùa Thu năm ấy, Ngài Thụ bệnh, gọi môn đồ đến mà dạy rằng : “Nhân duyên đã hết, ta sắp tịch đây”. Khi ấy môn đồ đều khóc, Ngài dạy : “Các người khóc mà làm gì, Chư Phật ra đời khi cơ duyên viên mãn còn nhập Niết Bàn, ta nay đi lại rõ ràng, về tất có chỗ, các người không nên khóc và đừng nên buồn thảm lắm”.

Đến tháng 11 trước khi tịch mấy ngày, Ngài ngồi dậy vững vàng, tự cầm bút viết bài kệ từ biệt, dịch nghĩa như sau :

Ngoài bảy mươi năm trong thế giới,

Không không sắc sắc thấy dung thông.

Ngày nay nguyện mãn về nơi cũ,

Nào phải ân cần hỏi tổ tông. (1)

Sau khi ngài viết bài kệ xong, bảo môn đồ rằng : “Sau khi ta đi, các người phải nghĩ cơn vô thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu học, trí tuệ, các người hãy nên gắng tới, chớ bỏ quên lời”. Đến ngày 22 âm lịch, buổi mai, sau khi dùng nước

(1) Lời dịch của Thượng tọa Thích Mật Thế.

trà và các đồ đệ hầu chuyện cùng lễ xong, ngài hỏi giờ, đệ tử thưa giờ mùi, thế là ngài vui vẻ thị tịch.

Nhà chúa nghe tin, sắc ban bia ký và tứ hiệu là “ĐẠO HẠNH THUY CHÁNH GIÁC VIÊN NGỘ HÒA THUỢNG”.

BA ANH EM HỌ MAI

Khi nhà Tây Sơn khởi nghiệp, chúa Nguyễn Ánh bị đánh đuổi khắp nơi. Một hôm, Nguyễn Vương bị thua chạy tới sông Đà Rằng, gần chỗ cầu Ông Chừ ngày nay, cốt tìm đường vào thành Diên Khánh.

Khi tới đây, Vương không thuộc đường sá, thấy có ba người nông dân đang cày ruộng, bèn đứng trên bờ mà nói rằng:

— Đường đi vào thành Diên Khánh đi ngã nào, các người có biết chỉ giùm ta.

Một người trong bọn hỏi lại :

— Ông là ai mà lại tìm đường vào thành Diên Khánh ?

Biết rằng trong bước đường cùng không thể giấu giếm tung tích được nữa, Nguyễn Vương liền nói thật :

— Ta là chúa Nguyễn, bị quân Tây Sơn đuổi, cần phải vào thành Diên Khánh tìm quân cứu viện.

Nghe nói thế, ba anh em nhà họ Mai lấy làm sung sướng vì được gặp chúa nơi đây, bèn bỏ cả cày, bò, theo vương chạy vào Diên Khánh. Từ đó ba anh em giốc một lòng phò Nguyễn Ánh khôi phục lại giang sơn nhà Nguyễn, có lần đã phải chạy qua Vọng Các cùng vương chia xẻ mọi nỗi đắng cay.

Người nhà chờ mãi không thấy ba anh em về ăn cơm trưa, liền chạy tới chỗ ruộng thì chỉ thấy bò và cày, không thấy

người đầu cả, đồ xô tìm kiếm khắp nơi, nhưng vẫn biệt vô âm tín. Người nhà đình ninh ba anh em xuống sông tắm rồi bị chết đuối, bèn về nhà làm lễ thành phục, viết bài vị lên thờ, hàng năm cứ đến ngày ấy, con cháu làm giỗ.

Không ngờ đến năm 1802, Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn, lên ngôi vua, bèn xét cộng định thưởng cho những kẻ đã theo phò tá mình trong những năm gian lao vừa qua. Anh em họ Mai vì có nhiều chiến công, nên cũng được thăng thưởng. Người anh cả là Mai Tiến Vạn được thăng từ Đốc chiến Cai cơ lên Chưởng cơ và được cử vào trấn thủ trấn Bình Hòa (nay là tỉnh Khánh Hòa), người em thứ hai là Mai Tiến Vĩnh cũng được thăng Chưởng cơ, còn người thứ ba là Mai Tiến Vị được làm Cai cơ. Bấy giờ ba anh em mới xin phép về thăm quê hương ở thị xã Tuy Hòa ngày nay. Khi thấy các ông về, người nhà hết sức ngạc nhiên, bèn dẹp bài vị và bỏ việc cúng giỗ hàng năm.

Các ông về quê nhà, cho xây dựng dinh thự, đến khi chết được mai táng ở gò đất chỗ Ty Công Chánh bây giờ. Vào khoảng 1920, khi thành phố Tuy Hòa được mở mang, bọn Pháp cải táng phần mộ của các ông đi nơi khác, để lấy đất xây dựng hăng Bungalow. Khi đào lên, người ta thấy áo mũ đại trào còn y nguyên, khi đem ra gió mới tan nát.

Ngày nay, nhân dân thôn Bình Hòa xã Tuy Hòa vẫn còn giữ sắc bằng của các ông, và hàng năm xuân thu nhị kỳ, cúng tế để kỷ niệm bậc danh tướng trong làng.

ÔNG CHÂU VĂN TIẾP

Ông Châu Văn Tiếp sinh năm 1738 tại huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định, còn có tên là Đoan Ngạnh. Từ thuở nhỏ ông đã

học nghề võ, sẵn thông minh và có tài, ông trở nên một tay võ nghệ tuyệt luân. Ban đầu ông làm nghề buôn bán, có đi lại giao thiệp với Nguyễn Nhạc.

Năm Quý Tỵ (1773), Tây Sơn khởi nghĩa, ông không hưởng ứng, bèn cùng với người anh là Doan Chủ, và hai em là Doan Chân, Doan Hãn di cư vào hạt Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, tại nguồn Hà Duy, tức là một vùng Thượng trên nguồn sông Cái. Các ông bèn chiêu tập dân chúng được hơn nghìn người, chiếm đóng núi Trà Lang, mục đích phò chúa Nguyễn. Những kẻ hào kiệt được tin, theo về rất đông. Hiện nay ở vùng Vân Hòa còn có dấu tích nền nhà của ông.

Được tin, Nguyễn Nhạc cho người liên lạc, gọi lại tình quen biết trước để mời ông về hợp tác, lại hứa sẽ rước Đông Cung về lập Tân chúa. Ông nhận lời. Nhưng sau Nguyễn Nhạc không chịu lập chúa, có ý giữ mãi ngôi hoàng đế của mình, ông bèn đem hết binh lực trở về Phú Yên, chiếm cứ Trà Lang để chống cự Tây Sơn.

Bây giờ quan Lưu Thủ Long Hồ là Tống Phước Hiệp đang đóng quân ở Hòn Khôi, thuộc tỉnh Khánh Hòa, ông Châu Văn Tiếp cho người vào liên lạc, được đón tiếp niềm nở và giới thiệu với Duệ Tông (tức chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần). Duệ Tông cho Tiếp đem bản bộ lên giữ vùng thượng đạo để cùng với ngự dinh làm thế thanh ứng. Nhờ vậy, khí thế của chúa Nguyễn được tăng lên.

Năm Bính Thân (1776) quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Duệ Tông phải bỏ chạy qua Tam Phú. Nguyễn Ánh quyền quốc chính, cử ông Châu Văn Tiếp làm Khâm sai Đô đốc Chưởng cơ, điều khiển các đạo binh để đánh Tây Sơn. Thế địch còn mạnh, ông phải lui về giữ núi Trà Lang.

Năm Nhâm Dần (1782) quân Tây Sơn lại vào đánh Gia

Định, Nguyễn Ánh phải chạy qua đảo Phú Quốc. Được tin, ông Châu Văn Tiếp kéo binh vào cứu viện, cờ đề bốn chữ “Lương sơn tá quốc”, ông đánh đuổi được quân Tây Sơn, chiếm cứ Sài Gòn, rước Nguyễn Vương trở về.

Qua năm sau, Quý Mão (1783), Nguyễn Huệ vào đánh, ông Châu Văn Tiếp dùng thế hỏa công định đốt thuyền địch, chẳng may bị ngược gió, nên thất bại, phải bỏ chạy. Nguyễn Vương lại qua Tam Phú, còn ông dùng đường núi chạy qua Xiêm xin cứu viện. Nhưng vua Xiêm còn do dự, khiến ông phải theo đường núi trở về. Sau vua Xiêm nghĩ lại, cho người đem binh thuyền đi đón Nguyễn Vương vào nước, ông bèn lập tờ mật biểu khiến người đi theo quân Xiêm dâng lên chúa. Được tờ biểu Nguyễn Vương rất mừng, bèn qua Xiêm để hội đàm.

Khi Nguyễn Vương đến Vọng Các, vua Xiêm lại cho người đi đón ông sang. Trong lúc Nguyễn Vương và vua Xiêm đang hội đàm thì ông đến, ôm đầu gối vương mà khóc nức nở. Vua Xiêm thấy vậy, cảm động mà nói với tả hữu rằng : “Chiêu nam cốc (tức là Thiên vương) có tội như thế, thì ý trời mình cũng hiểu được”, và liền hứa giúp binh cứu viện cho Nguyễn Ánh.

Mùa hạ năm Giáp Thìn (1784) Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về với hai vạn quân và 300 chiến thuyền cứu viện. Châu Văn Tiếp được cử làm Bình Tây Đại đô đốc, điều khiển các đạo quân. Mùa thu năm ấy, ông xuất quân đánh nhau với Tây Sơn trên sông Mân Thịch. Sấn tinh thần dũng cảm, ông nhảy qua thuyền của Trương Văn Đa là phò mã Tây Sơn, chẳng may bị quân địch đâm bị thương nặng. Trước khi chết, ông còn la to lên rằng : “Trời chưa cho bình Tây tặc hay sao ?”

Sau khi ông mất, được phong tặng làm Tả quân Đô đốc phủ Chương phủ sự, tước Quận công. Có bài văn tế truy điệu ông như sau :

“Vạc Đại hạ mùi canh còn lạt, lòng những toan cật sức
điêm mai, (1)

Cuộc trung hưng men rượu đương gầy, thời vận khiến lia
tay cục nguyệt. (2)

Phong quang này ngó thấy ngậm ngùi,

Cơ hội ấy khôn cùng thương tiếc.

Nhớ Tướng quân xưa :

Quốc Sĩ vô song,

Anh hùng hữu chiết

Ngọc non Côn cấu rạng tinh thành,

Vàng son Lệ đúc lòng trung liệt.

Trong thành mông mong lòng bội ám, gối thao linh sương
lạnh trời Tây.

Dưới cờ lưu quyết chí đầu minh, gươm trượng nghĩa bóng
ngời đất Việt.

Ngàn dặm trái lá gan Dục Nhượng (3), nghĩa phù quân đất
võ trời gầy,

Trăm trận phơi cuống mật Tử Long (4), oai dẹp loạn sương
in nắng thét.

Trong khuôn cứu nay quyền ngoại tá chống giềng trời,
cầm mối nước, son nhuộm tâm lòng,

(1) Điêm mai là me muối để nêm canh.

(2) Cục nguyệt là men gầy cơm để nấu rượu.

(3) Dục Nhượng là tôi của Trí Bá, Triệu Tương Tử giết Trí Bá, Dục Nhượng hy sinh thân thể để báo cứu cho Trí Bá.

(4) Triệu Tử Long là tôi của Lưu Bị đời Tam Quốc.

Ngoài chuyên chinh đeo ấn tướng quân, tru đảng nguy,
diệt loài gian, máu dầm mũi bạc.
Đường thượng đạo ải non lân cận, qua sông sâu, lên sóc
mọi, một mình triu triu gánh giang sơn,
Đất Chiên Cầu (1) sông núi gian nan, tìm chúa cũ, mượn
binh Xiêm, tám côi nhờ nhờ oai thích lịch.
Lướt sóng so chèo Tổ Địch (2) dẫm Trung Nguyên, nguyên
sạch ngút trần ai,
Xây tay dựa vách Tử Nghi (3) niềm thiên địa chi dung loài
tiếm thiết.
Lừng lẫy quyết lấy đầu tặc tử, danh tôi còn ngổ đặng
vuông tròn,
Lần lữa khôn hện mấy binh cơ, sao tướng lặn bóng đà mờ
mịt.
Ôi ! Hội mây rồng nữa sạt lở làng !
Duyên tôi chúa trăm năm cách biệt,
Trời Thuận Hóa đàn nhạn còn xao xác, tưởng có ông cứu
chúng khỏi lầm than,
Thành Qui Nhơn tiếng cáo chưa lặng yên, không có gã
cậy ai nhờ đánh dẹp.
Dân dương trông, quân dương mến, trời đất sao phụ kẻ
huân lao ?

(1) Đất Chiên Cầu là một xứ trong nước Xiêm.

(2) Tổ Địch là tướng nhà Tấn lúc qua sông độ binh đánh giặc Hồ (Mông Cổ).

(3) Quách Tử Nghi là tướng nhà Đường đánh dẹp loạn An Lộc Sơn.

Trong chữa trị, ngoài chữa yên, thời vận khiến hại người
hào kiệt.

Đài họa tượng dành rành còn để dấu, tướng hình dung
lòng khiến rã rời,

Bộ tấu công chông chấp hồi ghi tên, đoán công nghiệp lệ
tuôn lọt đợt.

Ngày muôn một tướng còn điêu bái, thân ghi gởi gấm
chốn long oan,

Mỗi năm ba nay đã tóm trâu, quan quách táng an gò mã
lập.” (1)

Ngày nay cụ Đông y sĩ kiêm thi sĩ Đỗ Phong Thuần, hiệu Long Giang cũng có bài thi vịnh ông Châu Văn Tiếp như sau :

Phò đức Cao Hoàng vẹn trước sau,

Cụ Châu Văn Tiếp bức anh hào.

Văn hay khuông tế, thời nguy biến,

Võ giỏi tung hoành, trí lược thao.

Mấy lượt qua Xiêm tìm chúa cũ,

Nhiều phen chống Ngụy, cứu binh trào.

Ra quân chưa thắng thân đã thác,

Để khách anh hùng thăm xiết bao ! (2)

THỐNG CHẾ NGUYỄN NHÂN

Ông sinh ngày Mùi tháng 5 năm Mậu Thân (1798) tại xã

(1) Chép theo sách Thiên Nam nhân vật chí.

Phú Lộc, Thượng tổng, huyện Đồng Xuân, phủ Tuy An, nay là thôn Phong Niên xã Hòa Thắng, quận Tuy Hòa. Tổ tiên của ông gốc ở thôn Phú Phong xã Hòa Đồng, quận Hiếu Xương, đi qua đây lập nghiệp.

Năm Gia Long thứ 17, ông đã 20 tuổi, tình nguyện đi làm lính thế. Trong cuộc đời quân ngũ, ông siêng năng chăm chỉ, lại có can đảm nên được cấp chỉ huy cảm mến. Ngoài ra ông lại còn được một sự may mắn mà tạo hóa dành riêng cho ông, là mỗi lần ông được cử đi đánh giặc, hể đến nơi nào thì tự nhiên nơi đó yên ổn, do đó ông ít phải lao tâm tổn trí đánh giặc, mà nấc thang danh vọng, ông vẫn tiến đều.

Năm Minh Mạng nguyên niên (1820), ông được thăng Long Võ Dinh hậu vệ nhị đội. Đến năm Minh Mạng thứ 14, nhân có loạn Lê Văn Khôi ở Gia Định, ông được cử theo đoàn quân chinh phạt. Đến năm Minh Mạng thứ 16, tháng 4, ông được cấp bằng Ngoại ủy Đội trưởng. Đến tháng 7 cùng năm, nhờ có công hãm thành Phiên An, nơi cố thủ của Lê Văn Khôi, thắng lợi, ông được thăng thiết thọ Đội trưởng, rồi do đề nghị của Bộ binh, nhà vua ban cho chức Chánh Đội trưởng Suất đội.

Sau khi dẹp xong giặc Lê Văn Khôi, ông được đi tỉnh Quảng Nam làm Trung cơ thất đội Chánh Đội trưởng Suất đội. Đến năm Minh Mạng thứ 18, được trở về kinh đô và được ân thưởng bổng tiền. Qua năm sau, ông trở lại quân ngũ, và nhân dịp Ngũ Tuần Đại Khánh, ông được ân thưởng một tháng tiền lương và một cái bài Phi Long.

Đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), ông được cử đi quân thứ ở Lạc Hóa (1), có công, được nhà vua ân thưởng cái bài Phi Long Tiểu Ngân. Qua năm sau, ông lại được cử đi ở

Vĩnh Tế (thuộc tỉnh Hà Tiên), chinh phạt ở núi Thất Sơn, đánh tan bọn Thổ phỉ, được thưởng Quân công kỷ lục nhất thứ.

Cuối đời Thiệu Trị, có giặc Tiêm La, ông được cử từng chinh, lập được công, nên ngoài sự thưởng bằng tiền lương, tháng hai năm Thiệu Trị thứ 7, ông được thăng thụ Thành Thủ Ủy, lại thăng thụ Phấn Võ Vệ Phó Vệ Ủy.

Đến năm Tự Đức nguyên niên, có tang cha, ông xin về quê cư tang ba tháng. Qua năm sau, ông được cử sung Bộ Tiếp Sứ Vụ, đến tháng 8 cùng năm, được phái ra Hà Nội công cán.

Năm Tự Đức thứ 5, tháng chạp ông được thăng Dinh Phấn Võ Vệ Phó Vệ Ủy. Năm Tự Đức thứ 10, lại được thăng Anh Dũng Tướng Quân Thân Cơ Dinh Hữu Vệ Vệ Ủy. Năm Tự Đức thứ 13, ông đang làm Đề đốc tại tỉnh Hà Tiên, được sắc phong làm Chưởng vệ sung Hà Tiên tỉnh Tuần Vũ.

Bấy giờ ông đã già, thường bệnh hoạn luôn, nên xin nhà vua cho về hưu dưỡng bệnh. Năm Tự Đức thứ 16 ông về hưu tại chánh quán và được thăng thiết thọ Thống chế, trật Chánh Nhị Phẩm. Đến năm Nhâm Thân (1872), Tự Đức thứ 25, ngày mồng 3 tháng 9, ông từ trần tại quê nhà, thọ 74 tuổi.

ÔNG ĐÀO TRÍ

Ông quê ở thôn Tân Thạnh, tục danh Vũng Lắm, tổng Xuân Đài huyện Đồng Xuân, nay thuộc thôn Tân Thạnh, xã Xuân Thọ quận Sông Cầu.

Xuất thân trong một gia đình dân chài nghèo, thất học từ thuở nhỏ, nhưng tư chất lại thông minh. Lớn lên ông đi thủy binh dưới triều Thiệu Trị, sung vào đội tải lương từ Gia Định ra Huế.

(1) Phủ Lạc Hóa tỉnh Vĩnh Long, nay là đất Trà Vinh.

Vốn là dân chài lưới, ông rất quen đi lại trên biển, lại có sức khỏe, có tài trí, nên ông đã có công lớn trong việc đánh bại bọn Tàu Ô, bảo vệ được thuyền lương, chuyển vận tới đích.

Nhờ vậy, chẳng bao lâu, ông leo lên bậc thang danh vọng một cách dễ dàng, khiến mọi người phải tấm tắc khen ngợi. Năm Thiệu Trị thứ 5 (Ất Tỵ 1845) ông được thăng từ chức Phó Quản Cơ sung Vĩnh Long Tả Thủy Vệ Hiệp Quản lên chức Vĩnh Long Tả Thủy Vệ Phó Vệ Úy. Qua năm sau, ông lại được thăng chức Phấn Võ Tướng Quân Hùng Nhuệ Dinh Tiền Vệ Phó Vệ Úy. Năm Tự Đức thứ 7, (Giáp Dần 1854) ông được thăng thụ Anh dũng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Đô chỉ huy sứ Ty Chỉ huy sứ. Qua năm sau Tự Đức thứ 8 Ất Mão 1855, nhân có giặc Thạch Bích (1) ông được phái sung Tham biện Quân vụ, hợp cùng Tổng đốc Nam Nghĩa là Trần Tri, Tổng Thống Quân vụ tả thị lang Trần Tiễn Thành tùy nghi thảo luận kế hoạch, phá được giặc. Do quân công này, ông Đào Trí được thăng lên chức Chương Vệ Quyền chương Vũ lâm doanh, hữu dực ấn triện.

Ngày 23 - 1 - 1857, tàu Pháp tới Đà Nẵng, xin giao hảo thông thương với chính phủ ta. Vua Tự Đức giao cho ông trọn quyền trù liệu. Nguyên cuộc thương thuyết bất thành, quân Pháp bắn phá các đồn lũy rồi bỏ đi. Để đề phòng mọi sự quấy phá của đối phương, nhà vua cử ông đến tăng cường hai đồn An Hải và Điện Hải, Trần Hoàng làm Thương Vụ biện tỉnh vụ Quảng Nam, Nguyễn Duy làm Trấn Dương tỉnh này.

Ngày 31 - 8 - 1858, dưới quyền điều khiển của Rigault de Genouilly, 14 chiếc tàu lớn nhỏ của Pháp với 3000 quân tới Đà Nẵng, đưa yêu sách lên triều đình ta và đánh phá Cửa Hàn. Tình trạng rất nguy ngập, vua Tự Đức cử ông Đào Trí làm Đặc

(1) Tức người Thượng ở Đá Vách, tỉnh Quảng Ngãi.

phái viên đem 2000 quân hợp với Tổng đốc Nam Nghĩa trong việc tiểu ngự. Nhưng khi hai ông ra đến nơi thì quân giặc đã hạ được đồn An Hải rồi. Sau đó nhà vua lại cử ông làm quyền Tổng đốc Nam Nghĩa thay thế cho Trần Hoàng. Ông đã hợp lực cùng Nguyễn Duy đẩy lui không cho quân địch tiến vào nội địa. Pháp quân phải thối lui. Sau vụ này, nhà vua xét ông có tài văn thao võ lược, thăng cho ông chức Hùng oai Tướng quân Chưởng Vệ, quyền chưởng Hồ oai doanh ấn triện.

Qua năm sau, quân Pháp lại bức đồn Hải Châu, nhưng lại cũng bị ông Đào Trí hợp với ông Tôn Thất Hàn đẩy lui.

Đến năm Tự Đức thứ 15 (Nhâm Tuất 1862), quân Pháp mở rộng chiến tranh ở Nam kỳ, nhà vua sợ địch quân sẽ đánh thốc ra Trung, nên giao cho ông Đào Trí, Tổng đốc Nam Nghĩa, sung kinh lược đại thần thiết lập hệ thống phòng thủ suốt từ Quảng Nam vào tới Bình Thuận.

Sau khi Hòa ước Nhâm Tuất ký kết, ba tỉnh miền Đông Nam kỳ đã nhượng cho Pháp, thì ở Bắc kỳ giặc giã nổi lên như ong. Tại vùng Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, giặc Tạ Văn Phụng đánh phá, tình thế rất nguy ngập. Vua Tự Đức cử Hình bộ Thượng thư Trương Quốc Dụng làm Tổng Thống Hải An quân vụ (1), lại phái thêm Đào Trí làm Tham tán Đại thần, và Nguyễn Bá Nghi làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc ra tăng cường cho Trương Quốc Dụng.

Sau ba năm xông pha trận mạc vào sinh ra tử, quân Triều đình toàn thắng. Trương Quốc Dụng được thăng Hiệp Tá, còn ông Đào Trí được thăng chức Thống chế Tham Tán Hải An Quân vụ.

Đẹp xong giặc ở Bắc kỳ, lúc về Huế, ông có nhiều chiến

(1) Hải Dương và Quảng Yên.

công, nên vua Tự Đức thăng cho ông làm Đô Thống Chưởng Phủ Sự, làm Tổng Đốc Bình Phú (1). Về sau đánh giặc bị thua (2), mất hết chức tước. Bấy giờ ông đã già, bèn xin về hưu trí ở quê nhà, nhà vua thương tình, xét ông là một chiến sĩ hữu công, bao phen xả thân cứu nước, bèn phục chức cho ông làm Chưởng Ủy. Ông mất tại quê nhà, thọ ngoài 80 tuổi. Ngày nay, ở chân núi Gành Đỏ, thuộc thôn Tân Thạnh còn có lăng mộ của ông.

Nói tới ông Đào Trí, ngoài việc đề cao những chiến công, thiết tưởng cũng cần nhấn mạnh đến đức tính hiếu học của ông. Xuất thân là một người dân chài dốt nát, ông đã ngày đêm tự học và xem sách, khiến cho trình độ văn hóa của ông đã vượt hẳn lên, giúp ông đủ khả năng gánh vác được những trọng trách mà thời bấy giờ phải là các bậc đại khoa mới làm nổi. Thật là một tấm gương cho hậu thế noi theo.

CÁC BẬC HIẾU TỬ (3)

Trong quá khứ, tỉnh Phú Yên đã ghi lại nhiều người con chí hiếu. Chúng tôi xin trình bày sau đây mấy người điển hình :

Trước hết là ông NGUYỄN VĂN TỰU, người huyện Đồng Xuân, nay thuộc thôn Triều Sơn, xã Xuân Thọ, quận Sông Cầu, cha mẹ mất sớm, ông làm nhà ở bên mộ ba năm. Tiếng đồn đến tai vua, khoảng Minh Mệnh được cấp tặng bốn chữ “Hiếu Thuận Khả Phong”, cho thêm tiền và đoạn. Con là NGUYỄN VĂN THIỆU cũng có hiếu, vua Thiệu Trị ban cho bốn chữ “Khác Thiệu Hiếu Phong”.

(1) Bình Định và Phú Yên.

(2) Giặc thổ phỉ của Tàu tràn sang Bắc Kỳ

(3) Theo trong Đại Nam Nhất thống chí quyển thứ 10.

Ông PHẠM VĂN THỤ, không rõ quê ở quận nào, thờ cha mẹ chí hiếu. Mẹ mất, ông cũng làm nhà bên mã ba năm. Nơi đó rất nhiều cọp qua lại, nhưng ông vẫn nằm yên không sợ sệt, cọp vẫn không hại ông. Năm đầu Tự Đức ông được khen tặng.

Ông TÔ HỖ, người huyện Tuy Hòa, cha mẹ mất, ông cũng làm nhà ở bên mã ba năm. Vì thương nhớ cha mẹ nhiều quá, ông mắc bệnh, bà con làng xóm khuyên ông về nhà và bớt buồn, ông vẫn không nghe. Năm Tự Đức thứ 11, ông được khen tặng.

Ông NGUYỄN PHÁC, không rõ quê ở đâu, phụng thờ cha mẹ rất có hiếu. Khi cha ông thọ bệnh, ông thắp hương ra khấn giữa trời xin chết thay cha. Khi cha chết, ông làm nhà ở bên mã ba năm, hàng ngày thờ cúng như khi cha còn sống. Hết tang cha, ông về nhà thì lại gặp mẹ mất ông cũng ra ở ngoài mã ba năm. Nơi đó có nhiều cọp, nhưng chúng vẫn không hại ông. Năm Tự Đức thứ 19, ông được nhà vua khen tặng.

Ông LÊ VĂN TRẠCH, người phủ Tuy Hòa, khi mẹ mất, ông làm nhà ở bên mã ba năm. Mãn tang về nhà, gặp lúc cha ông bị bệnh phong không cử động được, ngày đêm ông lo phụng dưỡng không biết mệt mỏi. Khi cha mất, ông cũng làm nhà ở bên mã mãn tang mới về. Năm Tự Đức thứ 19, ông được nhà vua khen tặng.

ÔNG LÊ THÀNH PHƯƠNG

Ông sinh năm Ất Dậu (1825), quê quán ở làng Mỹ Phú, tổng An Vinh, nay là xã An Hiệp, quận Tuy An, trong một gia đình trung lưu, chuyên sống về nông nghiệp.

Thuở nhỏ, ông học chữ Hán. Năm Ất Mão (1855) đời Tự

Đức, thi đậu Tú tài tại Huế. Năm ấy ông 30 tuổi, rồi trở về quê vui thú điền viên.

Đến năm Ất Dậu (1885) kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi bỏ chạy ra Quảng Trị, hạ chiếu Cần Vương, kêu gọi sĩ phu đứng dậy chống giặc. Tại Phú Yên văn thân hưởng ứng cũng khá nhiều. Ông Lê Thành Phương tự xưng là Tổng Thống quân vụ đại thần, đóng quân tại đèo Quán Cau, nay thuộc xã An Hiệp, quận Tuy An, có người con thứ tư tên là Lê Thành Bính làm Hữu tham quân. Ông tổ chức lễ tế cờ tại núi Phú Điền. Tại các xã khác trong tỉnh, các nhà phú hữu ái quốc cũng tự lực chiêu mộ nghĩa binh, gọi là các quan Thứ xá, đóng rải rác nhiều nơi.

Khi quân Pháp tới Phú Yên, tuy lực lượng của nghĩa quân Cần Vương chỉ có tấm trung can của mọi người, chứ khí giới không có gì đáng kể, trừ lực lượng của ông Bùi Giảng nhờ đánh chiếm được tỉnh thành, lấy được nhiều súng ống, thế mà thực dân Pháp phải chật vật lắm mới bình định được. Nhiều trận ác chiến đã diễn ra giữa đôi bên. Quân ông Lê Thành Phương đánh một trận cuối cùng tại Cầu Đá tại đèo Quán Cau, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nhưng cuối cùng sức người và gươm giáo không chống nổi đại bác súng đồng của thực dân, ông bị thua to, đem tàn quân chạy lên mạn Củng Sơn định tổ chức đánh du kích. Vừa lúc đó, Pháp cử tên Việt gian bán nước Trần Bá Lộc, người Nam Kỳ ra làm Tổng Đốc Bình Phú Khánh Thuận, với một đội lính khố xanh để đàn áp nghĩa quân Cần Vương.

Trần Bá Lộc rải quân đóng giữ các nơi, còn chính y đóng đại bản doanh tại vùng Ngân Sơn, triệt đường tiếp tế của nghĩa quân, cũng như kế hoạch của tên Việt gian Nguyễn Thân đã áp dụng để bao vây nghĩa quân của cụ Phan Đình Phùng ở núi Vũ Quang tỉnh Hà Tĩnh. Mặt khác, y viết thư cho người mang

lên chỗ ẩn nấp của nghĩa quân để kêu gọi các bậc văn thân ra hàng Pháp, và hứa hẹn sẽ đề bạt với quan thầy thực dân.

Một số đã ra hàng, nhưng ông Lê Thành Phương trước sau vẫn một dạ trung thành với Tổ Quốc, giữ vững lời thề với quốc dân, nhất quyết không chịu ra hàng giặc. Bấy giờ tên Trần Bá Lộc cho bắt vợ con ông giam giữ để lay chuyển lòng ông, ông vẫn không hề nhụt chí. Cuối cùng Trần Bá Lộc treo giải thưởng cho ai bắt được ông, nên ông bị tên Chánh tổng Hòa Bình là Đặng Trạch đánh lừa bắt nạp cho địch.

Chúng giam ông tại Hàng Dao, nay thuộc thôn Hội Tín xã An Thạch, cho ăn uống tử tế và dùng lời ngon ngọt dụ ông đầu hàng. Ông cương quyết không chịu. Ông đã khẳng khái nói thẳng vào mặt tên Việt gian câu bất hủ sau đây : “Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục”, nghĩa là thà chịu chết, chứ không thể chịu nhục. Sau bảy ngày trời dụ dỗ, bọn Trần Bá Lộc không tài nào lay chuyển nổi tấm lòng ái quốc sắt đá của ông, nên ra lệnh xử tử ông.

Ngày 28 tháng giêng năm Đinh Hợi (1887), tại bến đò Cây Dừa thuộc Phường Lụa, xã Ngân Sơn, phủ Tuy An, nhà anh hùng ái quốc Lê Thành Phương đã hiên ngang và oanh liệt ngửa cổ đón lấy ngọn gươm quân thù, giữ trọn khí tiết của bậc nho sĩ chân chính, trước sự thán phục của đối phương, và trước sự ngậm ngùi thương tiếc của đồng bào Phú Yên. Ông thọ 62 tuổi.

Sau khi ông chết, đầu bị bêu ở cây da chợ Chiều xóm Gò cũ ở làng Mỹ Phú là nơi quê nhà của ông. Còn thân thì được con cháu đem quản tại nghĩa trang của người Hải Nam ở thôn Bình Hòa xã An Dân bây giờ. Sau 30 ngày, chúng mới chịu cho đem thủ cấp về chôn chung với thân. Con cháu và dân làng đã đưa thi hài ông tới táng tại một gò núi thuộc đèo Quán Cau là nơi

ông đóng quân trước kia, từ đường Quốc lộ số 1 đi độ 1 cây số. Ngày nay phần mộ đã được sửa sang chu đáo.

Người con thứ tư của ông là Lê Thành Bính, sau khi được tin cha bị bắt và bị giết, liền cùng mấy tên quân thủ túc theo đường xuyên sơn, định trốn qua Hạ Lào mưu tính chuyện lâu dài. Chẳng dè, khi đi qua đồn Vân Hòa thuộc quận Sơn Hòa, bị quân Pháp đánh úp bắn trọng thương. Nhờ có quân thủ túc mang chạy thoát rồi dìu ông về nhà được 5 hôm sau thì ông mất, nhằm ngày mồng 3 tháng 2 năm Đinh Hợi (1887), hưởng thọ 32 tuổi. Phần mộ của ông cũng được táng bên cạnh phần mộ ông Tú Phương.

Sau khi cha con ông Lê Thành Phương chết, phong trào Cần Vương ở Phú Yên đã tan rã theo. Các quan Thứ Xá, người thời noi gương tuần tiết như các ông Nguyễn Hào Sự, Võ Thiệp, người thì ra hàng cho được yên thân, kẻ thì bị bắt và bị tù đầy. Tuy công cuộc kháng Pháp ở đây không sôi nổi, vĩ đại bằng những nơi khác, nhưng cha con ông Lê Thành Phương và dân chúng Phú Yên cũng đã góp phần đáng kể vào trang sử Cần Vương của nước nhà.

ÔNG NGUYỄN HÀO SỰ

Ông sinh vào khoảng năm 1840 (1) tại làng Phú Xuân, huyện Đồng Xuân, nay là ấp Phú Xuân, xã Xuân Phước, quận Đồng Xuân trong một gia đình khá giả nhất vùng. Cha mất sớm, ông ở với mẹ. Lớn lên, ông được mẹ cho ra Bình Định ăn học. Vốn sẵn tư chất thông minh, ông học đâu biết đó, vượt hẳn các bạn đồng lớp.

(1) Ngày, tháng và năm sinh khảo cứu chưa ra.

Như chúng ta đã biết, Bình Định là nơi mà môn võ nghệ rất được mọi người ưa chuộng, đã đào tạo ra nhiều tay võ thuật cao siêu, nổi tiếng khắp nước. Sống giữa hoàn cảnh ấy, ông Nguyễn Hào Sự vốn có sẵn sức khỏe hơn người, đã say mê môn võ nghệ mà sao nhãng dần dần nghiệp bút nghiên. Vả lại lúc bấy giờ nước ta đang sống trong một tình thế rất nguy khốn, thực dân Pháp đang đánh phá trong Nam ngoài Bắc, tới đâu cũng gây tang tóc cho dân lành. Ông bèn quyết chí bỏ văn theo võ, mong sau này có thể giúp ích cho đất nước. Ông học võ cũng thu được nhiều kết quả. Sức khỏe của ông có thể địch nổi trăm người, tài nhảy cao trên bảy thước.

Thôi học, ông trở về quê nhà, làng Phú Xuân, mở trường dạy võ. Thanh niên quanh vùng theo học có đến hàng trăm người. Thỉnh thoảng có bạn võ ở Bình Định vào chơi, ông tổ chức những cuộc biểu diễn cho môn sinh và đồng bào xem. Trong nghề võ, ông nổi tiếng về miếng “vượt trùng vây”, ông để cho mọi người vây kín xung quanh, rồi ông dùng thuật nhảy cao mà thoát ra ngoài.

Ông lại là người hào hiệp, ham làm việc nghĩa. Gặp năm đói kém, ông tự ý xuất gạo của mình và đi khắp vùng duyên góp thêm để cứu giúp dân nghèo. Cử chỉ nhân đạo và hào hiệp của ông được mọi người thán phục. Hương lý sở tại làm tờ trình lên cấp trên, triều đình Huế bèn thưởng cho ông chức Cửu phẩm Bá hộ, do đó người địa phương thường gọi ông là Bá Sự.

Sau vụ rắc rối xảy ra ở Huế năm Ất Dậu (1885), vua Hàm Nghi xuất bôn, xuống chiếu Cần Vương. Văn thân sĩ tử trong nước nổi lên hưởng ứng khắp nơi. Tại Phú Yên, vùng Sông Cầu, Tuy An có các ông Bùi Giảng, Lê Thành Phương, Lê Thành Bính, Nguyễn Văn Thành, vùng Tuy Hòa có các ông Trần Đôn, Huỳnh Tấn Phòng, Nguyễn Tấn Thảo. Tại vùng Đồng

Xuân, Sơn Hòa, ông Nguyễn Hào Sự hợp cùng một số đồng chí như Võ Thiệp (tục danh là Bá Thiệp quê ở Bình Định), Đội Sơn quê ở Sơn Hòa, xã Săng người cùng làng v.v... chiêu mộ nghĩa binh, dựng cờ khởi nghĩa Cần Vương. Dân chúng trong hai huyện sở tại hưởng ứng theo về rất đông. Ông Bá Sự dẫn đám nghĩa binh lên đóng tại núi Thạch Long Cương, tức là núi Hòn Ông, cách làng Phú Xuân chừng vài chục cây số về phía Tây Nam. Đây là một dãy núi liên sơn, địa thế rất hiểm trở, nối liền với dãy núi La Hiên là một dãy núi cao ngút ngàn, trùng trùng điệp điệp, quanh năm mây mù bao phủ, ít khi trông thấy mặt trời, chỉ có những đường mòn nhỏ hẹp men theo khe suối, người xa lạ mới tới khó tìm ra lối đi. Ông lo ngày đêm luyện tập binh sĩ, rèn đúc khí giới, chuẩn bị một phen sống chết với quân xâm lược. Còn chị ruột của ông là bà Năm Đường thì xuất lúa trong kho làm lương thực cho dân binh, bỏ tiền ra mua sắm khí giới. Chủ đích của ông Bá Sự là cố gây được cơ sở lập chiến khu để làm nơi căn cứ, rồi sẽ cho người vượt rừng núi qua Xiêm liên lạc cầu viện.

Bấy giờ thực dân Pháp đã cử tên Trần Bá Lộc ra Phú Yên đàn áp phong trào Cần Vương. Lần lượt các ông Bùi Giảng, Nguyễn Văn Thành ra đầu hàng, cha con ông Lê Thành Phương bị chém, các quan Thứ xá khắp nơi cũng giải giáp, mai danh ẩn tích hay ra xuất thú. Ông Nguyễn Hào Sự và các đồng chí vẫn án ngữ trên núi Hòn Ông, không chịu ra hàng. Thực dân và tay sai không thể vào tận sào huyệt của ông, bèn dùng thủ đoạn muôn thuở của bọn xâm lược là đàn áp dân lành. Chúng cho bắt thân nhân của ông đem về giam giữ mong ông hạ khí giới. Nhưng ông vẫn coi nợ nước nặng hơn tình nhà, nhất quyết không ra hàng. Thực dân bèn cho lính về đốt phá làng của ông, tra tấn dân chúng, bắt phải chỉ nơi ông đóng quân. Chúng hăm dọa

rằng : Nếu không bắt được Bá Sự thì chúng sẽ giết hết tộc thuộc làng xóm. Vì sự khủng bố đó mà đa số những người theo ông đã lên trốn về xuất thú, hay bỏ đi nơi khác, đổi tên đổi họ làm ăn cho qua ngày tháng.

Trên bước đường cùng các tay chân đặc lực lần lượt bị bắt. Cuối cùng thời vận đã hết, còn lén lút trốn tránh ngày nào thì dân chúng còn bị khổ sở ngày đó, nên ông bèn ra nạp mình cho giặc để cứu lương dân.

Khi ông bị bắt về tới nơi, tên Trần Bá Lộc sai thủ hạ trải chiếu hoa mời ông ngồi. Ông bình thần bước vào ngồi chính giữa chiếu. Thấy cử chỉ ấy, Lộc hý hửng mừng thầm, tưởng rằng có thể khuyến dụ được ông. Nhưng sau khi bày tỏ ý kiến ông khẳng khái trả lời :

— Tôi nói thực cho ông biết, tôi về đây là vì biết vận nước đã hết, nếu cứ ở lại trên núi hoặc tự sát trong rừng thì chỉ khổ xóm làng, chứ không phải tôi về đây để kiếm chút danh vọng quân giặc ban cho. Nước nhà lâm nguy, tôi làm thần dân, phải ghé vai gánh vác việc quân vương giao phó. Công việc không thành thì chỉ biết lấy cái chết để đền nợ nước mà thôi. Các ông cứ đem tôi ra chém, đừng nói nữa vô ích.

Trước những lời cứng rắn và đầy chí khí ấy, Trần Bá Lộc nổi nóng lên, ra lệnh dùng nhục hình tra tấn ông. Ông vẫn không sờn lòng, miệng luôn chửi bọn xâm lược và chó săn bán nước. Cuối cùng chúng đem ông và các đồng chí ra bãi cát Tuấn bên bờ sông Cái chém đầu vứt cho quạ mổ. Sau ba ngày chúng mới cho con cháu đem về chôn cất, ông hưởng thọ 47 tuổi. Còn chị ruột của ông là bà Năm Đường bị chúng đầy đi Lao Bảo rồi chết bệnh luôn ở đó.

ÔNG VÕ TRỨ

Ông Võ Trứ sinh tại làng Nhơn An, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước tỉnh Bình Định, sau di cư vào La Hai huyện Đồng Xuân.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân, nhưng ông có học nhiều chữ Hán và giàu lòng yêu nước. Lúc bấy giờ, thực dân Pháp đã đặt xong nền cai trị ở nước ta, phong trào Cần Vương đã đi vào lịch sử. Ông vẫn nuôi cái hy vọng khởi nghĩa đánh đuổi quân Pháp giải phóng đất nước.

Để che mắt thực dân, ông thường ẩn mình dưới chiếc áo nhà sư, qua lại các chùa chiền khắp vùng, tìm hiểu địa thế, đồng thời dùng các hình thức mê tín dị đoan như phát bùa, cho thuốc, nhượng sao giải hạn, tổng quái trừ tà, để mua chuộc lòng dân lúc bấy giờ còn tin những việc ấy, nhất là đối với đồng bào Thượng. Nhờ những hoạt động đó, ông len lỏi trong các buôn, các xóm, các làng tuyên truyền rĩ rả tinh thần ái quốc chống Pháp, chẳng bao lâu số người theo rất đông. Ông lại được một nhà cách mạng đa mưu trí làm quân sư, ấy là cụ Trần Cao Vân.

Ông Võ Trứ biết tận dụng những khu rừng rậm rạp ở vùng Đồng Xuân, nhất là dãy núi La Hiên là một dãy núi vừa cao, vừa hiểm trở, quê hương của đồng bào Thượng, người Kinh ít ai dám lên đó, để làm sào huyệt. Tại đây có một cái hang khá rộng, có thể chứa lương thực và hàng trăm người. Ông đã dùng cái hang này làm căn cứ mật khu, xuất quân đánh giặc, khi thất bại sẽ rút về đó ẩn núp. Cái hang ấy ngày nay vẫn còn, thuộc xã Xuân Lãnh, dân chúng địa phương thường gọi là hang Võ Trứ.

Tại căn cứ này, một mặt ông cho rèn đúc khí giới toàn mác lào và rựa, mặt khác hô hào đồng bào Thượng làm cung nỏ là thứ khí giới sở trường nhất của họ.

Năm Mậu Tuất (1898), dân chúng Phú Yên bị thiên tai mất mùa, cơm không đủ ăn mà còn phải đóng sưu cao thuế nặng cho Chánh phủ Bảo hộ. Dân chúng không đủ sức đóng góp, bọn cường hào ác bá dựa thế quan thầy, gây nên bao tội ác trong thôn xóm. Lòng dân căm thù sôi lên.

Dựa vào hoàn cảnh đó, ông Võ Trứ quyết hành động. Vào khoảng mùa hè năm ấy dưới bóng cờ to tướng đề bốn chữ “Minh Trai Chủ Tế”, ông ngồi trên mình ngựa, chỉ huy một đạo nghĩa quân, từ khu rừng huyện Đồng Xuân kéo xuống tỉnh lỵ Sông Cầu.

Dẫn đầu độ một trăm lính Thượng, cung tên đầy đủ, kế đến mấy trăm quân khác cầm dao, mác, rựa. Mỗi người mang trong mình một đạo bùa hộ mệnh, vì họ rất tin ông Võ Trứ phù pháp cao cường, mang bùa ấy, súng bắn không thủng, gươm chém không đứt. Đó chẳng qua là mượn óc mê tín của họ mà động viên tinh thần dân quân mà thôi. Ông cưỡi ngựa đi giữa, tả hữu đều có những tay võ nghệ phò tá.

Trước đó vài tháng, sự chuẩn bị của ông đã lọt vào mắt của bọn chó săn, nên viên công sứ và bố chánh Phú Yên đã tư cho các phủ huyện biết để đề phòng. Rồi đến hôm ông dẫn dân quân về chiếm Sông Cầu, viên tri huyện Đồng Xuân là Lưu Tuấn đi báo, do đó bọn Pháp mới đem một toán lính tập thẳng vào Đốc Quít đón đánh.

Khi nghĩa quân tới nơi, bọn Pháp xả súng bắn cản đường. Ông Võ Trứ liền hô quân bắn tên như mưa, và hàng trăm tiếng hò hét trợ chiến, vang dậy cả một góc trời. Dân binh đang hăng tiến, chẳng may một vài tên Thượng bị trúng đạn ngã lăn ra đường, một số khác bị thương, kêu la thảm thiết, khiến những người khác mất tinh thần, hoảng sợ chạy giạt lùi, làm cho hàng

ngũ nghĩa quân rối loạn và tan rã. Ông Võ Trứ và các đồng chí không còn cách gì ngăn cản nữa, đành rút tàn quân về một căn cứ gần đó ẩn nấp.

Ít hôm sau, bọn Pháp đem toàn lực bao vây sào huyệt của ông và phóng hỏa, cuộc khởi nghĩa của ông bị đàn áp trong máu lửa. May thay, ông chạy thoát lên núi La Hiên, khi ẩn nơi làng Thượng này, lúc lánh nơi xóm Thượng khác. Trong lúc đó, bọn Pháp vẫn tiếp tục lục soát khắp nơi, đốt phá làng mạc, hiếp đáp dân lành.

Trước tình cảnh ấy, Ông Võ Trứ quyết hy sinh tính mạng để cứu đồng bào, bèn tự ý ra nạp mình. Bọn Pháp dùng lời ngon ngọt dỗ dành ông khai, ông vẫn một mực nhận lấy trách nhiệm về mình. Dùng ngọt không kết quả, chúng dùng đến phương pháp tra tấn dã man, nhưng vẫn không sao lay chuyển được chí sắt đá của ông. Cuối cùng, chúng đem ông ra chém và bêu đầu ở cầu Tam Giang.

ÔNG THAM TRẤN HÒA ĐA

Ông chính tên là Nguyễn Hữu Dực, lại có tên là Nguyễn Hữu Khuê, do đó tiếng địa phương phát âm thành Quê, rồi Quế. Ông sinh năm 1857 tại làng Phú Hiệp, tổng Hòa Đa, phủ Tuy Hòa, nay là thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, quận Hiếu Xương.

Sinh trưởng trong một gia đình chuộng Nho Giáo, thuở thiếu thời, ông được gửi ra Bình Định học. Ông rất chăm chỉ học hành. Năm 17 tuổi ông đậu Khóa Sinh. Nhưng về sau vì hoàn cảnh gia đình nghèo, ông không thể tiếp tục việc học được nữa, trở về quê sống với nghề đồng áng.

Đến năm 1885, sau khi kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuống hịch Cần Vương, ông hưởng ứng phong trào, làm

chức Tham Trấn, coi việc quân thứ khắp tổng Hòa Đa. Do đó dân chúng thường gọi ông là Tham Trấn Hòa Đa.

Sau khi phong trào Cần Vương bị thất bại, ông bị Pháp bắt cầm tù. Mãn tù, ông trở về quê sống với gia đình. Tuy nhiên ông vẫn nuôi chí lớn nên thường giao thiệp với các nhà cách mạng, nhất là các nhân sĩ vùng Bình Định.

Do sự liên lạc đó, năm Mậu Tuất Duy Tân thứ hai (1908), phong trào cất tóe xin sưu do các cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng phát động ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, rồi bắt mối vào Phú Yên :

*Nào ai sinh cái việc này,
Quảng Nam Tư Nghĩa cúp rày dầu vô.
Tờ về tự chốn đế đô,
Xin cho được thuế rồi vô trong này.
Tai nghe Tám tổng (1) dầu thầy,
Đồng bào tuyên thệ cúp rày dầu đi.
Ngọ Mùi mới khởi một khi,
Năm nay là chính vậy thì Mậu Thân, (2)*

Sau khi đã nhận lãnh trách nhiệm, ông bèn tổ chức đồng chí khắp các phủ huyện trong tỉnh, hô hào dân chúng tham gia. Đến ngày 14 tháng 4 âm lịch, cuộc biểu tình bắt đầu.

Trước hết đồng bào thuộc 8 tổng Tuy Hòa rủ nhau cắt tóc, ăn bận rách rưới, nào là:

(1) Trong tám tổng có tổng Hòa Đa là nơi quê hương của ông Tham Trấn.

Cơm khô, đường ló giữ gìn,

Bỏ vô ruột ghé mới tin bằng lòng.

Quạt mo nón rách thảng rong,

Chiếu manh nôi gõ bằng lòng mang theo.

Đi tới đâu họ đều hô hào đàn ông cắt tóc ngắn, hưởng ứng tham gia phong trào xin sưu. Đoàn biểu tình càng lúc càng đông, kéo nhau xuống phủ Tuy Hòa bấy giờ còn đóng tại thôn Đông Phước, xã Hòa Thắng ngày nay.

Chẳng may tối hôm 13, viên Chánh tổng tên là Hớn đi mật báo với Tri phủ Tuy Hòa, rồi ra báo Tòa Sứ Sông Cầu, nói rằng dân chúng Tuy Hòa nổi loạn. Vì vậy, khi dân chúng kéo đến phủ, viên Tri phủ đã trốn mất từ hồi nào, cửa đóng chặt :

Có anh Chánh Hớn nịnh tà,

Bước vô râu phủ ắt là chẳng xong.

.....
Thiệt là Chánh Hớn hiểm nghèo,

Tâu xong với phủ đập dèo đi đêm.

Đoàn biểu tình dưới sự hướng dẫn của ông Tham Trấn Hòa Đa, tiếp tục đi bộ ra Sông Cầu. Nhưng khi tới Trại Gành, tức là Phú Tân, quận lỵ Tuy An bây giờ, đoàn biểu tình gặp tên quan một và 10 tên lính tập (1) từ Sông Cầu vừa vào tới nơi. Bọn Pháp thấy dân biểu tình quá đông, bèn dàn ra bắn chỉ thiên. Ông Tham trấn liên chạy lại ôm ngang lưng viên quan một, vừa nói to : “Bẩm quan lớn, dân chúng vì nghèo đói nên đi xin sưu, chứ làm giặc làm nguy gì mà bắn”. Viên quan một tưởng ông lại cướp súng, bèn thúc mạnh báng súng ra sau, chẳng may

(1) Có người bảo là quan hai.

trúng ngực ông Tham trấn, khiến ông té nhào xuống chết tươi. Liền đó bọn lính tập được quyền bắn xả vào đám biểu tình. Nhiều người bị trúng đạn, chết và bị thương. Đám đông chạy toán loạn :

*Không cho dây cũng làm liều,
Đó vong thân đó, dây liễu thân dây.
Xem trong sự việc cỏ cây,
Bây giờ tàu dừa xuôi ngay đã đành.
Kéo ra vừa đến Trạm Gành,
Quan hai vờn súng bắn anh đi đầu.
Hỏi sao không tránh cho mau,
Quan hai không biết trước sau việc gì.
Anh em hoảng hốt nan tri,
Tâm hồn thất phách rã rời tay chùn.*

.....
*Thấy dân cúp tóc kéo vào,
Ông một dương súng bắn ào chết đã quá đông !
Cảm thương Tham trấn mười phần,
Đừng dây bấm lậy thiệt thân hại mình.*

Sau đó quân Pháp rút về Sông Cầu, và mặc dầu ông Tham trấn Hòa Đa, linh hồn của cuộc biểu tình đã chết, các đồng chí của ông vẫn tiếp tục tập hợp đám đông để kéo ra Sông Cầu, họ khiêng luôn cả xác ông Tham trấn và những tử thi khác đi theo. Nhưng ra đến cầu Tam Giang, bị bọn Pháp ngăn cản không cho tiến và thẳng tay khủng bố, cuộc biểu tình mới tan rã hoàn toàn. Các đồng chí và dân chúng đành mang xác ông

trở lui lại chôn tại đèo Dốc Găng. Ba năm sau, con cháu mới cải táng hài cốt ông về quê nhà ở thôn Phú Hiệp. Ông thọ 51 tuổi.

ÔNG LÊ HANH

Ông Lê Hanh sinh năm 1874 tại làng Tân Mỹ, tổng Hòa Tường phủ Tuy Hòa, nay là thôn Tân Mỹ xã Hòa Phong, quận Hiếu Xương trong một gia đình nho học. Lúc thiếu thời ông được cha mẹ cho ra Bình Định theo nghiệp bút nghiên, nhưng không đậu đạt gì. Sau ông trở về quê nhận chức Hương trưởng làng Tân Mỹ.

Bấy giờ thực dân Pháp đã đặt xong guồng máy cai trị, ra sức thực hiện chính sách bóc lột, vơ vét cực kỳ khốc nghiệt và tàn nhẫn. Chúng tăng thuế đinh, thuế điền, đặt thêm thuế muối, thuế chợ, phần vì nạn mất mùa liên tiếp, dân chúng Phú Yên khốn khổ trăm bề, nhưng vẫn bị thúc thuế sau lưng.

Kể từ Tây lại đến giờ,

Con dân lớn bé không nhờ đốc quan (?)

Làm cho thiên hạ gian nan,

Sưu cao thuế nặng đảo điên cơ hàn !

Cũng như những người khác, đứng trước thảm cảnh ấy, ông Lê Hanh cảm thương người dân quê bị bóc lột quá đáng, nên lòng ái quốc chỉ căm thù bọn Pháp thống trị của ông bộc khởi từ đó. Vì vậy, năm 1908, Duy Tân thứ hai, ông đã hưởng ứng phong trào cắt tóc xin sưu, và đóng một vai trò rất đặc lực. Tại Hòa Tường, ông đã tích cực vận động đồng bào nông dân tham gia cuộc biểu tình và xung phong cắt tóc để làm gương cho các nơi khác :

Kéo qua vừa được mấy nơi,

Hòa Tường, mấy tổng cúp chơi nửa ngày.

Từ già chí trẻ tới đây,

Nhỏ thời cúp trước, lớn rày cúp sau.

Cuộc biểu tình do nhân dân mấy tổng hợp lại có đến hàng mấy ngàn người, kéo xuống phủ lý Tuy Hòa, định kêu gọi viên Tri phủ là Nguyễn Hoàng và bọn nha lại tham gia với dân chúng để cho việc xin sưu thuế được hiệu quả. Nhưng bọn này đã trốn biệt từ tối hôm trước. Đoàn biểu tình tiếp tục rầm rộ kéo ra Sông Cầu, nhập thêm đám dân phủ Tuy An, càng thêm đông. Vì hôm trước có tên Chánh Hớn băng đèo chạy ra báo, nói rằng dân Tuy Hòa nổi giặc, nên Tòa Sứ Sông Cầu sai tên quan một đem lính vào đàn áp. Khi đoàn biểu tình ra đến Trạm Gành, thì vừa lúc lính Tây vào đến nơi. Sau một cuộc xô xát, ông Tham trấn Hòa Đa bị tử thương, bọn Pháp xả súng bắn vào đám biểu tình, khiến cho :

Kẻ thời bị đạn bể đầu,

Người thời thủng bụng trước sau chết rồi !

Hoặc là :

Cơm khô mà đổ Trạm Gành,

Đứa thời chạy lạc chiếu manh vẫn còn.

Đứa thời bỏ vợ bỏ con,

Đứa thời bị đạn những còn khóc than !

Đứa thời giắt chạy về làng,

Đứa thời xin võng mà ràng khiêng đi !

Sau một hồi khủng bố, bọn Pháp rút về Sông Cầu. Ông Lê Hanh tuy bị thương nặng nơi chân, nhưng vẫn không nhụt

chí. Sau khi xé áo cột vết thương lại rồi, ông hô hào số người còn lại tập hợp thành hàng ngũ, tiếp tục tiến ra tỉnh. Họ khiêng theo xác ông Tham trấn Hòa Đa và nhiều người khác, mục đích là bắt đền bọn Pháp đã sát hại lương dân một cách vô lý, vì bên phía dân chúng không có ai mang khí giới cả. Khi tới đầu cầu Tam Giang, thì bị bọn lính ngăn cản không cho tiến qua cầu :

Anh em thấy vậy thương thay,

Khiêng ra mà bỏ bằng nay Sông Cầu.

Lính kia nó đón chặn đầu,

Nó đánh nó đuổi trước sau một bề.

Thôi thôi đi trở lộn về,

Chậm chân khó khỏi một bề mạng vong.

Bọn lính bao vây dân chúng, thẳng tay đánh đập, tiếng kêu la thảm thiết, mạnh ai nấy chạy thoát thân. Chúng bắt một số, trong đó có ông Lê Hanh đem về giam tại Sông Cầu, rồi tra tấn cực kỳ dã man. Ông Lê Hanh vì bị thương nặng ở Trại Gành, máu ra nhiều, nay bị đánh đập tàn nhẫn, nên sau mười ngày, ông qua đời giữa chốn lao tù. Ông thọ 34 tuổi. Ngày nay phần mộ của ông ở tại làng Tân Mỹ, có tấm bia đề sáu chữ : “Cách Mạng Nghĩa Sĩ Lê Hanh”.

ĐẠI ĐỨC THÍCH QUẢNG HƯƠNG

Đại Đức tên là Huỳnh Ngọc Kỳ, đạo hiệu là Bảo Châu, pháp hiệu là Thích Quảng Hương, sinh năm 1926, tuổi Bính Dần tại thôn Xuân Phú, xã An Ninh, quận Tuy An, trong một gia đình Phật Giáo. Đại Đức là con thứ 9. Thuở nhỏ, Đại Đức theo người anh là một vị xuất gia, ở chùa học Đạo. Vốn sẵn có trí tuệ, Đại

Đức nghiên cứu kinh điển một cách say sưa và sớm thấm nhuần giáo lý của đức Phật. Đại Đức từ giả người anh, quyết chí tự lập, đem sở đắc của mình hóa độ chúng sinh.

Lần đầu tiên trên bước đường hành đạo. Đại Đức tới làm trụ trì chùa Linh Vân tại xã An Thọ và thành lập chi hội Phật giáo tại đây. Một thời gian sau, vào năm 1953, Đại Đức lại tìm đến Hòa Thượng Liên Tôn, tọa chủ chùa Quán Sơn ở Quán Cau, kết nghĩa sư đệ, giúp sức củng cố và phát triển chi hội (1) Phật giáo xã An Hiệp.

Đến năm 1955, Đại Đức từ giả Hòa Thượng chùa Quán Sơn, đi viếng các cảnh chùa miền Nam Trung Phần. Khi vào đến Phan Thiết, Đại Đức dừng chân lại đây một thời gian. Sau đó, được tin Phật học viện Nha Trang vừa thành lập, qua năm 1957, Đại Đức ra đây xin làm một học tăng để trau dồi thêm phần tu học giáo lý.

Năm 1961, được Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần cử lên Ban Mê Thuột làm trụ trì chùa Tỉnh Hội Darlac, năm 1962, Đại Đức thọ Tỳ kheo giới nhân dịp Tổng Hội Phật Giáo Trung phần tổ chức Đại Giới Đàn tại chùa Linh Quang Huế, do Hòa Thượng Tịnh Khiết làm đàn đầu truyền giới.

Đến năm 1963, sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp các Phật tử trước đài Phát Thanh Huế, Tổng Hội Phật Giáo phát động cuộc tranh đấu cho 5 nguyện vọng chính đáng của Phật giáo đồ toàn quốc, Đại Đức được Tỉnh Hội Darlac cử ra Huế tham dự một cuộc hội nghị đặc biệt do Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần triệu tập. Ra Huế, Đại Đức có dịp tai nghe mắt thấy

(1) Hồi bấy giờ theo nội quy tổ chức, tại mỗi xã có một chi hội. Nhưng sau này, theo điều lệ mới của Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, tại xã có nhiều khuôn hội trực thuộc chi hội ở cấp quận.

cảnh đàn áp dã man các Phật giáo đồ do bọn tay sai Nhu Diệt thực hành, Đại Đức liền tự nguyện phát tâm hỏa thiêu để bảo vệ chánh pháp.

Nhưng lúc đó nhu cầu tranh đấu chưa đòi hỏi đến sự hy sinh cao tột ấy, các vị lãnh đạo khuyên Đại Đức nên nán lại khi cần. Đại Đức trở về Buôn Mê Thuột, bàn giao công việc Phật sự cho Tỉnh Hội rồi lên đường vào Saigon, trình bày tâm nguyện của mình lên Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật Giáo. Các vị lãnh đạo ở Saigon cũng khuyên Đại Đức hãy chờ cơ hội khi cần. Vốn sẵn tinh thần kỷ luật, Đại Đức vẫn im lặng chờ đợi đến phiên mình đốt đuốc trí tuệ soi sáng cho những kẻ còn đắm chìm trong vô minh, đồng thời Đại Đức viết thư cho Hòa Thượng Liên Tôn báo tin trước đại nguyện của mình và vĩnh biệt bốn sự.

Đêm 20 - 8 - 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mở cuộc tấn công chùa Xá Lợi và tất cả các chùa chiền trong toàn quốc. thẳng tay đàn áp tăng ni, Phật tử, sinh viên và học sinh. Đại Đức cũng bị bắt và nhiều vị khác. Sau 12 ngày bị giam ở Rạch Cát, Đại Đức được thả ra. Đại Đức liền về chùa Giác Nguyên tạm lánh bọn công an mật vụ, tìm cách bắt liên lạc với các vị tăng ni khác cùng với Phật tử, sinh viên và học sinh thành lập đoàn thanh niên cứu nguy Phật Giáo. Nhờ có tổ chức này, Đại Đức mới bố trí được cuộc tự thiêu mà Đại Đức nhận thấy đã đến lúc thực hiện.

Lúc bấy giờ, sự đàn áp của bọn công an mật vụ, phong trào đấu tranh chỉ ngấm ngấm trong dân chúng. Mặt khác chính quyền Ngô Đình Diệm đang thực hiện âm mưu đánh lừa thế giới bằng tổ chức bù nhìn tay sai mệnh danh là Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo thuần túy, đồng thời tại Nữ Ước, Liên Hiệp Quốc dự định đưa ra thảo luận vấn đề vi phạm nhân quyền ở Việt Nam

trong phiên họp khoáng đại vào ngày 7 - 10 - 1963. Đó là những hoàn cảnh khách quan trong cuộc tranh đấu khiến Đại Đức quyết tâm thực hiện đại nguyện của mình.

Ngày 5 - 10 - 1963, lúc 12 giờ 30, trước cửa Nam chợ Bến Thành, tại cổng trường Diên Hồng, trong lúc lưới công an mật vụ bủa vây khắp nơi để ngăn chặn những cuộc biểu tình của dân chúng, thì ngọn đuốc Quảng Hương được thắp sáng rực lên, gây nên một xúc động lớn lao khắp trong nước và trên thế giới.

Chính ngọn đuốc của Đại Đức đã nhóm lại ngọn lửa tranh đấu đang âm ỷ trong lòng dân chúng sau biến cố ngày 20 - 8 - 1963, để rồi ít lâu sau, thiêu rụi tòa lâu đài đầy tội ác của chế độ Ngô Triều, đồng thời làm sáng tỏ khắp hoàn cầu chánh nghĩa của cuộc tranh đấu vì lý tưởng tín ngưỡng của Phật Giáo Việt Nam.



Cổng tam quan đền thờ Lương Văn Chánh



Hội thảo về mốc thời gian hình thành tỉnh Phú Yên

Phần thứ ba

Nguồn lợi kinh tế

Chương I

Tài nguyên

Qua phần địa lý thiên nhiên, du khách đã có dịp nhận thấy tỉnh Phú Yên ở vào một địa thế rất đặc biệt, hai đầu có đèo cao, phía Tây có dãy núi Trường Sơn ngăn cách với vùng cao nguyên, phía Đông là biển cả, với một bờ biển dài trên 100 cây số. Ở giữa có những cánh đồng bao la, thẳng cánh cò bay. Hoàn cảnh thiên nhiên ấy đã giúp cho tỉnh Phú Yên có được một nền kinh tế tương đối phú túc. Có lẽ người xưa khi đặt cho tỉnh này cái tên Phú Yên đã nghĩ tới điều đó chăng ?

Trước hết, mời du khách tìm hiểu tài nguyên của nó. Sở dĩ Phú Yên được nổi tiếng khắp miền Nam Trung phần là nhờ vào sức sản xuất lúa gạo.

Như chúng ta đã biết, nhờ đất phù sa của các con sông Đà Rằng, sông Cái và sông Bàn Thạch mỗi năm bồi đắp thêm, vùng châu thổ Hiếu Xương, Tuy Hòa và Tuy An với một diện tích gần 100 ngàn mẫu tây, là kho lúa vô tận, sản xuất hàng năm ngót trăm ngàn tấn lúa, dư sức nuôi dân chúng Phú Yên, mà còn có thể cung cấp cho các tỉnh lân cận. Trong thời kỳ kháng chiến vừa qua, lúa gạo ở đây đã cung cấp cho cả Liên khu V trong 10 năm trời, đó là một bằng chứng cụ thể nói lên khả năng dồi dào về mặt nông nghiệp của tỉnh này. Đó là lúc mà đập Đồng Cam bị phá, nước sông không đem vào ruộng

được. Ngày nay, đập đã được sửa chữa lại, nước đã về điều hòa khắp nơi, thì sức sản xuất sẽ quan trọng gấp trăm lần trong thời kỳ chiến tranh.

Ngoài diện tích đã được canh tác, khá nhiều đất còn bị bỏ hoang ở vùng Sơn Hòa, Phú Đức, hoặc vì thiếu vốn kinh doanh hoặc vì xa làng mạc. Nếu có sự giúp đỡ của các cơ quan khuếch trương kinh tế, với sự hướng dẫn của các ngành nông vụ, và với một chính sách di dân hợp lý, số diện tích này được khai thác, số lượng sản xuất sẽ tăng gấp bội.

Ngoài lúa gạo là nông sản chính ta phải kể đến bắp. Qua khỏi Sông Cầu, du khách đã thấy những sườn núi trọc trồng bắp. Sườn này tiếp sườn kia, những rẫy bắp chạy khắp núi đồi Tuy An, ngược lên Đồng Xuân, qua Sơn Hòa, Phú Đức không biết bao nhiêu mà kể. Có những vùng đất tốt như Củng Sơn, trái bắp to như bắp chuối, cây bắp cao xấp hai người đứng. Đến mùa bắp sắp trở bông, cây bắp xanh biếc một màu, nõn nà mơn mớn như con gái lứa tuổi đôi tám, khiến du khách ngấm mải mà không biết chán. Thi sĩ Quách Tấn đã tả cảnh đẹp ấy trong hai câu thơ sau đây :

Vườn dừa mé biển tung đuôi phụng,

Rẫy bắp sườn non thẳng cánh cò.

Thứ đến đồng bào nông dân Phú Yên còn trồng các thứ hoa màu phụ khác như : khoai, đậu, mè, củ mì, trong các vườn thì trồng cây ăn quả, cau trầu thì quận nào cũng có. Có nhiều nơi nổi tiếng vì sức sản xuất nhiều như bài ca dao sau đây đã tả:

Ngó lên Đất Đỏ nhiều bắp nhiều khoai,

Ngó xuống Đồng Dài nhiều mía nhiều tranh,

Ngó vô Đồng Cọ nhiều lúa bạch canh áo già.

Mỹ Phong, Mỹ Thuận, Mỹ Hòa,

Phú Điền, Phú Cốc thiệt là nhiều cau.

Trên đây là những nông sản cần thiết để nuôi sống người dân. Nhưng nhu cầu của con người không phải chỉ nơi miếng ăn mà thôi, nó còn gồm nhiều thứ khác như mặc, các thứ đồ dùng, trang sức, giải trí. Mà muốn có những thứ ấy thì phải có tiền. Muốn được nhiều tiền thì không gì bằng trồng các thứ cây kỹ nghệ. Người nông dân Phú Yên đã biết rõ điều đó, nên các thứ cây kỹ nghệ được trồng khắp nơi, mang lại cho tỉnh này những mối lợi khá lớn, giúp người dân thỏa mãn được những nhu cầu nói trên.

Trước hết là mía. Từ xưa, người dân đã chú trọng vào nghề trồng mía và làm đường theo những phương pháp cổ truyền. Những vùng trồng mía nhiều là xã Hòa Phong, quận Hiếu Xương, xã Hòa Thắng, quận Tuy Hòa, xã Xuân Long, Xuân Sơn, quận Đồng Xuân. Ngày nay, tại tỉnh lỵ có một cơ quan chuyên môn về ngành trồng mía để giúp đỡ dân chúng trong việc cải tiến kỹ thuật trồng trọt và thay đổi các thứ mía ngoại quốc mà năng suất cao hơn các thứ mía của ta. Tại thôn Tân Mỹ, xã Hòa Phong, có một trung tâm thí nghiệm mía để cung cấp hom mía cho dân chúng trong tỉnh.

Thời xưa mía ở vùng La Hai có tiếng, cho nên người ta mới hát rằng :

Tiếng đồn chợ Xổm nhiều khoai,

Đất Đỏ nhiều bắp, La Hai nhiều dăng.

Sau mía, ta phải kể đến dừa là một thứ nông sản chiếm một địa vị quan trọng trong nền kinh tế tỉnh Phú Yên. Hầu hết khắp quận Sông Cầu và một phần quận Tuy An, dừa được trồng

thành rừng. Mỗi năm số dừa sản xuất trung bình 1.500.000 trái, mỗi trái giá hai đồng, ta cũng đã có một số tiền là ba triệu đồng. Đó là chưa kể lá dừa dùng để lợp nhà, cây dừa dùng làm sườn nhà, máng nước, bắc cầu, cành lá dùng đun bếp, xơ dừa dùng làm dây thừng v.v...

Loại cây kỹ nghệ quan trọng nữa là thuốc lá. Hiện nay các sườn đồi núi thuộc quận Sơn Hòa, Phú Đức và Đồng Xuân, diện tích trồng thuốc lá đã tăng lên gấp bội. Có nhiều hợp tác xã đã được thành lập để tìm cách tiêu thụ thuốc lá cho người sản xuất, khỏi bị những tay trung gian mua ép giá. Thuốc lá có tiếng ngon là thuốc lá Lỗ Đưng và Lỗ Quy về hạt Sơn Hòa. Vì thế mà có câu :

Thuốc nào ngon bằng thuốc Lỗ Quy,

Nhân cùng tắc biến phải đi lượm tàn.

Sau hết là các thứ cây ăn quả như cam, chuối, mận cầu v.v... Cam nổi tiếng là cam Đa Lộc thuộc xã Xuân Lãnh, quận Đồng Xuân. Tại đây có những vườn cam nặng trĩu. Tới mùa cam chín trông rất đẹp mắt. Người ta thường nói :

Cam Đa Lộc,

Thuốc Lỗ Đưng.

Như phần đầu đã nói, tỉnh Phú Yên ba mặt núi vây quanh. Núi này hầu hết là những rừng rậm, chứa đựng vô số lâm sản quý giá. Trước hết ta phải kể đến các loại danh mộc dùng trong việc làm nhà, đồ đạc, ghe thuyền như bằng lăng, bời lời, chai, chiêu liêu, bình linh, chò chỉ, gáo, giẻ, hương, gõ, huỳnh, kiền kiền, sao, sến, sơn, thị, trầm, xoay.

Ngoài gỗ, ta phải kể đến tre, lồ ô cũng rất quan trọng, vì nhu cầu rất lớn. Người dân vùng cận sơn còn lấy được dầu rái,

nhựa chai, vỏ nhuộm, mây dóng, khoai mài, và các dược liệu như hậu phác, sa nhơn, tô hạp, hà thủ ô, tía, Phú Yên sâm v.v... Rừng núi Phú Yên còn có nhiều loại muông thú như voi, cọp, bò rừng, trâu rừng, beo, gấm, hươu, nai, heo rừng, khỉ, vượn, trăn, sơn dương, nhím, công, trĩ, gà lôi, gà rừng v.v... Trong các loài muông thú trên đây, hươu nai và khỉ là quan trọng hơn cả, vì số lượng đã nhiều mà công dụng lại hữu ích. Ngoài thịt ăn ngon miệng, hươu nai còn cho ta nhung gác để nấu cao, bồi bổ cho sức khỏe, hoặc xương khỉ dùng nấu cao khỉ bổ gân và cường dương.

Tuy nhiên, không phải tất cả rừng núi trong tỉnh đều có những thứ lâm sản vừa kể. Rừng núi phía Nam Phú Yên thuộc các quận Hiếu Xương, Sơn Hòa, Phú Đức rậm rạp hơn, có nhiều lâm sản hơn rừng núi các vùng phía Bắc, vì phần nhiều là núi trọc, đồi hoang, chỉ có những loại cây củi và mây mà thôi, ví dụ như đồi núi ở vùng Thọ Vực, xã Hòa Kiến. Ca dao có câu :

Đẻ anh lên Thọ Vực,

Anh bắt củ roi mây,

Lùa trâu xuống ruộng em cày,

Đôi ta cày cấy đợi ngày lên hoa.

Về mặt hải sản, tỉnh Phú Yên cũng có lắm sản vật quan trọng. Với một bờ biển dài trên trăm cây số, có ba con sông lớn chảy ra biển, lại thêm nhiều đầm, nhiều vũng là những điều kiện rất tốt cho sự sinh sản của loài hải tộc. Trước hết ta phải kể đến các thứ cá. Biển Phú Yên có đủ loại cá tiếng tăm như : cá thu, cá nục, cá mú, cá cơm, cá trích, cá liệt, cá róc, cá giống, cá mạnh, cá lang tiêu, cá bạc má, cá gúng, cá diên v.v... Nhiều năm được mùa, cá chở hàng chục xe vận tải trong một ngày không hết.

Trong các loại cá trên đây, cá thu ở vùng Hòn Yến có tiếng là ngon. Người ta thường chở vào Tuy Hòa bán đầy chợ. Vì cá thu chợ Yến ngon, nên những bà vợ hiền thường mua về tẩm bổ cho chồng. Song oái ăm thay, có những anh chồng khó tính, chẳng những đã không khen một lời cho vợ mát lòng, mà lại còn chê bai, khiến cho bà vợ lắm khi phải bực mình mà thốt ra lời mỉa mai :

Hỏi nào gạo trắng Quán Cau,

Cá thu chợ Yến lắc đầu chê hôi.

Bây giờ đáng số anh ơi,

Một phần khoai hai phần độ anh thôi kén lừa !

Con cá gúng cũng là loại cá biển có tiếng, mình tròn và dài, lớn bằng bắp vế. Cá gúng mà hầm với nước mắm ngon thì tuyệt khẩu. Vì thế người ta đã ví sự khoái khẩu ấy chẳng khác gì một anh chàng cưới được sáu cô vợ, mỗi cô giữ một phần việc trong gia đình, để cho đức Lang Quân tha hồ hưởng lạc. Du khách hãy nghe :

Nước mắm ngon hầm con cá gúng,

Để anh về bầu Súng (1) mua rau,

Nuôi heo mau lớn cưới sáu cô dâu một lần.

Cô nhất buồn bán tảo tần,

Cô hai đòi nợ chỗ gần chỗ xa.

Cô ba gánh nước tưới hoa,

Cô tư nấu nước cho cha mẹ dùng.

Cô năm giữ chiếu căng mừng,

(1) Thuộc xã An Mỹ quận Tuy An.

Để cho cô sáu nằm chung với chàng.

Rồi đến con cá diển cũng là loại cá ngon. Cá này khi mới câu được, đem chiên hay hấp hoặc kho cho người bệnh ăn vừa ngon miệng vừa bổ khỏe. Nhưng loại cá này hơi hiếm, ngồi câu hàng giờ mới được một con. Vì quý như thế, nên chàng trai không ngại khó nhọc và tốn hao thì giờ, khi nghe người yêu cảm bệnh, chàng chịu khó ra biển câu cho được một con đem về biếu nàng. Chúng ta hãy nghe chàng kể lể :

Anh chèo thuyền ra biển,

Anh câu con cá diển ba gang,

Xách lên Hòn Gió thăm nàng (1)

Bệnh tình mau mạnh kết đôi duyên nhân.

Sau cùng cá lang tiêu, cá bạc má là loài cá biển nhỏ con, chỉ bằng ba ngón tay, vảy xanh láng, trông đẹp và xinh. Thịt nó lành, người ta thường kho với tiêu để cho người dễ ăn với cơm. Và đây là tấm sự của người chồng yêu vợ :

Anh đi câu lưới quất lưới mành,

Cá lang tiêu, bạc má để dành cho em.

Ngoài cá là thứ hải sản chính, biển Phú Yên còn có các thứ sản vật khác như : sò huyết, tôm, sứa, hàu, ruốc, mực, vây cá, bóng cá, cước cá, hải sâm, cua, ghẹ v.v...

Trong các sông, các bầu và ruộng sâu, cá nước ngọt cũng nhiều. Các loại cá có tiếng là cá chép, cá lóc, cá diếc, cá rô. Sông Hinh là nơi nhiều cá nhất, cho nên có câu tục ngữ :

Cọp núi Lá,

Cá sông Hinh.

(1) Thuộc xã An Chấn quận Tuy An.

Cá diếc ngon nhất là cá diếc Bàu Sen, còn cá rô có tiền là cá rô Bàu Đục, cả hai bàu này đều ở hạt Đồng Xuân.

Nói về tài nguyên của tỉnh Phú Yên, thiết tưởng cũng cần tìm hiểu về mục súc, vì tỉnh này nổi tiếng về giống bò tốt giá trị ngang với bò các tỉnh Hà Giang (Bắc Phần), Nghệ An, Thanh Hóa (Bắc Trung Phần). Theo thống kê năm 1960 thì toàn tỉnh có 115997 con. Số bò này hàng năm được bán đi các tỉnh lân cận. Tại thị xã Tuy Hòa có một chợ trâu bò để dân chúng các nơi đem bò tới đây bán. Bò tốt nhất, được mọi người ưa thích là bò ở An Nghiệp, An Định và An Lĩnh thuộc quận Tuy An, xã Hòa Thắng thuộc quận Tuy Hòa.

Ở đây người ta ít nuôi trâu, vì không có ruộng sâu. Chỉ những vùng cận sơn như vùng Mỹ Thành, xã Hòa Mỹ, vùng Suối Lộn, xã Đức Thành, quận Hiếu Xương, người ta nuôi trâu để kéo gỗ.

Tại Phú Yên người ta cũng nuôi nhiều ngựa, dùng để kéo xe và thồ hàng. Hàng ngày, khi tới tỉnh Phú Yên, du khách sẽ gặp vô số những chiếc xe ngựa chạy trên các con đường khắp tỉnh, và trên những con đường độc đạo miền thượng du, thỉnh thoảng lại gặp hàng đàn ngựa thồ đủ loại hàng trên lưng.

Ngoài ra còn có các thứ gia súc như heo, gà, vịt, quần nà cũng có.

Sau cùng là khoáng sản thì tỉnh Phú Yên chưa tìm thấy loại mỏ nào cả, chỉ có những hầm đá vôi, đá xanh dùng trong việc xây cất nhà cửa mà thôi.

Chương II

Hoạt động công nghiệp và ngư nghiệp

Nền kinh tế của tỉnh Phú Yên là một nền kinh tế nông nghiệp. Hoạt động kỹ nghệ chưa có. Hoạt động công nghệ phần nhiều là loại chế biến các nông sản, hoặc những cơ sở sản xuất các vật dụng hàng ngày của dân chúng. Kỹ thuật sản xuất hầu hết vẫn còn theo những phương pháp cổ truyền. Sản phẩm đã xấu mà giá thành lại cao.

Qua phần tài nguyên, chúng ta đã có dịp biết đến các loại cây kỹ nghệ được trồng nhiều tại đây. Chính những nông sản ấy là nguyên liệu của các hoạt động công nghệ.

Nghề dệt cửu hiện thời chỉ là thủ công nghiệp gia đình. Vì thế, sản phẩm không được đẹp và tốt bằng loại sản xuất ở Saigon. Nhưng đặc biệt ở đây có nghề dệt lãnh, dệt gấm là có tiếng từ lâu. Nguyên hời xưa nghề này xuất hiện tại vùng Gò Duối xã An Lộc quận Sông Cầu. Về sau, một vài gia đình ở vùng Ngân Sơn xã An Thạch quận Tuy An học được nghề này và tìm cách cải tiến kỹ thuật, khiến cho lãnh, gấm Ngân Sơn trở nên tốt đẹp hơn lãnh, gấm Gò Duối. Do đó, khách hàng từ

phương đều đổ xô về Ngân Sơn mua, làm cho nghề dệt lãnh dệt gấm ở đây được phát triển. Tuy nhiên, vì lối giữ kín nghề nghiệp, nên cả một vùng mà chỉ có dăm ba gia đình biết dệt mà thôi. Ca dao có câu :

*Đất Cù Du là nơi chiếu tốt,
Lãnh nào tốt bằng lãnh Ngân Sơn,
Em đừng so sánh thiệt hơn,
Tình anh đây ví thử keo sơn nào bằng !*

Từ ngày cách mạng tháng tám trở đi, nghề dệt lãnh, dệt gấm ở Ngân Sơn bị phá sản hoàn toàn, vì không còn thị trường tiêu thụ nữa. Các ông Bộ Trưởng, Tổng Giám Đốc, các ông Chủ Tịch, các ông Bí Thư đã từ bỏ quốc phục mà bận âu phục, không còn những chiếc áo dài gấm cải hoa, cải chữ nữa. Đến nay, nói tới lãnh gấm Ngân Sơn, người ta cảm tưởng như nói một câu chuyện cổ tích mà thôi.

Nghề nấu dầu dừa và làm dây dừa ở Sông Cầu cũng là một thủ công nghệ quan trọng của tỉnh Phú Yên, vì :

Rừng dừa mé biển tung đuôi phụng

QUÁCH TẤN

Là kho nguyên liệu phong phú và quan trọng, đủ cung cấp cho ngành công nghệ này hoạt động quanh năm.

Nghề làm dây gai, dệt võng, dệt lưới ở vùng Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy Hòa, Tuy An cũng là một nghề cổ truyền, tuy ngày nay, trong nghề dệt lưới, người ta đã dùng dây cước, dây ny lông thay thế một phần dây gai.

Nghề nấu đường đen theo phương pháp cổ truyền cũng là một tiểu công nghệ phổ biến của tỉnh Phú Yên. Những nơi

có tiếng về sản xuất đường là vùng Tân Lập thuộc xã Xuân Sơn, quận Đồng Xuân, nên phương ngôn có câu :

Nếp Màng Màng,

Đàng Tân Lập.

Tại vùng La Hai, số đường sản xuất cũng nhiều. Các bà buôn đường đã đặt thành câu ca dao sau đây để truyền tụng cho nhau :

Tiếng đồn chợ Xổm nhiều khoai,

Đất Đỏ nhiều bắp, La Hai nhiều đường.

Tại vùng Tuy Hòa, các thôn Ngọc Lãng, Đông Phước trước kia cũng làm đường đen, đổ vào khuôn lớn bằng chiếc mâm, đem tới bán ở chợ Dinh, tức là chợ Tuy Hòa ngày nay. Các nơi về đây mua sỉ để bán. Đường Dinh do đó được nổi tiếng. Ca dao có câu :

Vái ông Tơ một chồng bánh trắng,

Vái bà Nguyệt một táng đường Dinh.

Đôi ta gá nghĩa chung tình,

Dù ăn cơm mắm, ngủ ngoài đình cũng ưng.

Trước thế giới chiến tranh lần thứ hai, việc sản xuất đường ở Phú Yên đã được một công ty người Pháp thực hiện bằng máy móc và kỹ thuật tối tân, trở nên một ngành kỹ nghệ quan trọng, khiến cho khắp trong nước, đâu đâu người ta cũng nói đến nhà máy đường Tuy Hòa. Do đó mới có câu ca dao sau đây :

Hôm nay ăn mía Triệu Tường, (1)

(1) Triệu Tường là một nơi trồng mía rất ngon thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) Nước mắm Nam Ổ ở Quảng Nam có tiếng là ngon.



Nông dân chở rơm



Xe ngựa chở khách

(1) (2) (3) Tên ba xóm và thôn của xã Hòa Đồng quận Hiếu Xương

Đội mấm Nam Ổ (2) đội đường Phú Yên.

Nhà máy đường này đã bị phá hủy trong thời gian kháng chiến vừa qua. Đến nay vẫn chưa được tái lập. Một dự án xây lại nhà máy đường Tuy Hòa đã được một công ty ngoại quốc đề trình Chính Phủ và đã được duyệt y. Nếu dự án này được thực hiện thì chẳng bao lâu nữa, nền kinh tế tỉnh Phú Yên lại được phục hưng mạnh mẽ.

Sau cùng là các thủ công nghệ không quan trọng như nghề làm đồ gốm, đúc gạch ngói, đóng bàn ghế, nung vôi, đan giỏ đan gàu, dệt chiếu, chằm nón v.v... thực hiện tại các vùng riêng biệt. Chúng ta hãy nghe :

Vinh Ba (1) đan giỏ đan gàu,

Phú Diễn (2) chằm nón xóm Bàu (3) vớt rong.

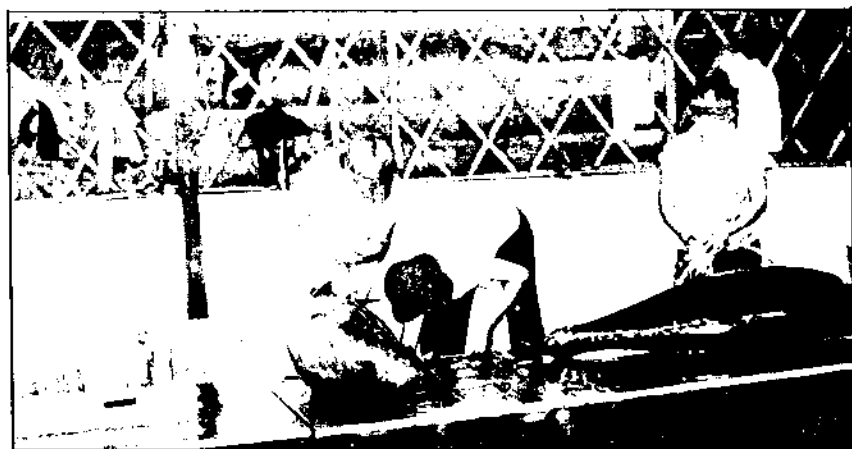
Từ năm 1955 lại đây, một vài nhà máy nhỏ cũng đã được thiết lập, nhưng vẫn còn nằm trong tình trạng tiểu sản xuất như nhà máy nước đá, nhà máy xay lúa, xẻ gỗ, nhà máy điện lực, nhà máy in.

Riêng về ngư nghiệp, sự hoạt động vẫn theo các phương pháp cổ truyền. Vẫn là những chiếc ghe, những tay lưới hoạt động gần bờ. Tuy số cá thu hoạch được khá lớn, nhưng chưa có một ngành công nghệ chế biến nào khả dĩ giúp tiêu thụ các hải sản, ngoài việc muối cá để làm nước mắm, làm mắm ruốc hoặc phơi khô.

Ngày nay, cơ quan ngư nghiệp đã tìm cách giúp đỡ ngư dân cải tiến nghề nghiệp, bằng cách cung cấp động cơ ngư thuyền và sợi ny long đan lưới. Một số hợp tác xã ngư nghiệp, cũng đã được thành lập, song sự hoạt động còn trong thời kỳ rút kinh nghiệm.



Biển Vũng Rô



Sơ chế cá ngừ

Chương III

Hoạt động thương mại

Vì ngành công nghệ chưa phát triển, nên hoạt động thương mại của tỉnh Phú Yên cũng chưa được mạnh mẽ. Tại Tuy Hòa là thị trấn quan trọng nhất tỉnh, các nhà buôn bán chỉ là tiểu thương gia.

Các phẩm vật được xuất tỉnh phần lớn là nông sản như lúa, bắp, đậu, mè, gai, đường ; hải sản như cá, sò huyết , tôm khô, các loại mắm, cước cá, bóng cá ; nông súc như bò ; gia súc như heo, gà, vịt và lâm sản như gạc nai, mật ong.

Các sản phẩm nhập tỉnh là các loại hàng hóa sản xuất ở Saigon hay hàng ngoại hóa cần thiết cho nhu dụng hàng ngày của dân chúng.

Tại thôn quê, trung tâm hoạt động thương mại là các chợ. Phú Yên có rất nhiều chợ, nhưng sự buôn bán ở đây còn nặng về các loại thực phẩm và tạp hóa. Sau đây mời du khách nghe một đoạn về nói đến tên các chợ :

Chợ nào bán cá cũng nhiều :

*Chợ Tuy Hòa, chợ Đông Mỹ, chợ SơnTriều, chợ
Thái Long.*

Chợ Phú Nhiêu, chợ Phú Thử, chợ Phú Nông,

*Chợ Bàn Nham, chợ Phũ Tiếp, chợ Hòa Đồng,
chợ Củng Sơn.*

*Chợ Phú Lâm, chợ Phú Hiệp nhiều hơn,
Chợ Thạch Thành, chợ Phước Mỹ, chợ Lương Sơn,
chợ Núi Sầm.*

*Chợ Màng Màng, chợ Lò Giấy, chợ Nho Lâm,
Chợ Lò Tre, chợ Xổm, chợ Phú Tân, chợ Vân Hòa.
Chợ Phú Vang, chợ Phú Cốc, chợ Hòa Đa,
Chợ Phú Thạnh, chợ Phiên Thứ cùng là chợ Quán
Cau.*

*Chợ Quang Thuận, chợ Quảng Đức (?) chợ Tiên
Châu,*

*Chợ Phong Thái, chợ Chí Thạnh, chợ Sông Cầu,
chợ La Hai.*

*Chợ Đèo, chợ Mới, chợ Đồng Dài,
Chợ Phiên Sen, chợ Phước Lãn, chợ Gò Chai,
chợ Bình Hòa.*

*Nước mắm ngon chợ Khoan Hậu, chợ Gành Bà,
Chợ Tiên Châu, chợ Giao cùng là chợ Nhơn Sơn.*

.....

Nói tóm lại, sự hoạt động thương mại của tỉnh Phú Yên chỉ vào mức độ bình thường mà thôi. Sau này khi nhà máy đường được tái lập, chắc chắn nền thương mại ở đây sẽ trở nên nhộn nhịp.

Chương IV

Sản vật đặc biệt

Sau khi đã tìm hiểu sâu xa và tỉ mỉ non nước Phú Yên, giờ đây, chắc du khách muôn thưởng thức những miếng ngon vật lạ của tỉnh này và nếu tiện thì mua đem về làm quà cho bà con lối xóm. Thì đây du khách sẽ được vừa ý, tôi lần lượt giới thiệu một số sản vật đặc biệt, tùy mùa, du khách sẽ được tự ý lựa chọn.

Những sản vật này tuy mức sản xuất không đáng kể, nhưng thuộc vào loại giá trị về phẩm chất. Nó đã từng làm cho tên tuổi Phú Yên vang đi khắp nước.

NẾP VƯỜN TRẦU : Vườn Trầu là một xóm ở về phía Đông Bắc Tuy Hòa, thuộc thôn Ninh Tịnh và Hòa Kiến, quận Tuy Hòa. Nếp ở đây trồng trên những thửa ruộng cao. Người nông dân phải tát nước luôn luôn để nuôi cây lúa từ khi mới cấy xuống ruộng. Lối tát nước ở đây không giống như ở các nơi khác. Người ta làm một cái cần như kiểu cần vọt mức nước ở các giếng sâu. Người tát nước giẫm chân trong nước, dùng một loại gàu dai nhỏ, mức nước rồi đỡ gàu lên mà đổ vào ruộng. Công việc làm hết sức khó nhọc. Cho nên :

Muốn ăn hạt nếp Vườn Trầu,

Sợ e tát nước đỡ gàu không lên.

Ở đời cái gì quý thì tất nhiên là khó kiếm, muốn có được hạt nếp Vườn Trầu mà ăn, người nông dân đã dùng không biết bao nhiêu là sức lực. Ta có thể nói mỗi hạt nếp là một giọt mồ hôi vậy. Có lẽ vì thế mà hạt nếp ở đây vừa thơm vừa dẻo, nấu xôi, nhất là loại xôi hành mỡ thì khoái khẩu vô cùng. Người thấy mùi xôi bốc lên, tưởng chừng ta có thể ăn hết cả nồi.

XOÀI ĐÁ TRẮNG : Từ cầu Ngân Sơn đi ra ba cây số, du khách đến gốc Vườn Xoài, ngó về phía tay trái, có đường đi lên núi vào chùa Từ Quang, tục danh là Đá Trắng, vì nơi đây có nhiều đá vôi trắng xóa. Vườn chùa này rộng đến mấy mẫu tây là nơi sản xuất một thứ xoài ngon đặc biệt. Chúng tôi được may mắn hầu chuyện vị Hòa Thượng tọa chủ chùa này, nên được biết những chi tiết về loại xoài Đá Trắng.

Cây xoài ở đây trông có vẻ cằn cỗi lắm. Thường thường những cây xoài trồng các nơi, có cây chiếm cả diện tích một sào đất, còn ở đây, chu vi không lớn hơn một cái nong phơi lúa. Sở dĩ cây xoài không được tốt tươi, có lẽ vì đất ở đây quá xấu, nhiều sỏi đá, rễ cây không thể ăn sâu và không đủ nước để hút lên nuôi thân và lá. Vì vậy đến mùa, chỉ độ hai phần ba cây trong vườn trở bông kết trái. Đặc biệt cây nào đã không trở bông thì tuyệt đối không có một bông nào cả. Vì cây cằn cỗi nên mỗi mùa, mỗi cây chỉ đậu được 70 đến 100 trái mà thôi.

Trái xoài Đá Trắng nhỏ, có lẽ là vì cây xoài không tốt tươi, hột xoài nhỏ, vỏ mỏng, nhưng lại dai có thể lột được. Khi còn xanh hay mới chín, khó mà phân biệt được. Nhưng khi đã chín già thì xoài Đá Trắng đượm một màu vàng đỏ tươi, đều khắp trái, mùi thơm ngào ngạt. Ăn vào miệng, ngọt đến không thể tả xiết. Chắc các bạn đã nghe câu :

Rủ lên Đá Trắng ăn xoài,

Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì.

Vì xoài Đá Trắng quý như thế, nên ngày xưa đến mùa xoài, các quan tỉnh Phú Yên phải mua đem ra Huế tiến nhà vua, vì vậy mà gọi là xoài Tiến, và được mang danh hiệu là “Bạch thạch Yêm ba”. Xoài Đá Trắng Phú Yên với trái bòn hòn Quảng Nam là “Nhị bảo ngự thiện” nghĩa là hai sản vật quý mà nhà vua ưa thích nhất.

Khi trái xoài Đá Trắng đã già, các quan tỉnh cử một nhân viên đến đếm từng trái, từng cây, ghi vào sổ sách. Trái nào rụng phải được báo cáo. Khi xoài chín các quan định hái bao nhiêu, còn lại nhà chùa mới được biếu thập phương hoặc bán ra thị trường. Nhưng số này không còn mấy.

Dân chúng quanh vùng thấy xoài Đá Trắng quý như vậy, lấy hột về trồng, nhưng khi kết trái, thứ xoài này thua xa về phẩm chất đối với xoài Đá Trắng. Bởi vậy khi du khách tới chợ Tuy Hòa, thấy bán xoài chớ vội tưởng là xoài Đá Trắng. Muốn thưởng thức cho biết hương vị xoài Đá Trắng mà khỏi bị lầm, mời du khách chịu khó lên viếng chùa Đá Trắng vậy.

SẢN PHƯỜNG LỤA : Đã nói đến xoài Đá Trắng, tất không thể không nói đến sản Phường Lụa. Bởi vì :

Xoài Đá Trắng

Sản Phường Lụa

Là câu nói đầu cửa miệng đồng bào Phú Yên.

Phường Lụa là tục danh của thôn Ngân Sơn. Ở đây, sát bên Quốc lộ số 1 có một dãy núi trọc, chạy từ vùng Chí Thạnh ra. Đất núi ở đây xốp, hơi đỏ, thích hợp cho loại sản nước ngọt (ngoài Bắc gọi là củ đậu).

Hàng năm, cứ vào khoảng tháng chạp, người ta lấy các

củ sắn của mùa trước, đã nứt mầm, đem trồng một ít để qua tháng 4, tháng 5 lấy hạt giống. Hạt vừa hái xong, phơi khô và đem ra gieo vào luống.

Trước khi gieo hạt, người ta phải cày hoặc cuốc đất, vun thành luống, cứ một lớp bồi lại phủ một lớp đất, cốt làm cho đất nhẹ và xốp, củ đậu dễ lớn. Khi gieo hạt xong, người ta lại phủ lên mặt luống một lớp rơm rạ hoặc bồi. Thế là xong phó mặc cho mưa nắng, chỉ còn đợi ngày thu hoạch vào khoảng tháng chín tháng mười âm lịch.

Đặc điểm của củ sắn Phường Lụa là cuống nhỏ, dù củ lớn hay bé cũng vậy, vỏ mỏng và trơn, nếu cầm lột từ trên cuống, thì vỏ theo sở mà tách khỏi không bị đứt như sắn các vùng khác. Khi ăn vào miệng, sắn ngọt và không có xơ. Nếu để độ mười hôm thì chất ngọt có giảm, nhưng để lâu hơn nữa thì càng ngọt thêm.

Trước kia người ta chỉ biết dùng sắn để ăn sống (trẻ con thích, vì ăn nó chẳng khác nào ăn bom táo Hương cảng) xào và nấu canh. Gần đây, người ta bắt đầu xắt sắn thành từng miếng bằng ngón tay út, đem phơi khô để xào với thịt bò hay thịt heo.

Hàng năm, đến mùa sắn, hàng chục xe vận tải chở sắn Phường Lụa vào tận Tuy Hòa, Nha Trang hay Saigon bán, không khi nào bị ế.

BỘT HOÀNG TINH : Mỗi lần du khách tới thăm Phú Yên về mùa nóng nực, ghé vào một quán bên đường để giải khát. Du khách đã chán ngấy la ve, nước cam vì ở thủ đô du khách uống đã quá nhiều. Nay du khách muốn giải khát bằng một thứ gì là lạ, vừa mát vừa giải nhiệt, vừa thêm sức để du khách còn đi thăm các thắng cảnh, mà được hương vị địa phương.

Để làm vừa lòng du khách, cô gái Phú Yên sẽ tươi cười bưng đến cho du khách một ly nước trắng tinh. Du khách uống một hơi đã cạn hết nửa ly. Đặt ly xuống du khách thấy trong người trở nên mát mẻ, dễ chịu. Trước khi tiếp tục uống cạn ly, du khách tươi cười hỏi cô chiêu đãi viên :

— Nước gì mát dữ vậy (vậy) cô ?

Cô chiêu đãi viên sẽ niềm nở trả lời khách :

— Thưa ông, đó là nước bông giờ ạ.

Du khách nghe danh từ là lạ, muốn biết bông giờ là cái gì, cô gái Phú Yên sẵn sàng nói rõ cho du khách nghe :

— Bông giờ là danh từ mà đồng bào Phú Yên thường dùng để gọi củ huỳnh tinh. Huỳnh tinh là một nông sản phụ. Nhưng phẩm chất lại có giá trị, khắp miền thôn quê Phú Yên đâu đâu cũng có trồng.

Huỳnh tinh chính hiệu con nai vàng thường được gọi là huỳnh tinh ta, cũng có nơi gọi là huỳnh tinh Nam, cây cao chừng 2 tấc tây, lá rộng bằng hai ngón tay, dài một gang, mọc chóc ngọn lên như lá khoai hạ, bông trắng và có thể luộc ăn như rau. Củ huỳnh tinh lớn bằng ngón tay cái, củ nhỏ nhất bằng ngón tay út, dài chừng 6 phân, hai đầu nhọn, giữa lớn như hình chiếc suốt dẹt vải, vỏ vàng nhạt như khoai lang trắng. Khi luộc lên, vỏ ấy có thể bóc được, ruột trong và dẻo, ăn rất ngon.

Nhưng phần đông nông dân ít luộc huỳnh tinh vì bán được ít tiền. Người ta lấy bột phơi khô, bán từng ký được giá hơn.

Muốn lấy bột huỳnh tinh người ta dùng cách sau đây : cạo vỏ củ huỳnh tinh sống, bỏ vào cối giã cho thật nát. Xong vớt ra bỏ vào thùng hoặc ang có chứa sẵn nước lã trong, vớt cho huỳnh tinh tan đều trong nước, rồi múc lọc qua hai ba lần, lúc

đầu qua thứ dừng thưa, sau quá rây bằng tơ mỏng. Lọc xong để cho huỳnh tinh lắng xuống, gạn bỏ nước, rồi xắt thành từng miếng nhỏ, đặt lên lá chuối mà phơi. Sau ba hay bốn nắng là bột khô, mịn và trắng như bông.

Bột huỳnh tinh rất quý, vì nó có tác dụng trừ nhiệt khả phong. Nếu lấy bột hợp vệ sinh, bột huỳnh tinh là một món ăn bổ dưỡng cho các bệnh nhân, ông già, bà lão và trẻ em.

Bột huỳnh tinh để nấu chè hoặc làm bánh. Nhưng người ta thường dùng để khuấy bột. Có ba cách khuấy bột. Bỏ bột và đường vào ly hay chén, lấy muỗng nghiền cho nát những óc bột trộn lẫn đều với đường, ít thôi vì bột sẽ nở nhiều ra. Xong, rót lần lần nước sôi vào chính giữa, vừa rót vừa khuấy cho bột chín đều. Muốn ăn đặc loãng tùy thích. Nước sôi làm chín bột huỳnh tinh biến thành màu nhợt và trong. Giữa chất tinh bột đã chín, lổm đổm có những óc bột trắng, vì không tiếp nhận nước sôi thì đã bị lớp bột chính bọc quanh, nên giống như những tròng cá. Vì vậy người ta gọi là “Khuấy bột tròng cá”.

Cách thứ hai, trộn đường và bột, chế một ít nước lạnh vào, khuấy cho bột và đường tan ra nước, rồi chế nước sôi vào, vừa rót vừa khuấy, đặc lỏng tùy ý, cho đến khi bột đông lại và trong như thạch xoa là ăn được.

Cách thứ ba vẫn thường dùng là lấy bột trộn đều với đường, chế nước lã vào khuấy đều để giải khát, không cần pha thêm nước sôi. Lối giải khát này hay dùng nhiều nhất về mùa nắng và có tác dụng hồi sức rất hiệu nghiệm.

SỜ HUYẾT, HÀO và CƯỚC CÁ : Mấy sản vật sau cùng mà chúng tôi giới thiệu với quý du khách là mấy món hải sản có tiếng ở Phú Yên. Chắc du khách đã từng nghe hai câu thơ của Tản Đà sau đây :

Lấy chi vui với thu tàn

Phú Câu cước cá, Ô Loan miếng hào

Một tay sành ăn như thi sĩ Tản Đà, đã từng thưởng thức đủ các thứ sơn hào hải vị, từ món rau sắng chùa Hương đến trái cà pháo Nghệ An, đã phải dùng lời thơ để tả cái ngon của các hải sản đất Phú Yên, thì đủ biết các món ấy thỏa mãn thực khách đến chừng nào ?

Phú Câu là một thôn ở sát bên tòa Hành Chánh Phú Yên, nhân dân ở đây chuyên làm nghề đánh cá và đặc biệt là nghề làm cước cá bán. Nhưng không phải là nhà nào cũng làm, mà chỉ có một ít gia đình chuyên môn. Mỗi lần, có ghe cá về, những người này đến mua vây cá giống, cá nhám để làm cước. Cước cá ở đây ngon có tiếng như lời thi sĩ Tản Đà đã xác nhận.

Đầm Ô Loan thì trên phần bờ biển, chúng tôi đã có nói tới. Tại đây có hai món hải sản đặc biệt mà du khách đến thăm Phú Yên không nên bỏ qua. Ấy là sò huyết và hào. Hai món này không phải chỉ riêng đầm Ô Loan mới có, khắp bờ biển Việt Nam không thiếu gì nơi có. Nhưng sò huyết và hào ở đầm Ô Loan ngon đặc biệt. Bởi vì đây là một cái đầm nước xẻ hai, nghĩa là vừa có nước mặn vừa có nước ngọt, mặt nước yên lặng không bị sóng khuấy động các chất cần thiết cho sự sinh sống của hai loài hải sản trên đây lúc nào cũng đầy đủ.

Những tay sành ăn, thường thuê ghe ra đầm, mượn người lặn xuống nước mò sò và hào. Nếu được sò huyết thì đã có sẵn lò than đỏ rực, và chén nước mắm tỏi ớt để giải quyết. Nếu mò được một cụ hào thì đã có sẵn mũi dao nhọn và đĩa chanh muối để làm thỏa mãn thực khách. Cái thú chơi thuyền ăn sò huyết và hào này thật là một lối tiêu khiển thần tiên vậy.

Kết luận

Du khách thân mến,

Như đã hứa với du khách sau khi chúng ta chia tay ở Khánh Hòa, hôm nay chúng tôi đã hướng dẫn du khách viếng thăm toàn tỉnh Phú Yên, bằng óc tưởng tượng phong phú của quý bạn qua những lời, những chữ quê mùa của chúng tôi.

Giờ đây, sau khi vất vả băng đèo, vượt suối mệt mỏi, du khách đã tìm thấy tất cả những vẻ đẹp đáng yêu, đáng quý của non nước Phú Yên, và chắc chắn từ nay bạn sẽ không còn có những thành kiến với tỉnh này nữa, bởi vì “Giang sơn nào anh hùng nấy”. Ở đâu cũng có cái đẹp, cái hay, nếu ta không chịu khó tìm hiểu, không bao giờ thấy được.

Với một hoài vọng thắm thiết, tìm hiểu giang san gấm vóc này, chúng tôi xin hẹn với du khách đến viếng thăm non nước một tỉnh khác.

Tiếng còi xe lửa đã huýt vang, giờ khởi hành sắp tới. Trước khi chia tay, chúng tôi xin nhắc lời du khách một lần cuối cùng :

Quận Tuy Hòa có hòn Nhạn Tháp,

Chốn Sông Cầu dừa mát bóng dâm.

Phú Yên lắm cảnh danh lam,

*Sơn Hòa có suối, Đồng Xuân có rừng.
Tuy An nước lặng mây dừng,
Đất rừng màu mỡ nên xuân xứ nầy.
Thương chàng tỏ thiệt nơi đây,
Phú Yên giàu có tháng ngày thong dong.*

HẾT

PHỤ LỤC

Non nước Phú Yên

Ngày 27/4/1965 do nghị định số 678 - NV của Thủ tướng VNCH, quận phú Đức hạ xuống thành cơ sở phái viên hành chánh đặt trực thuộc quận Sơn Hòa cùng tỉnh. Trụ sở phái viên phú Đức đặt tại Tuy Bình (xã Đức Bình). Đến ngày - 8/1/1969 do nghị định số 15 - ND/NV cơ sở phái viên hành chánh này giải thể, đặt các xã trực tiếp quận Sơn Hòa.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, do nghị định của chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Việt Nam tháng 2 - 1976, 2 tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên hợp nhất lấy tên là tỉnh Phú Khánh, tỉnh lỵ tại Nha Trang.

Ngày 10/3/1977 do quyết định số 49 - CP của hội đồng Chính Phủ, trên đại bản tỉnh Phú Yên cũ, hợp nhất 2 huyện Tuy An, Đồng Xuân và các xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, Phú Mỹ của huyện Tây Sơn thành huyện Xuân An, hợp nhất huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa thành huyện Tuy Hòa. Thị xã Tuy Hòa hạ xuống thành thị trấn huyện lỵ Tuy Hòa.

Ngày 22/9/1978 do quyết định số 241 - CP của hội đồng Chính Phủ, huyện Tuy Hòa lại được chia thành 2 đơn vị hành chánh: huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa. Huyện Tuy Hòa gồm có các xã:

Hòa Trị	Hòa An	Hòa Thắng
Hòa Quang	Hòa Định	Hòa Thành
Sơn Thành	Hòa Bình	Hòa Tân
Hòa Vinh	Hòa Đồng	Phú Lâm
Hòa Hiệp	Hòa Phong	Hòa Xuân
Hòa Thịnh	Hòa Mỹ	

Thị xã Tuy Hòa gồm có các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 2 xã Bình Kiến, Bình Ngọc. Chia huyện Xuân an thành 2 huyện

Tuy An và Đồng Xuân. huyện Tuy An gồm có các xã:

An Định	An Lĩnh	An Nghiệp.
An Xuân	An Dân	An Thịnh
An Ninh	An Cư	An Hiệp
An Hải	An Hòa	An Mỹ
An Chấn	An Thọ	

Huyện Đồng Xuân có các xã sau:

Xuân Lộc	Xuân Cảnh	Xuân Định
Xuân Thọ	Xuân Lĩnh	Xuân Long
Xuân Phước	Xuân Sơn	Xuân Quang
Phú Mỹ	Thị trấn Sông Cầu	

Trả các xã Sơn Xuân, Sơn Lonh, Sơn Định về huyện Tây Sơn.

Sau 3 năm giải phóng chính quyền cách mạng đã cho thực hiện các khu kinh tế mới có kết quả tốt đẹp. Người dân đã bám rễ được ở các vùng đất mới để có cuộc sống bền vững lâu dài. Về mặt quản lý hành chính, chính quyền đã có thể địa phương hóa các khu kinh tế mới thành các đơn vị hành chính cơ sở. Do đó ngày 2/3/1979 quyết định số 74 - CP của hội đồng Chính Phủ đã cải tiến khu vực kinh tế mới ở huyện Đồng Xuân xã Đa Lộc, và thành lập thị trấn Chí Thạnh, huyện lỵ huyện Tuy An. Ngày 23/4/1979 quyết định số 177 - CP, khu kinh tế mới thôn Phong Hậu, buôn Hố Hầm (xã Sơn Hà huyện Tây Sơn) và thôn Lỗ Rong (xã Hòa Quang huyện Tuy Hòa) được cải tiến thành xã Hòa Hôi thuộc huyện Tuy Hòa. Ngày 11/6/1979 do quyết định số 220 - CP thị trấn Củng Sơn, huyện lỵ huyện Tây Sơn được thành lập. Ngày 5/9/1981 thị xã Tuy Hòa được mở rộng địa bàn bằng cách sáp nhập các xã Hòa Tr. Hòa An, Hòa

Thắng, Hòa Quang, Hòa Định và Hòa Hội tách khỏi huyện Tuy Hòa do quyết định số 48 - HTBT của hội đồng Bộ trưởng. Ngày 30/9/1981 do quyết định số 100 -HĐBT xã Xuân Lộc của huyện Đồng Xuân được chia thành 3 xã: Xuân Lộc, Xuân Bình và Xuân Hải, xã Xuân Cảnh làm 2 xã Xuân Cảnh và Xuân Hòa, xã Xuân Thọ làm 2 xã Xuân Thọ I và Xuân Thọ II, xã Xuân Quang làm 3 xã Xuân Quang I, Xuân Quang II và Xuân Quang III, thành lập xã Xuân Phương bao gồm thôn lệ Uyên, Trung Trinh tách từ thị trấn Sông Cầu, và các thôn Dân Phú I, Dân Phú II, Phú Mỹ tách khỏi xã Xuân Thịnh. Ở huyện Tuy An, thành lập xã An Cư gồm các thôn Phú Tân, Phú Lương, Tân Long tách khỏi thị trấn Chí Thạnh, chia xã An Ninh thành 2 xã, An Ninh Đông và An Ninh Tây. Chia xã An Chấn thành 2 xã An Chấn và An Phú. Ở huyện Tuy Hòa, xã Hòa Bình chia thành 2 xã Hòa Bình I và Hòa Bình II, xã Hòa Mỹ chia thành 2 xã Hòa Mỹ Đông Hòa Mỹ Tây, xã Hòa Tân chia làm 2 xã Hòa Tân Đông Hòa, Tân Tây, xã Hòa Hiệp chia làm 3 xã: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Trung, hòa Hiệp Nam, thành lập xã mới Hòa Tân. Tại thị xã Tuy Hòa, xã Bình Kiến chia thành 2 xã Bình Kiến và Hòa Kiến, xã Hòa Định chia làm 2 xã Hòa Định Đông Hòa Định tây.

Ngày 19/7/1983 do quyết định số 79 - HĐBT của hội đồng Bộ Trưởng, huyện Tây Sơn thành lập thêm xã Sơn Nguyên trên phần đất xóm Hòa Nguyên của thôn Xuân Sơn thuộc xã Sơn Xuân, xóm phường bà Tám của thôn Ngân điền thuộc xã Sơn Hà và xã Sơn Giang trên phần đất thôn Nhiều Giang của xã Sơn Hà.

Ngày 27/12/1984 quyết định số 79 - HĐBT của hội đồng Bộ Trưởng chia huyện Tây Sơn làm 2 huyện: Sông Hinh và Sơn Hòa. Huyện Sông Hinh có 6 xã, huyện lỵ tại EaBia:

Ea Bá	Ea Bia	Ea Trol
Đức Bình	Sơn Giang	Sông Hình
Huyện Sơn Hòa có thị trấn Củng Sơn và 11 xã:		
Phước Tân	Cà Lúi	Sơn Xuân
Sơn Định	Sơn Long	Sơn Nguyên
Sơn Phước	Sơn Hà	Suối Tra
krong Pa	Sơn Hội	

Ngày 27/6/1985 do quyết định số 189 - HĐBT của hội đồng Bộ Trưởng, huyện Đồng Xuân chia làm 2 huyện: Đồng Xuân và Sông Cầu. Huyện Đồng xuân Mới có 10 xã:

Xuân Phước	Xuân lân	Xuân Long
Xuân Sơn Bắc	Xuân Sơn Nam	Xuân Quang I
Xuân Quang II	Xuân Quang III	Đa Lộc
Phú Mổ.		

Huyện Sông Cầu có thị trấn Sông Cầu và 9 xã:

Xuân Phương	Xuân Thịnh	Xuân Cảnh
Xuân Hải	Xuân Hòa	Xuân Lộc
Xuân Bình	Xuân Thọ I	Xuân Thọ II

Ngày 15/4/1986 quyết định số 43 - HĐBT của hội đồng Bộ Trưởng tách đất xã Xuân Long thành lập thị trấn La Hai, huyện lỵ huyện Đồng Xuân. Ngày 27/3/1989 quyết định số - HĐBT tách đất xã EaBia thành lập thị trấn Hai Riêng, huyện lỵ huyện Sông Hình.

Ngày 30/6/1989 nghị quyết của Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 5 chia tỉnh Phú Khánh thành 2 tỉnh: Khánh Hòa và Phú

Yên. Tỉnh Phú Yên, tỉnh lỵ tại thị xã Tuy Hòa, các huyện Sông Cầu, Đồng Xuân, Tuy An, Tuy Hòa, sông Hinh và sơn Hòa.

Ngày 15/11/1991 do quyết định số 582 - TCCP của Bộ trưởng, trưởng ban tổ chức - Các bộ Chính Phủ, xã EaBia của huyện Sông Hinh được chia thành 2 xã Ea Bá và Ea Bar, xã Đức Bình chia làm 2 xã Đức Bình Đông và Đức Bình Tây.

Ngày 23/3/1994 do nghị định số 24 - CP của Chính Phủ, tỉnh Phú Yên trích 4 buôn của xã Krong Pa Sơn Hòa sáp nhập vào huyện Sông Hinh, đổi lại trích của huyện Sơn Hòa một phần đất độc lập xã mới Ea Lâm thuộc huyện Sông Hinh.

Ngày 20/10/1997 do nghị 'định số 104/1997 - NĐCP, Xã Suối Trai huyện Sơn Hòa trích một phần đất thành lập xã Ea Chà Rang.

Ngày 28/4/1999 do nghị định số 31/1999 - NĐCP của Chính Phủ, 2 phường mới của thị xã Tuy hòa được thành lập. Đó là phường 7 trích từ phường 5 và phường 8 trích từ phường 2. Tại huyện Sơn Hòa, xã mới Suối Bạc cũng được thành lập trên phần đất tách từ xã Sơn Phước và thị xã Củng Sơn.

Ngày 31/1/2002 do nghị định số 15/2002 - NĐCP của Chính Phủ, thị xã tuy hòa được chia thành 2 đơn vị hành chánh: thị xã Tuy Hòa và huyện Phú Hòa. Thị xã Tuy Hòa còn lại 8 phường và 3 xã Hòa Kiến, Bình Kiến, bình Ngọc. Huyện Phú Hòa có 7 xã: Hòa An, Hòa Định, Hòa Định Đông, Hòa Định tây, Hòa Trị, Hòa Quang, Hòa Hội.

Đến cuối năm 2003, tỉnh Phú Yên có 1 thị xã, 7 huyện, 6 thị trấn, 8 phường, 87 xã

Bài về về sản vật Tỉnh Phú Yên

Xem trong địa thế Phú Yên

Lâm sản thổ sản khắp miền thiếu chi?

Phú Yên tỉnh nhỏ lo gì,

Nhưng mà sản vật đủ thì nghinh ngang.

Muốn ăn mía Tây đi đến Thạch Bàn,

Thạch Thành, Lương Phước rõ ràng mênh mông.

Còn ăn mía ta, đến tổng Xuân Phong,

Tổng An Sơn, tổng An Hải phủ trong tổng Hòa Tường.

Ăn cam sành đi chợ Củng Sơn,

Ăn xoài Đá Trắng, ăn thơm đi chợ Đôn.

Dầu mà mấy chị có nôn,

Vân Hòa ăn mít, dưa hồng Tuy An.

Ăn dưa đường biển đi sang,

Mỹ Quang, Long Thủy, Đồng Bàn (?) Đồng Xuân.

Ăn đỗ phụng thì phải dời chân,

Sơn Hòa, An Đức, An Xuân, Hòa Bình.

Dùng bông đến tổng An Vinh,

Tuy Hòa, Hòa Lạc, Phước Bình nghinh ngang.

Dùng gai đi đến Định An(?)

Còn dùng thuốc lá thì đến Tân An, Sơn Hòa.

..... (1)

Trung Trinh, Lương Phước, Phước Hòa minh mông.

Trầu cau ở làng Định Phong.

Trung Lương, Phong Phú, Quan Quang, Sơn Triều.

Còn như súc sản cũng nhiều,

Bò trâu đi đến Sơn Triều nhiều thay,

Tân Long, Tân Hội, Đất Cày,

Triêm Đức, Thạnh Đức cùng nay Sơn Bình.

Sơn Xuân, Hòa Lộc, Trung Thiện,

Trung Lương, Sơn Hội, Tuy Bình, Củng Sơn.

Trừu nuôi Vĩnh Cửu nhiều hơn,

Liên Trì, Long Thủy, Nhơn Sơn, Sông Cầu.

Vịt nuôi ở tại Tiên Châu,

Bàn Nham, Thạch Chấm, Vườn Trầu, Hòa Đa.

Tầm nuôi Nước Nóng, Soi Hà,

Phong Thái, Thạnh Nghiệp, Định Trung (?) Sơn Triều.

Chợ nào bán cá cũng nhiều,

Chợ Tuy Hòa, chợ Đông Mỹ, chợ Sơn Triều, chợ Thái Long.

Chợ Phú Nhiêu, chợ Phú Thủ, chợ Phú Nông,

Chợ Bàn Thạch, chợ Phú Tiếp, chợ Hòa Đồng,

Chợ Phú Lâm, chợ Phú Hiệp nhiều hơn,
Chợ Thạch Thành, chợ Phước Mỹ, chợ Lương Sơn, chợ Núi
Sầm

Chợ Màng Màng, chợ Lò Giấy, chợ Nho Lâm,
Chợ Lò Tre, chợ Xổm, chợ Phú Tân, chợ Vân Hòa.
Chợ Phú Vang, chợ Phú Cốc, chợ Hòa Đa,
Chợ Phú Thạnh, chợ Phiên Thút cùng là chợ Quán Cau
Chợ Quang Thuận, chợ Quảng Đức (?) chợ Tiên Châu,
Chợ Phong Thái, chợ Chí Thạnh, chợ Sông Cầu chợ La Hai.
Chợ Đèo, chợ Mới, chợ Đồng Dài,
Chợ Phiên Sen, chợ Phước Lãnh, chợ Gò Chai, chợ Bình
Hòa

Nước mắm ngon chợ Khoan Hậu, chợ Gành Bà,
Chợ Tiên Châu, chợ Giã cùng là Phú Sơn
Vũng Bầu, ở Yến nhiều hơn,
Phú Câu, Đông Tác, Tuy Hòa, Đa Ngự,
Còn như chợ bảy chợ mười,
Ăn đường đen, đường cát đi thời Thái Long.
Triêm Đức, Thanh Đức, Phú Xuân
Tân Long cùng tổng Xuân Phong, Hòa Tường.
Mua muối đi chợ Lệ Uyên,
Tuyết Diêm, Đông Trạch, Trung Trinh hằng hà
Bánh trắng đi chợ Hòa Đa,
Ngân Sơn, Mỹ Lệ, Tuy Hòa tứ tung.

*Cắm Sơn làm trà làm vung,
Làm chum làm vại, nắn thùng nắn niêu.
Quán cau, xóm Gõ cũng nhiều,
Nào thùng, nào bộng, nào siêu nào nổi.
Đầu đuôi tôi kể hết rồi,
Xem trong địa thế Phú Yên thời thiếu chi.*

VÔ DANH

(1) Sót một câu sáu chữ.

THỐNG KÊ VỀ GIÁO DỤC TỈNH PHÚ YÊN

(Niên khóa 1964-1965)

Tên quận	Công lập			Tư thục		
	Số trường	Số lớp	Học sinh	Số trường	Số lớp	Học sinh

A. BẬC TRUNG HỌC

Sông Cầu	1	8	416			
Đồng Xuân	1	3	150			
Tuy An	1	3	154	1	6	324
Tuy Hòa	1	32	2.136	2	22	1.788
Hiếu Xương				2	12	624
Sơn Hòa						
Phú Đức						
Cộng	4	46	2.856	5	40	2.736

B. BẬC TIỂU HỌC

Sông Cầu	4	29	1.441			
Đồng Xuân	5	35	1.592			
Tuy An	9	61	2.684	1	5	192
Tuy Hòa	11	108	5.241	2	21	1.036
Hiếu Xương	8	78	4.165	1	3	120
Sơn Hòa	1	6	243			
Phú Đức	1	5	123			
Cộng	39	322	15.489	4	29	1.351

C. BẬC SƠ CẤP (Kể cả HUƠNG TRƯỜNG)

Sông Cầu	8	19	786	2	3	123
Đồng Xuân	13	23	1.192			
Tuy An	20	31	1.642			
Tuy Hòa	27	61	2.952	10	14	319
Hiếu Xương	29	63	2.814	3		183
Sơn Hòa	3	202	7.586			
Phú Đức						
Cộng						

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
TRONG TỈNH PHÚ YÊN**
(Thống kê năm 1964)

TÊN XÃ	DIỆN TÍCH	SỐ THÔN	TÊN THÔN
I. QUẬN SÔNG CẦU			
Xuân Lộc	15.510 Ha	9	Túy Phong 7, Long Thạnh, Thạch Khê, Túy Phong 8, Diêm Trường, Thọ Lộc, Chánh Lộc, Bình Thạnh, Tuyết Diêm
Xuân Cảnh	7.730 Ha	6	Tùy Luật Mỹ, Vĩnh Cửu Phú, Vĩnh Cửu An, Vĩnh Cửu-Lợi, Phú Hội, Tùy Luật-Hòa
Xuân Thịnh	4.395 Ha	5	Vĩnh Hòa, Phú Dương, Phú Mỹ, Từ Nham, Dân Phú
Xuân Phương	13.230 Ha	8	Long Bình, Lệ Uyên, Trung Trinh, Phước Lý, Dân Phước, Cao Phong, Long Phước, Long Hải
Xuân Thọ	6.945 Ha	8	Khoan Hậu, Phương Lưu, Phú Vinh, Triều Sơn, Hảo Danh, Mỹ Lương, Tân Thạnh, An Bình Thạnh.

II. QUẬN ĐỒNG XUÂN

Xuân Sơn	6.130 Ha	5	Phú Long, Phú Thọ, Phú Hòa, Phú Vang, Hà Bằng
Xuân Long	2.270 Ha	2	Phước Long, Hà Trung
Xuân Lãnh	22.250 Ha	3	Đa Lộc, Phước Lãnh, Lỗ Diêu
Xuân Quang	64.954 Ha	9	Làng Thượng, Làng Ruộng Phú Giang, Kỳ Lộ, Phước Huệ, Triêm Đức, Phước Nhuận, Phước Lộc
Xuân Phước	18.445 Ha	5	Phước Hòa, Phú Xuân, Phú Hội, Tổng Bình, Phước Tân

III. QUẬN TUY AN

An Xuân	4.058 Ha	3	Hòa Lộc, Trung Thành, Diêu Viên
An Nghiệp	3.045 Ha	4	Trung Lương, Phong Nhiêu, Thế Hiên, Định Phong
An Định	1.155 Ha	6	Long Hòa, Phong Hậu, Phong Thắng, Phong Hạnh, Định Trung, Phong Niên
An Dân	1.560 Ha	7	Mỹ Long, Phú Mỹ, Bình Hòa, Bình Chính, Cần Lương, An Thổ, Long Uyên
An Thạch	1.155 Ha	4	Phú Thịnh, Hội Tín, Ngân Sơn, Hà Yên
An Ninh	3.435 Ha	9	Tiên Châu, Bình Thạnh, Hội Phú, Diêm Điền, Xuân Phú, Phú Hội, Phú Thạnh, Lễ Thạnh, Phú Sơn
An Cư	3.100 Ha	5	Chí Thạnh, Chí Đức, Phước Lương, Tân Long, Phú Tân

An Hiệp	3.460 Ha	7	Mỹ Huân, Mỹ Thạnh, Tuy Dương, Hội Đức, Phước Hậu, Mỹ Phú, Phong Phú
An Hải	1.240 Ha	3	Tân Qui, Xuân Hòa, Phước Đồng
An Hòa	1.790 Ha	8	Diêm Hội, Phú Thường, Nhơn Sơn, Tân An, Hội Sơn, Tân Định, Tân Hòa, Phú Diêm
An Mỹ	1.510 Ha	4	Phú Hòa, Hòa Đa, Giai Sơn, Phú Long
An Lĩnh	6.940 Ha	6	Phong Thái, Phong Lãnh, Quang Thuận, Thái Long, Vĩnh Xuân, Tư Thạnh

IV. QUẬN TUY HÒA

Hòa Định	7.670 Ha	4	Phú Sen, Cẩm Thạch, An Nghiệp, Thạnh Nghiệp
Hòa Kiến	6.315 Ha	12	Thượng Phú, Phú Vang, Thọ Vức, Sơn Cẩm Thọ, Xuân Hòa, Quan Quang, Tường Quang, Ngọc Phong, Minh Đức, Phước Hậu, Liên Trì, Ninh Tịnh
Hòa Quang Ngọc	12.285 Ha	12	Cẩm Sơn, Ngọc Lãnh, Đông Mỹ, Đông Hòa, Sơn, Hạnh Lâm, Đại Phú, Đại Bình, Nho Lâm, Mậu Lâm, Thạnh Lâm, Phú Thạnh

Hòa Thắng	3.695 Ha	11	Phong Niên, Phú Lộc, Mỹ Thành, Mỹ Hòa, Đông Lộc, Phú Ân, Vĩnh Phú, Ân Niên, Đông Phước, Đông Bình, Ngọc Lăng
Hòa Trị	1.170 Ha	5	Phụng Nguyên, Long Tường, Phụng Tường, Qui Hậu, Phước Khánh
Tuy Hòa	780 Ha	6	Bình An, Bình Tịnh, Bình Mỹ, Bình Nhạn, Bình Hòa
An Thọ	3.905 Ha	9	Suối Mây, Quảng Đức, Phú Cẩn, Phong Điền, Quảng Đức, Kim Sơn, Lam Sơn, Hòn Gió, Phú Mỹ
An Chấn	1.585 Ha	9	Phú Phong, Phú Thạnh, Phú Quý, Mỹ Quang, Long Thủy, Xuân Dục, Phú Liên, Phú Lương, Chính Nghĩa

V. QUẬN HIẾU XƯƠNG

Đức Thành	35.840 Ha	9	Qui Hậu, Hiếu Thành, Lạc Điền, Thạch Bình, Tịnh Thọ, Lạc Nghiệp, Trường Lạc, Lạc Đạo, Nhiêu Giang
Hòa Bình	2.910 Ha	7	Phú Nông, Phước Nông, Lạc Nghiệp, Phước Mỹ, Mỹ Lệ, Phú Thứ, Phước Thịnh
Hòa Đồng	1.080 Ha	5	Vinh Ba, Phú Diễn, Mỹ Thuận, Mỹ Phong, Phú Phong

Hòa Mỹ	22.800 Ha	12	Vạn Lộc, Phú Thuận, Phú Nhiều, Phú Thọ, Xuân Mỹ, Thanh Phú, Quảng Phú, Mỹ Tường, Quảng Tường, Mỹ Thành, Ngọc Lâm, Lạc Chỉ
Hòa Phong	3.610 Ha	10	Phước Thành, Mỹ Thanh Đông, Mỹ Thanh Tây, Mỹ Thanh Trung Tân Mỹ, Lương Phước, Thạch Bàn, Liên
Hòa Tân	1.765 Ha	10	Thạch, Nam Bình, Lạc Mỹ Phú Quý, Phú Lạc, Hội Khánh, Hội Cư, Xuân Thanh, Cảnh Phước, Đồng Thanh, Vĩnh Xuân, Phú Đa, Phú Lương
Hòa Thịnh	12.650 Ha	9	Phú Hữu, Mỹ Hòa, Mỹ Trung, Mỹ Điền, Mỹ Phú, Mỹ Xuân, Mỹ Lâm, Cảnh Tịnh, Mỹ Cảnh
Hòa Thành	3.415 Ha	5	Đông Tác, Phú Lâm, Phú Lễ, Phước Lộc, Phước Bình
Hòa Hiệp	4.125 Ha	9	Thanh Lâm (A và B), Phú Nhuận, Uất Lâm, Mỹ Hòa, Phước Lâm, Phú Hiệp, Tho Lâm, Đa Ngư, Phú Lạc
Hòa Xuân	20.095 Ha	12	Phước Lương, Hiệp Đồng, Thạch Tuấn, Phú Khê, Mỹ Khê, Phước Giang, Hảo Sơn, Bàn Nham, Bàn Thạch, Thạch Chấm, Nam Bình, Tuy Bình
Hòa Vĩnh	1.180 Ha	2	Trường Thịnh, Đông Mỹ

VI. QUẬN SƠN HÒA

Sơn Long	4.630 Ha	3	Trung Trinh, Vân Hòa, Phong Cao
Sơn Định	5.270 Ha	3	Trung Hòa, Phú Thuận, Phong Hòa
Sơn Phước	9.360 Ha	4	Tân Bình, Tân An, Suối Bạc, Phú Hữu
Sơn Xuân	7.725 Ha	3	Lương Sơn, Xuân Sơn, Hòa Nguyên
Sơn Hà	8.740 Ha	4	Ngân Điền, Thạnh Hội, Đồng Cam, Phong Hậu
Sơn Bình	17.528 Ha	4	Suối Trai, Tịnh Sơn, Tây Hòa, Đông Hòa
Sơn Hội	18.518 Ha	5	Cà Lúi, Tân Lương, Tân Vinh, Tân Hội, Cây Gia

VII. QUẬN PHÚ ĐỨC

Đức Bình	30.920 Ha	2	Túy Bình, Chí Thán
Đức Hòa (cư-kmrô)	8.400 Ha		
Đức Thắng (ea-hmlai)	22.520 Ha		
Đức Dũng (Ea-Pak)	40.200 Ha		
Đức Trung (ea-chuốt)	8.200 Ha		
Đức Hiệp (eo-lo-bơn)	12.270 Ha		
Đức Nghĩa (Eo Bir)	3.480 Ha	2	Đức Hòa, Đức Thắng
Tổng Phú Hòa (I)	30.920 Ha		

Non nước Phú Yên

Tổng Phú Trung	64.150 Ha	4	Đức Dũng, Đức Hiệp, Đức Nghĩa, Đức Trung
-------------------	-----------	---	---

Tổng kết toàn tỉnh Phú Yên có:

- 7 quận
- 2 tổng
- 55 xã
- 312 Thôn

(1) Tại Phú Yên chỉ quận Phú Đức có 2 tổng (tổng chỉ có thôn mà không có xã).

Mục Lục

Non nước Phú Yên.....	1
Tựa	3
Lời nói đầu	6
Phần thứ nhất - Cảnh đẹp thiên nhiên	11
Chương I - Vị trí - Diện tích	12
Chương II - Địa chất (1)	15
Chương III - Núi non	18
Chương IV - Vùng châu thổ	32
Chương V - Sông ngòi	35
Chương VI - Bờ biển	41
Chương VII - Khí hậu	57
Phần thứ hai - Tay người tô điểm	63
Chương I - Lịch sử	64
Chương II - Phong tục, tập quán	79
Chương III - Cổ tích	102
Chương IV - Nhân vật	127
Phần thứ ba - Nguồn lợi kinh tế	174
Chương I - Tài nguyên	175
Chương II - Hoạt động công nghiệp và ngư nghiệp	183
Chương III - Hoạt động thương mại	189
Chương IV - Sản vật đặc biệt	191
Kết luận	198
Phụ lục	200
Mục lục	218

SÁCH BÁO THAM KHẢO

- *Địa dư tỉnh Phú Yên* của Trần Sĩ và Nguyễn Đình Cẩm
- *Đại Nam nhất thống chí*: tỉnh Phú Yên
- *Đất Việt trời Nam* của Thái Văn Kiểm
- *Việt Nam gấm vóc* của Phan Xuân Hòa
- *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim
- *Việt Sử tân biên* của Phạm Văn Sơn
- *Lịch Sử Cận Đại danh nhân thi tập* của Đỗ Phong Thuần
- *Địa Phương Chí tỉnh Phú Yên* của Tòa Hành chính Phú Yên
- *Phú Yên phục hưng* của Ty Thông Tin Phú Yên
- *Người chứng thứ nhất* của Phạm Đình Khiêm
- *Việt Nam Phật Giáo sử lược* của Thượng tọa Thích Mật Thể
- *Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam của Quốc Tuệ*
- *Hương Hoa đất nước* của Trọng Toàn
- *Nguyễn Tri Phương* của Phan Trần Chúc
- *Phong tục đồng bào Thượng* của Nha Xã Hội miền Thượng
- *Dạ Hội mùa xuân* của Huy Lực
- *Phương Đình dư địa chí* của Nguyễn Siêu (bản dịch của Ngô Công Nghinh)
- *Điều Tàn* của Chế Lan Viên

- *Cụ Trần Cao Vân của Hành Sơn*
- *Tạp chí Phổ thông*
- *Tạp chí Bách khoa*
- *Tạp chí Giáo Dục phổ thông*
- *Tạp chí Văn nghệ nguyệt san*
- *Việt Nam khảo cổ tạp chí*
- *Tuần báo Chấn Hưng kinh tế*
- *Tuần báo Xây Dựng*

Cùng một tác giả

Đã Xuất Bản :

- 1.- Nguyễn Xi (sách thiếu nhi) Tân Dân Hà Nội 1944
- 2.- Thủ chống nợ nước (nt) nt
- 3.- Di ghê con chồng (nt) nt
- 4.- Nguồn sống (nt) Tân Dân Hà Nội 1945
- 5.- Vàng trong miệng đá (nt) Văn Hồng Hà Nội 1945
- 6.- Non nước Phú Yên (biên khảo) Tiền Giang SG 1965
- 7.- Non nước Khánh Hòa (nt) Sông Lam Sài Gòn 1972
- 8.- Non nước Ninh Thuận (nt) Sông Mới Sài Gòn 1974
- 9.- Mộng bá tranh hùng (Loạn 12 sứ quân tập I).
Tiểu thuyết lịch sử. Đồng Nai 1990
- 10.- Vọng Nguyệt Đài (L12SQ tập II) nt
- 11.- Hoa Lư anh hùng tự nghĩa (L12SQ tập III) nt
- 12.- Khói lửa Kinh kỳ (L12SQ tập IV) nt
- 13.- Mưu chước Thiên sư (L12SQ tập V) nt
- 14.- Vạn Thắng Vương (L12SQ tập VI) nt
- 15.- Đường phố nội thành TP Hồ Chí Minh (biên khảo)
NXB TP HCM 1994
- 16.- Lược sử 300 năm Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh hình
thành và phát triển (đồng tác giả) Trẻ 1999
- 17.- Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX tập I
(đồng tác giả) Thành hội PGVN TPHCM 1995
- 18.- Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh/hình thành và phát triển
(đồng tác giả) sở VH TT TP HCM 1999.
- 19.- Từ điển TP Hồ Chí Minh (đồng tác giả) Trẻ 2001
- 20.- Nghĩ về Thăng Long - Hà Nội (đồng tác giả) nt
- 21.- Từ điển đường phố TP Hồ Chí Minh (soạn chung với Nguyễn Q. Thắng)
NXB VH TT 2001
- 22.- Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam (đồng tác
giả). Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế và tạp chí Xưa và Nay 2002.
- 23.- Miền Đông Nam Bộ, lịch sử và phát triển (đồng tác giả). Tạp chí Xưa
và Nay và NKB TP Hồ Chí Minh 2002.

Sẽ Xuất Bản :

- Từ điển địa danh TP Hồ Chí Minh (soạn chung với TS Lê Trung Hoa)
- Từ điển Lịch sử Địa danh Hành chính các tỉnh Nam bộ (1698 - 2001)

NON NƯỚC PHÚ YÊN

Tựa của Nguyễn Hiến Lê

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Chịu trách nhiệm xuất bản

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập

NGUYỄN SƠN

Bìa

HUỲNH PHI HẢI

In 1000 cuốn, khổ 13x 19cm. Tại công ty cổ phần In Bến Tre.
Số đăng kí kế hoạch xuất bản 60/638-CXB do cục xuất bản
cấp ngày 10/06/2003 và Giấy trích ngang kế hoạch xuất bản
số 131/TN/XBTN. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2004.



Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú, Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hào hùng bất diệt, có những anh hùng làm rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta....

Bộ sách "Sưu khảo các tỉnh, thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch sử, Địa lý, Nhân vật, Giai thoại, Huyền thoại, di tích, thắng cảnh cũng như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần tô điểm thêm non nước cẩm tú của chúng ta.

Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dành trọn đời mình cho công việc sưu khảo, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và đã được gặp nhiều nhân vật năm xưa như: Cựu Hoàng Thành Thái....

Bộ sách "Sưu khảo các tỉnh, thành năm xưa" là bộ sách không thể thiếu được trong tủ sách gia đình của các độc giả.



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CŨ

288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516

Website: dngachthanhngiahoi.com.vn

Giá: 25.000đ